

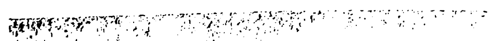
NGHÌN NGÀY NƯỚC Ý, NGHÌN NGÀY YÊU

TRƯƠNG ANH NGỌC

nhã nam
NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Nghìn ngày nước Ý, nghìn ngày yêu
Trương Anh Ngọc

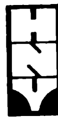
Xuất bản theo hợp đồng sử dụng tác phẩm giữa
Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam và tác giả **Trương Anh Ngọc**, 2017



NGHÌN NGÀY NƯỚC Ý, NGHÌN NGÀY YÊU

THU NGÂN *minh họa*

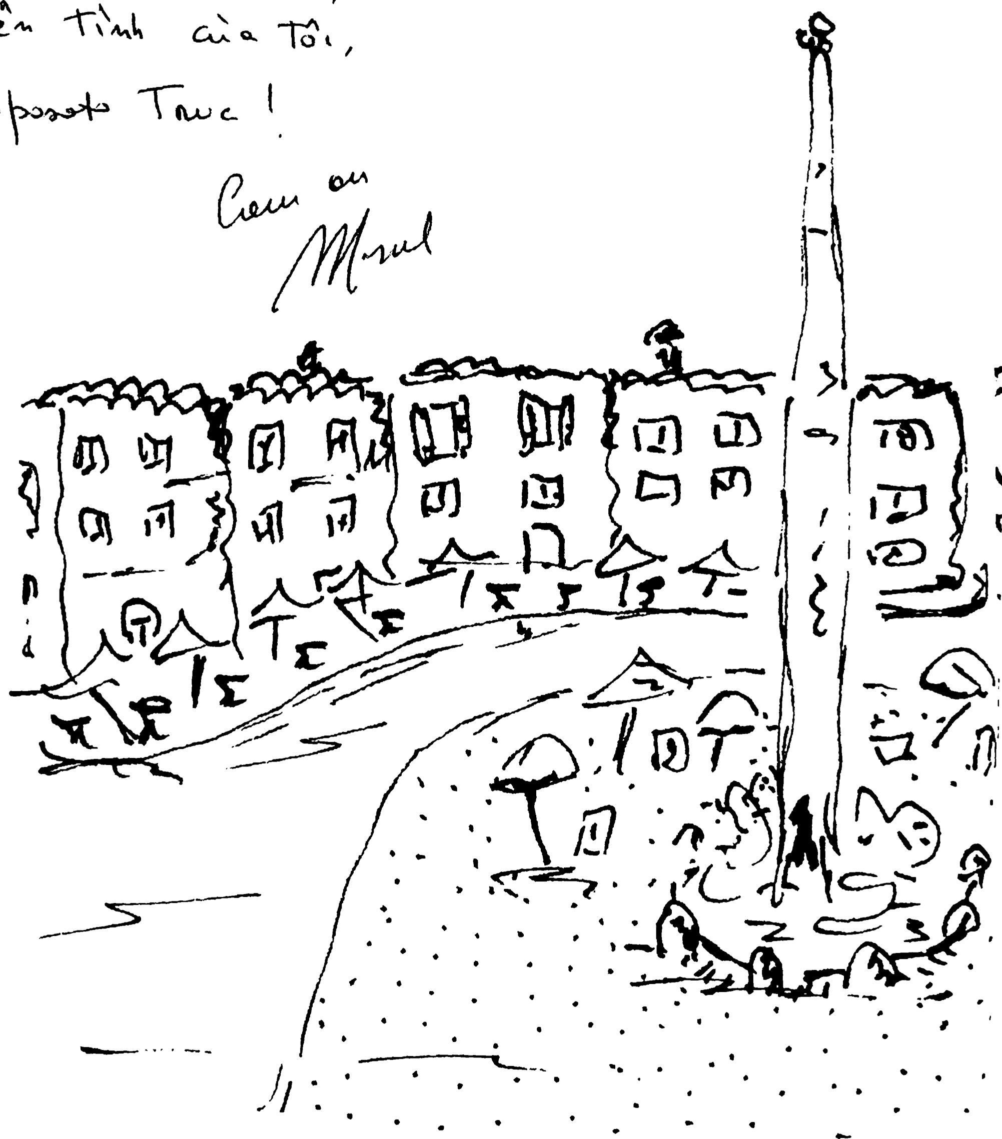



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Tặng gia đình, bạn bè
và những người luôn có nước Ý trong tim

Mi ha intervistato e non
sapevo chi era.
L'ho conosciuto e ho capito
che splendida persona è.
È tornato in Vietnam e
sento tanto la sua mancanza.
Cam ơn, Ngọc, mi hai fatto
conoscere ed innamorare del
Vietnam e grazie a te ed
al tuo libro, Nước ý, câu
chuyện tình của tôi,
ho sposato Trúc!

Cam ơn
[illegible]



"Anh ấy (Anh Ngọc) phỏng vấn tôi và tôi không biết là ai
Rồi tôi biết anh ấy và tôi hiểu-anh, một con người tuyệt vời
Anh trở lại Việt Nam và tôi thấy rất nhớ anh.
Cảm ơn Ngọc vì đã giúp tôi biết đến và yêu Việt Nam
... Và nhờ cuốn sách Nước Ý, câu chuyện tình của tôi *mà anh viết*
Mà tôi cưới Trúc!"



Tranh và đề tặng của nghệ sĩ Marcel, nhân vật trong cuốn Nước Ý, câu chuyện tình của tôi, *và cả cuốn sách này.*


N
W
E
S
LIMONCELLO

Có một tình yêu mang tên Italia

Khi những trang bản thảo cuối cùng của cuốn Nước Ý, câu chuyện tình của tôi *đóng lại và sách chuẩn bị được xuất bản, thì những dòng đầu tiên của cuốn sách này bắt đầu được viết ra. Nhưng đấy chỉ là phần phác họa đầu tiên, cơ bản và không thể chi tiết, bởi tất cả những gì trong cuốn sách này chỉ trở nên hiện hữu trong những năm tháng tôi trở lại đất Ý, vẫn sống ở Roma, vẫn đắm chìm trong những tình cảm đã qua và thêm khám phá mới mẻ về những điều tưởng như đã cũ, những góc phố tưởng như đã quá quen thuộc cùng biết bao những chuyến đi mới, đến những vùng đất mới trên đất nước hình chiếc ủng.*

Nhưng cuốn sách này không phải là tập hai của cuốn sách đã xuất bản, cũng không phải là phần ăn theo của nó. Đấy là một hành trình mới mẻ và không ngưng nghỉ những quan sát, suy nghĩ và cảm nhận, để ngấm vào tâm hồn và mạch văn chương, rồi ghi chép. Tình cảm đối với nước Ý không ào ạt và mạnh mẽ như thuở ban đầu khi tôi đặt chân lên đó vào năm 2007 nữa, mà sâu lắng hơn, đằm thắm hơn. Nhiều vùng đất được khám phá trở lại, nhiều vùng đất mới ghé chân tới, những người bạn cũ trở nên khăng khít hơn, những người bạn mới xuất hiện, đôi khi chỉ rất tình cờ, ở một cung đường, một quán cà phê, một bãi đỗ xe, một sân vận động. Đấy cũng có thể là một ông già bị bệnh Down mà tôi không hề biết tên cứ vẫy tay chào

mỗi khi xe qua nơi ông ngồi ở gần nhà tôi. Cái nhìn về nước Ý do đó cũng trở nên sâu lắng hơn, nhiều góc cạnh hơn. Đấy là cuộc sống của những quảng trường, văn hóa cà phê, bánh ngọt, kem, tình yêu bóng đá, những khuôn cửa sổ, những thành phố nhỏ trên núi, những bức ảnh thờ Đức Mẹ trên tường, những con phố gắn liền với tình yêu và sự phản bội, và cả những bi kịch của con người. Ở đấy, tôi chứng kiến những cặp tình nhân thành chồng thành vợ, những người bạn đời thân thiết chia tay nhau, những ước mơ được thực hiện, hay vài người bạn cũ đã từ bỏ cõi đời, để lại bao tiếc nuối và trống vắng.

Tôi cứ đi như thế, trên những con đường dọc ngang đất nước mà tôi đã gắn bó biết bao năm cuộc đời. Bốn bánh xe và một tâm hồn cởi mở đưa tôi đi khắp nơi, qua núi đồi xứ Toscana dưới những hàng thông thẳng đứng, qua những hòn đảo của Địa Trung Hải, tới những thành phố cổ kính mang dấu ấn thời Phục hưng, tới nơi chôn rau cắt rốn của những vĩ nhân đã làm cho nước Ý tự hào và khiến thế giới ngưỡng mộ như Leonardo da Vinci, Michelangelo hay Luciano Pavarotti, tới cả những vùng đất phía Nam chìm trong cái chết và tội ác vì mafia mà nước Ý không muốn ai nhắc tới. Chân tôi đã đặt chân đến những đâu nữa? Nhiều lắm các chuyến đi, nhiều lắm những cuộc gặp gỡ con người và những va chạm về văn hóa, trong hành trình hơn một nghìn ngày của đi và sống, tương đương với ba năm của một nhiệm kỳ công tác của tôi. Những gia đình mà chúng tôi đã kết bạn, đã chia sẻ nhiều điều của cuộc sống, cũng đã cùng đi trên những chặng đường. Tôi lớn lên nhiều trong những hành trình ấy. Văn hóa nước Ý sống trong tôi, cùng tôi, nuôi dưỡng tôi về phần hồn, thành bệ phóng để đưa tôi đi đến nhiều góc khác của châu Âu và thế giới trong những năm tháng ấy. Nước Ý vừa như một người bạn, một người tri kỷ, một người tình. Nước Ý như một gia đình của chính tôi. Và những chặng đường ấy không kết thúc khi chúng tôi rời nước Ý trở về, mà vẫn tiếp tục trong tâm tưởng, trong những suy nghĩ, những giấc mơ ngọt ngào mỗi đêm.

Có một con người đã đi với tôi trong những năm ấy, một nghệ sĩ, một con người của những quảng trường, con người của sự lãng mạn. Đấy là Marcel. Ông là nhân vật trong cuốn Nước Ý, câu chuyện tình của tôi. *Khi ấy, ông vẫn còn múa rối tay trên quảng trường Navona. Khi tôi trở lại, ông không múa rối tay nữa. Cuộc chờ đợi kỳ lạ đã lên phim ảnh của ông cho một người tình không bao giờ trở lại đã kết thúc. Bây giờ ông vẽ tranh và bán tranh trên quảng trường. Và rồi sự trở lại của tôi dẫn đến một câu chuyện cổ tích khác: một cô gái Việt Nam là độc giả của cuốn sách đã đem lòng yêu ông. Ba năm tôi ở Ý là ba năm chứng kiến câu chuyện tình chênh lệch tuổi tác, ngôn ngữ và văn hóa ấy thành hiện thực, với biết bao cung bậc cảm xúc, có hy vọng, giận hờn, thất vọng và rồi lại hy vọng, khi họ yêu nhau bằng hàng triệu thông điệp qua Facebook. Rồi ông sang Việt Nam, rồi họ làm giấy đăng ký kết hôn và cô sang sống với ông, giữa lòng Roma lãng mạn, trong một ngôi nhà nhỏ có khung cửa sổ nhìn ra một quảng trường xanh bóng cây. Câu chuyện tình ấy xuyên suốt những năm tháng tôi ở Ý, và khiến tôi nhận ra rất nhiều điều về cuộc sống tình cảm của người Ý. Tình yêu là lẽ sống, là hy vọng, là đau khổ, đam mê. Tình yêu là vượt qua mọi cách biệt về không gian, thời gian và tuổi tác, ngôn ngữ. Tình yêu cũng đồng nghĩa với những nỗi tuyệt vọng và cô đơn. Tình yêu là tất cả. Và trong hành trình dài thứ hai này của tôi với nước Ý, tình yêu ấy có thể cảm nhận được, sờ được, nhìn được, nghe được, ngửi được, và tóm lại, mô tả được bằng mọi giác quan.*

Ngày trở lại nước Ý, tôi ghé lại quảng trường Sant'Egidio ở khu Trastevere, Roma và sững sờ đến xúc động lặng người khi chứng kiến một sự thay đổi. Mấy năm trước, khi tôi có mặt ở đó và chụp một tấm ảnh mà sau này được dùng để làm bìa cho cuốn Nước Ý, câu chuyện tình của tôi, *chỉ có một chiếc xe đạp dựa vào một tấm biển đường, bên bức tường cổ kính đã tróc vôi có màu vàng sậm pha đỏ. Đấy là màu của thành phố, màu của nước Ý, màu của cuộc sống*

nơi đó. Mấy năm sau, chiếc xe không còn cô độc ở đó nữa. Cả một gia đình xe lớn của bố mẹ và xe bé của con trẻ đang dựng vào cây cột đó. Bức tường vẫn thế, là nhân chứng cho một gia đình xe đạp hạnh phúc và đầy niềm vui. Tôi mỉm cười và cảm thấy choáng ngợp bởi một thứ tình cảm nhẹ nhàng và sâu lắng đang ùa vào từng thớ thịt, mạch máu: yêu chính là sống. Yêu đời, yêu người, yêu bản thân chúng ta, với một tâm hồn cởi mở. Nghìn ngày trên đất Ý là nghìn ngày yêu như thế.

Cuốn sách này chính là một thông điệp tình yêu, về nước Ý và từ nước Ý.

Trương Anh Ngọc

Phần một

Sống, như người Italia sống

Sống trên những quảng trường Italia

Hàng thế kỷ cứ thế trôi qua trên những quảng trường. Lối sống có thể thay đổi, lối nghĩ cũng thế, thời trang là một khái niệm về sự thay đổi, nhưng các quảng trường vẫn im lặng đóng vai trò của một sân khấu đời.

"Nửa đêm rồi. Ta phải đóng quảng trường. Các người đi đi. Quảng trường là của ta. Quảng trường là của ta". Saverino vừa chạy vừa gào lên như thế trong mấy cảnh ngắn ngủi của phim *Cinema Paradiso* (Rạp chiếu bóng thiên đường), bộ phim bất hủ của điện ảnh Italia đoạt Oscar cho Phim nước ngoài hay nhất năm 1989.



Cảnh đó, với những người theo chủ nghĩa lãng mạn và từng ngất ngây vì những cảnh hôn nhau cháy bỏng giữa chàng Salvatore và nàng Elena xinh đẹp trong bộ phim ấy, hẳn không phải cảnh đáng chú ý nhất trong siêu phẩm của

đạo diễn Giuseppe Tornatore. Nhưng với tôi, những tiếng la ấy, và cái dáng chạy tất tả của Saverino ở quảng trường "của anh" đã luôn là một nỗi ám ảnh. Kể cả cho đến khi chính tôi đến sống ở Italia, và rồi cũng như người Italia, coi những quảng trường ở đó như một không gian sống của chính mình. Không thể gặp ở đây những người như Saverino nữa. Những người lang thang và vô gia cư thì vẫn còn, lấy vài mảnh bìa các tông làm chiếu và áo cũ làm chăn ở những bậc thềm nhà thờ bên các quảng trường lớn. Nhưng những người "điên" thì hiếm thấy. Mà thực ra chỉ có một người điên như thế đã tạo cảm hứng cho Tornatore đưa lên phim cảnh đòi quảng trường ở Palazzo Adriano, nơi quay những ngoại cảnh đẹp nhất của *Cinema Paradiso*. Người đàn ông vô gia cư ấy đã quen sống ở quảng trường, và rồi một hôm, khi thấy đoàn làm phim đến dựng cảnh, ông đã "đòi" lại ngôi nhà lớn và quen thuộc của mình vì không chịu nổi việc có quá nhiều người lạ xuất hiện ở đó. Bây giờ, khi những quảng trường lớn nhất, nổi tiếng nhất và đẹp nhất ở các thành phố Italia lúc nào cũng đông nghẹt du khách từ sáng sớm đến tối mịt, bất kể đông hay hè, lạnh buốt hay nóng bức, những người như Saverino không đuổi người lạ nữa, mà phải sống chung với họ, và tự biến mình thành những nghệ sĩ đường phố.

Những nghệ sĩ ấy bỗng dưng trở thành một yếu tố quan trọng và mang tính động trong cuộc sống hiện đại của những quảng trường vốn trước kia là nơi người ta gặp nhau, tán tỉnh nhau và chứng kiến những thế hệ già đi. Họ cùng tồn tại với nhau trong một thế giới không ngừng biến động, với những gương mặt du khách mỗi hôm một khác, nhưng cũng rất tĩnh, bởi những tòa nhà cổ kính hàng trăm tuổi vây quanh không

gian ấy vẫn thế, chỉ có điều mỗi ngày già đi một chút, cũng giống như họ.

Những du khách đến Italia có thể choáng ngợp với mặt bằng lớn lao mà những quảng trường sở hữu, những đài phun nước đặt ở những góc đẹp nhất theo một kết hợp mang tính triết lý kiến trúc pha lẫn phong thủy, và rồi có thể họ sẽ giật mình khi nghe những tiếng chuông nhà thờ từ các tháp chuông cao vút. Hầu như quảng trường nào cũng có ít nhất một nhà thờ. Từ những ban thờ, Chúa và Đức Mẹ đã chứng kiến bao nhiêu cảnh đời, bao số phận đến rồi đi, sống và chết trên những quảng trường ấy. Chết vì các thế hệ cứ thế sinh ra, lớn lên và già đi. Chết, vì các quảng trường lớn đã từng có một chức năng khác: xử tử những ai bị kết tội chết. Trùm phát xít Mussolini đã bị du kích bắn chết rồi xác của ông ta được treo trên một quảng trường ở Milano. Các triết gia Savonarola[*] và nhà thiên văn Bruno cũng đã chết thiêu trên các quảng trường hơn năm trăm năm về trước. Bức tượng Bruno mắt trừng trừng nhìn về phía Tòa thánh Vatican bây giờ vẫn đứng sừng sững ở quảng trường Campo de' Fiori, quảng trường duy nhất ở Roma không có nhà thờ. Không thể có nhà thờ nào ở đấy được, vì chính nhà thờ Công giáo đã ra lệnh thiêu sống ông, vì ông dám tuyên bố trái đất quay quanh mặt trời, đi ngược lại niềm tin của Giáo hội. Nhiều năm sau đó, nhà thiên văn Galileo Galilei cũng đã

---

*. Girolamo Savonarola (1452-1498) là một giáo sĩ ở Firenze thời Phục hưng. Ông nổi tiếng với những lời tiên tri cũng như các chiến dịch đạo đức chống lại sự tha hóa của Giáo hội Công giáo. Savonarola bị xét xử và thiêu chết do chống lại quyền lực của Giáo hoàng Alexander VI. (Các chú thích trong sách là của tác giả)

nói như thế, "Eppur si muove" (Dù sao nó vẫn quay), khi bước ra quảng trường Minerva cách đó mấy dặm đường, sau một phiên tòa. Cạnh đó là một nhà thờ lớn mà người ta đã dùng để xét xử ông.

Cái chết hiện hữu trên các quảng trường, nhưng sống quan trọng hơn cả, và những ấn tượng ban đầu của du khách không phải là lịch sử về những người đã chết. Họ chụp ảnh lưu niệm những bức tượng theo kiến trúc Baroque. Họ sục sạo các quán ăn và cà phê lúc nào cũng có dăm ba người bồi bàn chào mời tất cả những ai đi qua. Họ ngắm nhìn những đàn bồ câu chơi thanh thản trên quảng trường. Họ trầm trồ trước những chiếc xe đạp hay xe Vespa cũ kỹ dựng bên bờ tường phủ đầy dây thường xuân đã ngả màu khi thu qua. Họ ngồi trên các ghế đá và bờ của các đài phun nước có từ thời Phục hưng. Họ ngây người ngắm những tòa nhà đủ màu sắc và những con đường nhỏ vây quanh. Họ đến, rồi họ cũng sẽ đi, và có thể họ chẳng bao giờ quay lại lần nữa, ngay cả khi những ấn tượng chợt đến vào lúc họ có mặt ở đấy vẫn chưa phai. Nhưng những Saverino thì khác. Ngày này qua ngày khác, họ sống trên những quảng trường. Cuộc đời của họ bình lặng trôi qua ở đó. Tình cảm của họ với cuộc sống trơ đi như những nhà thờ cổ đứng đó cùng năm tháng. Sống ở quảng trường khác với đi ngắm nó và bình phẩm về nó, chụp ảnh nó.

Những Saverino như biết bao nghệ sĩ đường phố tôi gặp ở các quảng trường nước Ý, nhiều lắm. Họ là các họa sĩ, là những ca sĩ lang thang, là những người diễn hề mà mỗi người chiếm cứ một mẩu quảng trường chừng chục mét vuông và người này đợi người kia biểu diễn xong mới bắt đầu show diễn ngắn của mình, là những chàng trai trẻ sơn mặt đen sì và cầm khẩu

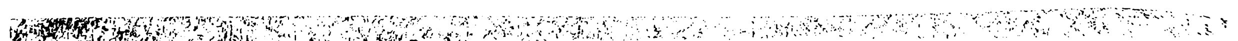
súng côn như kiểu một cao bồi, cứ thế đứng mãi dưới nắng, bất động và nháy mắt với những ai ném vào cái mũ trước mặt vài xu. Câu chuyện về cuộc đời họ xét cho cùng chỉ là một trong vô vàn câu chuyện đã và đang xảy ra trên những quảng trường nước Ý, và đấy là một trong những yếu tố làm cho ai đã đến đây và sống nhiều năm như tôi có một cảm giác rất lạ: những quảng trường mà ta hay lui tới nhất là nơi ta sống với chính mình nhiều nhất. Bởi bây giờ, ngay cả khi du khách đã chiếm lĩnh các quảng trường và trở thành một nguồn sống, nguồn sáng tạo của các Saverino, thì cuộc sống của người Ý vẫn diễn ra ở đó, như hàng trăm năm về trước. Và nếu hòa nhập được vào cuộc sống của những quảng trường Italia, có thể hiểu được tâm hồn của con người Italia. Tôi tin, mình không phải một du khách. Tôi cũng là một Saverino.

Người ta lớn lên ở đó, chơi trong những khu phố hẹp và khấp khểnh mà buổi tối ánh đèn vàng vọt khiến chúng tạo ra một cảm giác vừa bí ẩn vừa mời gọi. Họ gặp gỡ người tình và có thể sau này trở thành vợ/chồng của họ ở đó, để rồi sau này cũng chết trên quảng trường, khi xe tang đưa họ qua những mét quen thuộc của không gian sống. Những nụ hôn được trao ở các quảng trường. Các cuộc hẹn hò đôi lứa cũng ở đó. Những đám cưới diễu qua các quảng trường, đến các nhà thờ lớn, và chú rể hôn cô dâu trên bậc tam cấp, trước tiếng hò reo của bao quan khách hai họ, tiếng đèn flash của các du khách cảm thấy may mắn vì được chứng kiến những hôn lễ đẹp đẽ và lãng mạn như thế. Những cô gái trẻ trước ngày lên xe hoa cũng hay rủ đám bạn gái của mình đến quảng trường và mời những người không quen chụp ảnh chia vui hoặc nhảy với họ. Tôi đã từng một lần bị họ quây lấy, bị họ hôn và chụp một chiếc mũ lên đầu

để chụp ảnh. Các nàng xinh đẹp ấy mặc đồ trắng, cười vang cả một góc quảng trường. Và với một ban nhạc đường phố, hầu hết trong số các nhạc công là người nhập cư, người ta cũng có thể nhảy một bản tango. Có một lần, tôi cũng là khán giả của một điệu nhảy như thế, khi họa sĩ phong cảnh người Mỹ Brian Keeler và vợ của ông nhảy trên quảng trường Navona ở Roma, theo điệu tango ở một trường đoạn ngây ngất của bộ phim *Scent of a woman* (Hương thơm của một người đàn bà)[*].

Vậy đấy, đài phun nước, những họng nước mát rượi chảy suốt đêm ngày, những góc phố gần các trường học mà lũ trẻ tan lớp vẫn đi qua. Quảng trường là nơi để người ta đến ngồi, ngắm, tán gẫu về bóng đá, uống cà phê, bàn chuyện chính trị... Chủ nhật là thời điểm mà các quảng trường trở nên sinh động nhất. Trong khi nhiều cụ bà đi nhà thờ thì các đức ông chồng của họ chơi cờ hoặc uống gì đó với bạn bè, mắt dán vào ti vi xem các trận bóng đá được truyền trực tiếp. Niềm vui ấy lan tỏa hơn nữa ở các thành phố và thị trấn nhỏ phía Nam, nơi mà người già chiếm một tỉ lệ lớn. Thậm chí, nhà văn Antonio Tabucchi từng xuất bản cả một tiểu thuyết về cuộc sống của ba thế hệ một gia đình đã diễn ra như thế nào quanh một quảng trường ở xứ Toscana. Đấy là niềm hạnh phúc của việc không làm gì cả, hay đúng hơn là không làm việc, trong một bầu không khí thân thiện, thanh bình và lãng mạn như thể cuộc đời này chỉ có sống để yêu. Những thứ khác hầu như vô nghĩa. Tôi đã từng lặng người đi khi ngồi ở một quảng trường nhỏ như thế ở Roma, với tách cappuccino bên cạnh, ngắm một đôi đang hôn nhau

*. Bộ phim nổi tiếng năm 1992, với diễn xuất của Al Pacino, người sau đó đoạt Oscar cho vai Nam chính xuất sắc nhất.



bất tận ở bàn bên, trong một không gian bị bao vây hai phía là nhà thờ. Một nhấp cappuccino trong tiếng nhạc xúc động đến nghẹn ngào về Roma của ca sĩ-nhạc sĩ Antonello Venditti bị gián đoạn đôi chút bởi tiếng chuông nhà thờ. Những chú chim bồ câu đang chơi trên nền đá khấp khểnh giật mình vỗ cánh bay lên, để rồi sau đó lại đáp xuống, ào ạt và sung sướng khi nhìn thấy bà Marina, một người phụ nữ không chồng không con, mang hạt kê đến cho chúng ăn trên quảng trường. Tay bà vung lên, hạt kê rơi xuống, đám chim ùa tới trong hạnh phúc, lần tìm cả những hạt kẹp trong các kẽ giữa hai viên đá lát đường, vốn là một cái bẫy nho nhỏ với các quý cô đi giày cao gót. Cuộc sống của những quảng trường Italia luôn diễn ra như thế. Hàng thế kỷ cứ thế trôi qua trên những quảng trường. Lối sống có thể thay đổi, lối nghĩ cũng thế, thời trang là một khái niệm về sự thay đổi, nhưng các quảng trường vẫn im lặng đóng vai trò của một sân khấu đời.

Tôi đã từng lặng lẽ xem buổi diễn của một Saverino là nghệ sĩ lang thang ở bên ngách quảng trường Rotonda, ngay cạnh đền Pantheon ở Roma, nơi quản thi hài của những vĩ nhân nước Ý. Người nghệ sĩ lang thang ấy có bộ mặt đầy phấn trắng, đội chiếc mũ phớt có cài một bông hoa hồng, mặc chiếc áo thủy thủ, đi một đôi giày nhỏ và mềm mại mà ai tinh ý có thể nhận ra là nó đã sờn rách. Anh trang điểm như chàng Bip của nghệ sĩ kịch câm huyền thoại người Pháp Marcel Marceau(*).

---

*. Marcel Marceau (1923-2007) được coi là một trong số những nghệ sĩ kịch câm vĩ đại nhất mọi thời đại, trong một sự nghiệp biểu diễn khắp nơi trên thế giới trong hơn 60 năm. Micheal Jackson nói anh từng bắt chước một số động tác của Marcel Marceau trong các vũ đạo của mình.

Ánh đèn sân khấu là những ngọn đèn đường. Anh làm chủ sân khấu ấy bằng cách chọc cười những khán giả bất đắc dĩ khi bắt chước hài hước nhất động tác của những người vừa đi qua và trêu chọc những thực khách bằng những điệu bộ của vua hề Charlot. Đám đông không nhiều, lác đác vài người. Tiếng vỗ tay cũng thưa thớt. Hầu hết mọi người đang vây quanh một dàn nhạc ở góc khác của quảng trường. Họ đang chơi một bản sonate lãng mạn và đầy chất thơ của Liszt. Nhưng người nghệ sĩ kịch câm cứ diễn mãi. Chiếc mũ anh đưa ra cho khách để tiền xu vào sau khi buổi diễn kết thúc trống rỗng. Anh ngồi xuống bên đài phun nước đêm ngày rì rào tuôn trào nước mát, uống một chút trong chai nước mang theo, ngó đồng hồ và mắt nhìn rất xa xăm. Đêm nào anh cũng diễn ở nơi này, chiếc mũ có lúc đầy lúc vơi.

Đêm đến, sương xuống lạnh lẽo, các du khách bỏ đi. Ánh đèn lần lượt tắt đi trên các ô cửa sổ. Những người nghệ sĩ cũng đã kéo những chiếc xe chở đầy đồ nghề của họ về nhà. Những kẻ say rượu ngủ gục bên đài phun nước. Những chú mèo nhởn nhơ đi dạo và thản nhiên ngắm nghìn cuộc sống ngưng lại trước mắt chúng. Người gác cửa ở một khách sạn nhìn ra quảng trường rít một hơi thuốc, đốm lửa ánh lên sự cô độc trong đêm. Vài người vô gia cư thở nhè nhẹ trong một giấc mộng mị không trọn vẹn vì đời thực khác hẳn khi họ tỉnh giấc. Chỉ còn lại tiếng gió, tiếng đập cánh của đàn dơi, tiếng thì thầm của một đôi uyên ương vừa đi qua. Những quảng trường cũng say đi trong giấc nồng.

Ban ngày, những quảng trường vắng vẻ hiếm lắm. Những nơi đặc biệt như Campo de' Fiori ở Roma cũng không nhiều nữa. Buổi sáng, đấy là một cái chợ bán đồ thực phẩm. Ban chiều,

chợ dẹp đi và quảng trường là nơi đám thanh niên tụ tập ngắm sao trời và hát. Campo de' Fiori là một bức tranh nhiều màu về cuộc sống đậm chất Ý. Những người phụ nữ bán hàng hoa rực rỡ cạnh đài phun nước. Những ông già bán rau trên thùng xe, rao bằng một giọng đặc chất Roma cổ mà chỉ có ai sinh ra ở đây mới hiểu. Bà già khó tính bán thịt mặc áo của đội bóng AS Roma xoe xóe cất tiếng đuổi khách nào không mua nhưng cứ thích ngắm bà. Thỉnh thoảng vang lên tiếng xe lam hoặc scooter chạy vào quảng trường, trên đó thể nào cũng có một cậu thanh niên đang ngồi trên yên, chân bành ra, mặt vênh lên, môi huýt sáo, mắt liếc những người đẹp nhiều nhan nhản.

Những Saverino ấy đã sống nhiều thế hệ trên các quảng trường, và chính họ bỗng nhiên trở thành nhân vật chính trong những câu chuyện về cuộc sống Italia. Thế kỷ hai mươi mốt đang diễn ra, nhưng hình như chỉ có các du khách mới sống ở thế kỷ ấy. Những Saverino lại như tồn tại ở một thế giới khác trên phim đen trắng kinh điển, như *La Dolce Vità* (Cuộc sống ngọt ngào) của đạo diễn Federico Fellini những năm 1960. Rất nhiều thế hệ người yêu điện ảnh còn nhớ như in cảnh Marcello Mastroianni lội vào đài phun nước Trevi để bế Sylvia ra trong một cảnh kinh điển của phim ấy. Sylvia, do Anita Ekberg thủ vai, đẹp một cách nóng bỏng và mạnh mẽ gợi tình theo đúng hình mẫu của một người phụ nữ những năm 1960 khi phong trào cách mạng tình dục đang bùng nổ. Nàng mặc chiếc váy đen, một cánh tay trắng muốt cầm tà váy tung lên, bồng bềnh sóng sánh, mắt như nhắm lại, trên môi khẽ mỉm một nụ cười đầy khoái lạc và như đang trong một điệu nhảy dưới làn nước mát lạnh. Rất nhiều cô gái trẻ và cả các thiếu phụ đã bắt chước Ekberg như thế. Nhưng Ekberg chỉ có một. Và khi bà qua đời,

báo Ý viết rằng, thời lãng mạn của các quảng trường đã qua. Nhưng tôi không tin thế. Sự lãng mạn không bao giờ chết đi.

Cuộc sống nơi đây, theo nghĩa lãng mạn, giống như trong phim ảnh, và phim ảnh về nước Ý thực ra chỉ là mô tả cuộc sống thật của nó, mà cuộc sống ấy, không nơi nào thể hiện rõ hơn trên những quảng trường. Tất cả đều có thật, và bây giờ vẫn thi thoảng xảy ra. Như cảnh ông già Alfredo và cậu bé Salvatore đã biến quảng trường của Saverino thành một rạp chiếu phim trong *Cinema Paradiso*, hay cảnh nhân vật Orefice gặp người phụ nữ mà ông theo đuổi trên một quảng trường ở Arezzo, xứ Toscana, miền Trung Italia, trong phim *La vità è bella* (Cuộc sống tươi đẹp). Một trong những cảnh lãng mạn nhất của bộ phim là cảnh Orefice tươi cười kêu lên khi gặp cô gái sau này sẽ trở thành vợ ông: "Buon giorno princepessa!" (Chào công chúa.)

Cuộc sống luôn tươi đẹp. Chừng nào ta còn chưa hết yêu...

Cappuccino, cornetto và những phút giây bình dị

Một ngày không cappuccino hay espresso tự dưng thấy thiêu thiếu một điều gì đó. Thiếu ở đây không phải là vị cà phê, mà là một không gian đúng kiểu Ý, giữa những người Ý quen và không quen.

Đối với tôi, d'Antoni là một thế giới đậm chất Italia, cái thế giới mà tôi thuộc về kể cả khi tôi không mang quốc tịch Ý. Một quán bar cà phê rộng gần trăm mét vuông, với một quầy bar lúc nào cũng đông người đứng uống, một tủ kính dài ngập những bánh ngọt thơm phức mà bà chủ già sáng nào cũng bưng ra trên khay, một anh chàng đứng thu tiền là cháu ruột bà chủ lúc nào cũng tươi cười và một không khí lúc nào cũng huyên náo, với tiếng "Ciao" (Chào) râm ran, tiếng người nói chuyện lao xao, và mùi cà phê thơm ngậy. Mỗi tuần dăm lần, luôn là d'Antoni ở một góc ngoại ô, nơi tôi thưởng thức sự tự do, bình thản và vui sống của chính mình, và thích thú hưởng thụ một phần cuộc sống Italia trong không gian chẳng lấy gì làm lớn ấy. Một tách cappuccino, một



chiếc cornetto (bánh sừng bò) nhân chocolate và chừng nửa tiếng đắm chìm trong thế giới ấy. Một ngày không cappucino hay espresso tự dưng thấy thiêu thiếu một điều gì đó.

Thiếu ở đây không chỉ là vị cà phê, mà là một không gian đúng kiểu Ý, giữa những người Ý quen và không quen, để đến khi rời Roma lại thấy rất trống vắng như đã mất đi một phần nào đó của hồn mình. Người Ý là những chuyên gia thực thụ về cà phê, và nỗi nhớ những lớp bọt sữa có phủ một chút ca cao hình trái tim và thứ nước đen nâu rất sánh thơm phức không thể cưỡng được từ cà phê arabica để pha espresso luôn trào lên mỗi lần tôi xa Italia. Tôi đã ở đây đủ lâu để hiểu được cách sống ấy, để quen với hương thơm ấy, và tự dưng một lúc thấy mình bị nhiễm thói quen la cà và thưởng thức cappuccino ở những không gian như thế lúc nào không biết nữa.

Cuộc sống ngọt ngào theo định nghĩa của tôi đôi khi chỉ đơn giản như thế. Ta ngồi đó trong một góc quán, quan sát nụ cười của anh chàng đứng bar; tiếng một cô phục vụ báo số tách cappuccino hay espresso cho người pha cà phê; cái liếc mắt của cô viên trẻ xinh đẹp dù có vẻ hơi béo đang rắc bột chocolate thành hình trái tim trên lớp bọt cappuccino; những động tác nhanh gọn và dứt khoát của người pha cà phê, khâu đầu tiên và cực kỳ quan trọng trong cái dây chuyền trông có vẻ lặp đi lặp lại hằng ngày nhưng với ta lại đầy cảm xúc, và cái tủ kính trưng bày cơ man là bánh ngọt mà bà chị ông chủ quán luôn hãnh diện bảo, đấy là một phần của nước Ý trên khía cạnh ẩm thực. Bà có lý. Có cả trăm loại bánh ngọt khác nhau trong tủ kính, và ngồi tỉ mẩn ăn mỗi hôm một loại, rồi so sánh cái vị và hương thơm của chúng với những thứ bánh ngọt khác tôi đã từng ăn ở Pháp, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha hay Áo, mới hiểu rằng,

tại sao người Ý có thể tự hào về ẩm thực như là một nét văn hóa rất đặc trưng đến vậy. D'Antoni nổi tiếng trước tiên ở khu Centocelle ở rìa Roma này nhờ bánh ngọt, nhưng bây giờ, cà phê cũng làm cho quán trở thành một điểm hẹn lý tưởng của những cư dân khu phố, những phụ huynh đưa đón trẻ con đi học ở ngôi trường phía trước quán ghé qua đôi khi chỉ mười lăm phút để ăn sáng đơn giản với một chiếc cornetto. Họ đứng uống nhanh một tách espresso trên quầy bar, "buôn" dăm ba câu chuyện từ bóng đá, chính trị, các bê bối tình dục của cựu thủ tướng Berlusconi, đến chuyện chồng con hay bồ bịch, và cả những người thích mở đầu một ngày mới theo cách nhẹ nhàng và giản dị như tôi. Chỉ những người dư dả thời gian là ngồi bàn, và hầu như họ chẳng mấy khi ngồi một mình. Người Ý rất sợ cô đơn. Họ sợ cô đơn ngay cả khi đã có ai đó ở bên.

D'Antoni, đến nay đã mở cửa được hơn bốn mươi năm, chỉ là một trong số hàng vạn quán bar cà phê lớn nhỏ hằng ngày phục vụ không biết bao nhiêu lượt người trong một thành phố mà ai cũng kêu bận rộn trong cuộc mưu sinh bươn trải, nhưng dường như chẳng bao giờ tiếc từ mười lăm phút cho đến cả tiếng đắm chìm trong những không gian, thường là nhỏ bé, của những quán ấy. Một nhà xã hội học người Italia đã từng bảo rằng, bar cà phê là biểu tượng của một cuộc sống bình đẳng kiểu Ý: bar cà phê không phân biệt giai cấp, giàu hay nghèo, tất cả đều có thể vào một quán bar, gọi một tách cappuccino hay espresso, với giá chỉ một hoặc hơn một euro một chút (vào trung tâm thành phố thì thường đắt hơn, và đắt hơn nữa nếu bạn không đứng bar, mà ngồi bàn và đợi người phục vụ bưng những cái tách nóng hổi đang bốc khói đến). Các chính trị gia ngồi tán gẫu trong các bar ở phía trước Palazzo Chigi (Dinh

Thủ tướng), ngay giữa các đám du khách; đám cổ động viên bóng đá không đến sân và nhà không có kênh truyền hình thuê bao trả tiền thì tụ tập trước những màn hình lớn, vừa nhấp cà phê hoặc nốc bia và gào tướng lên những câu vui vẻ hoặc tục tĩu; các du khách tìm một chỗ nghỉ chân hoặc đơn giản là vào một quán bar để đi toilet thì ngồi nhâm nhi cà phê ở một góc, ngắm Roma lặng lờ trôi qua cửa kính và liếm vị cà phê trên môi để hiểu tại sao cà phê ở đây ngon đến thế. Người ta gặp nhau, yêu nhau, tỏ tình với nhau, đôi khi cãi nhau hoặc đánh ghen, bày tỏ thiên kiến chính trị hoặc có thể ngồi một mình để thưởng thức nỗi cô đơn của mình trong những quán cà phê. Cuộc đời của họ cứ thế trôi qua trong những góc cà phê quen. Một quán cà phê gần nhà tôi thì tập trung rất nhiều các ông già. Họ ở đó cả ngày, làm huyên náo cả một góc. Cái chết của một ai đó đôi khi được ghi nhận bằng việc họ không đến cà phê, không ngồi ở một chỗ quen nữa. Góc bàn chỗ họ ngồi sẽ được đặt một bó hoa.

Thế giới bar cà phê ấy thực ra cũng chẳng thiếu thứ gì. Có cà phê, dĩ nhiên rồi, có cả máy chơi xèng, có bán cả báo lẫn xổ số, có nơi còn có cả dịch vụ thu tiền điện hay tiền phạt vi cảnh, có những chỗ lại thể hiện tình yêu cuồng nhiệt với bóng đá, như quán bar của một ông già Napoli ở gần nơi tôi sống. Đấy là một thế giới về Napoli và Maradona những năm trên đỉnh vinh quang, và như một lẽ tự nhiên, nó thu hút vô số những người gốc Napoli ở Roma đến quán, và cũng tự nhiên hơn nữa, chẳng có mấy romanista (cổ động viên đội Roma) đến uống ở đây, bởi đội Roma chẳng ưa đội Napoli. Đến đây đồng nghĩa với sự phản bội đội bóng trong tim. Bây giờ, quán đã chuyển chủ. Ông già người Napoli và cô con gái rất xinh đứng thu tiền

ở quầy bar đi đâu không rõ nữa, nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn nhơ nhớ cái vị cà phê thơm trong miệng rõ lâu của quán, nhớ những bức ảnh Napoli thời quá khứ nay đã bị chủ mới bóc đi và xóa sạch các dấu vết Napoli khác, nhớ những câu chuyện mà ông kể về thời hoàng kim của Maradona.

Những ông chủ quán cà phê mê bóng đá như thế ở Ý nhiều lắm. Những bức tường trong quán trở thành một nơi để trưng bày tôn giáo bóng đá của họ, và tự nhiên, bar cà phê của họ đã không chỉ là nơi những người thích buôn chuyện đến hẹn hò hay ăn sáng, ăn trưa bằng dăm ba chiếc bánh ngọt hay pizza mà còn là nơi những người cùng xuất xứ hoặc cùng yêu một đội bóng tụ tập. Một bar kiểu đó ở khu Testaccio là nơi điển hình cho tình yêu bóng đá. Đội bóng số một của thủ đô nước Ý, AS Roma, xuất hiện ở mọi ngóc ngách của quán. Những bức tường treo đầy những ảnh ngôi sao với chữ ký của họ, những chiếc áo đấu, những bài báo đã ố vàng ca ngợi các chiến công lịch sử. Tại nơi nổi tiếng về yêu bóng đá và cũng là nơi mà đội Roma đã sinh ra này, thực ra cà phê lại không có gì đặc biệt. Uống cà phê ở đây chỉ là chuyện rất phụ. Chuyện chính là Roma bây giờ đá ra sao, thắng hay thua, ngôi sao nào tỏa sáng, cầu thủ nào ăn hại đáng bị tống ra đường, ai nên mua về, huấn luyện viên trận vừa rồi có vài quyết định sai lầm... Họ chẳng bao giờ chán những chủ đề như thế, 7 ngày trong tuần, 365 ngày trong năm.

Với người Ý, bar cà phê không chỉ đơn thuần là nơi họ tụ tập hoặc chỉ để ăn sáng hay ăn trưa. Trước kia, khi "café-chantant" (cà phê phòng trà), một trào lưu nhập khẩu từ Pháp vào cuối thế kỷ mười chín tràn vào Roma, cà phê chỉ dành cho người giàu. Ở đấy, người ta ngồi nhấm nháp cà phê hoặc ăn tối

cùng với gia đình, bạn bè và xem các nghệ sĩ biểu diễn trên sân khấu. Đầu thế kỷ hai mươi, một cuộc cách mạng thực sự đã diễn ra trong cách uống cà phê ở Ý, khi thứ nước uống đen, đặc và đắng ấy trở nên bình dân hơn. Năm 1901, một kỹ sư ở Milano đã chế tạo ra chiếc máy pha cà phê espresso. Ông cũng không thể hình dung được rằng, chiếc máy ấy đã kết nối hai trong số những thành phố lớn nhất nước Ý, và làm nền tảng cho cách thưởng thức cà phê của người Ý trong một cuộc hôn nhân lịch sử và mang tính biểu tượng xã hội rất cao: Milano, nơi giàu nhất nước Ý, tạo ra chiếc máy của sự hiệu quả, trong khi Napoli, một thế giới khác, lộn xộn hơn, nhốn nháo hơn, đầy rắc rối và ầm ĩ, lại luôn cung cấp cho người uống Italia thứ cà phê ngon nhất mà khi về nước, tôi mang theo một thùng để uống dần mỗi sáng khi nhớ Roma. Tại sao lại Roma? Bởi tôi tin rằng, trên đất nước hình chiếc ủng, chẳng nơi nào uống cà phê ngon như ở Roma, nơi tôi đã gắn bó nhiều năm của cuộc đời.

Bây giờ, loại hình quý tộc và sang trọng như café-chantant không còn tồn tại nữa, nhưng chất nghệ thuật của café-chantant chưa hề mất đi, mà đã hóa thân vào loại hình tạp kỹ của Ý trên truyền hình. Người Italia nghiện tạp kỹ trên ti vi chẳng kém gì nghiện cà phê, nghiện đến mức như ông bạn tôi bảo rằng, nhiều người trong số họ đã từng bỏ phiếu bầu Berlusconi lên làm Thủ tướng chỉ vì các kênh truyền hình của ông có nhiều gái xinh, nhạc hay và đội Milan đá đẹp. Còn họ nghiện cà phê bởi vì thực ra các bar cà phê đem đến cho họ một không gian để họ thể hiện chất Ý nhiều nhất: cà phê đương nhiên là phải ngon, rất ngon, nhưng đấy chỉ là chất xúc tác cho một cuộc sống thèm khát sự giao tiếp. Họ không thể sống mà không "buôn chuyện", buôn đủ thứ và dường như nói

bằng mồm và âm điệu trầm bổng lúc như hát, lúc lại như cãi nhau chưa đủ, họ còn vung tay và làm đủ điệu bộ. Bar cà phê trở thành nơi mà họ thể hiện mình một cách không che giấu. Hình như với người Ý, trước khi Facebook hay Twitter tồn tại và lan tràn rộng rãi trong đời sống của họ, thì các quán cà phê đã đóng vai trò của một mạng xã hội thực ăn sâu bén rễ trong lòng họ, đến mức, ngay cả khi hai mạng xã hội ấy ngày càng được nhiều người Italia sử dụng, thì các bar cà phê vẫn tồn tại như một thực thể không thể tách rời khỏi cuộc sống của thị dân, và smartphone trở thành một thứ thừa thãi trong các quán.

Triết lý "mạng xã hội" của người Ý không phải là màn hình, bàn phím, mà là xương, thịt và cafeine, với cốc cappuccino, espresso, macchiato, và những câu chuyện mà họ nói với nhau hằng ngày. Một nghiên cứu mới nhất cho thấy, mỗi năm, người Italia tiêu trung bình 1.200 euro cho việc ăn uống nhẹ trong các bar cà phê, nhiều hơn 32% so với người Pháp và 53% so với người Đức. Nghiên cứu này làm ngạc nhiên không ít người. Bởi khi cuộc khủng hoảng kinh tế ở Italia còn chưa có dấu hiệu giảm nhiệt, tỉ lệ người thất nghiệp, đặc biệt là trong thanh niên ở tuổi đi làm, vẫn ở mức cao, buộc người ta phải thắt lưng buộc bụng trong các chi tiêu cá nhân, thì người Ý vẫn không hề mất đi thói quen sử dụng các quán bar cà phê như một nơi tụ tập với bạn bè và người thân. Khi cuộc khủng hoảng bắt đầu tác động đến chính các quán bar cà phê ở Italia, khiến giá của mỗi tách cà phê tăng lên vài chục xu, thì báo chí ghi nhận những phản ứng tức giận từ không ít người vẫn hằng ngày coi nơi đây là điểm hẹn hò hoặc ăn sáng. Họ tức giận bởi một lẽ đơn giản, thứ đồ uống thông dụng nhất và cũng là rẻ nhất trong cuộc

sống hằng ngày của hàng triệu người Ý đang bị "xâm phạm". Họ sợ cái cảm giác khủng hoảng làm hỏng một thú vui hiếm hoi còn lại của cuộc sống đầy áp lực.

Việc bảo vệ một lối sống theo kiểu slow life (sống chậm), chống lại trào lưu sống gấp và thức ăn nhanh, trở thành một cuộc chiến văn hóa đặc biệt đang diễn ra trong lòng nước Ý. Khi tập đoàn Starbucks khảo sát thị trường Ý, họ phát hiện ra rằng, việc mở một dây chuyền cửa hàng cà phê theo kiểu Mỹ, với wifi miễn phí dành cho các khách ngồi đó hàng giờ đồng hồ chat chit với bạn bè và những thiết kế bảng biển, trang trí nội thất cho các quán theo kiểu phương Tây, là không hề dễ dàng. Người Ý quen uống cà phê rất nhanh, chỉ vài phút cho một tách, trong những quán cũ kỹ, xập xệ và bình dân chứ không thích các quán quá sang trọng, đắt tiền và được lắp đầy kính. Họ cũng rất ít khi ngồi lâu, trừ phi có tâm sự nào đó, có hẹn với bạn bè hoặc bồ. Họ cũng đến quán cà phê không phải để dùng wifi và làm việc. Họ thưởng thức cuộc sống theo một cách khác, nhẹ nhàng, không sức ép. Những quán cà phê nổi tiếng mỗi ngày pha đến năm nghìn tách cho khách như ở quảng trường Sant'Eustacchio ở Roma lại là một ví dụ khác về cuộc sống mà người Ý cho các du khách thấy. Họ đứng uống và không ngồi, vì đứng rẻ hơn. Không phải vì người Ý tiết kiệm hơn, mà vì họ thấy không cần thiết. Mỗi lần đứng là một câu chuyện ngắn gọn với chủ quán, vài câu bông đùa với các cô nàng bưng bê, một cái liếc mắt đưa tình đối với các em xinh tươi vừa đi qua, dăm bình luận về các scandal liên quan đến chính trường.

Nhưng cà phê còn có những ý nghĩa khác nữa. Napoli, một thành phố dường như lúc nào cũng sống trong những

hoài niệm về Maradona, một đô thị rộng lớn nhưng hỗn loạn, đầy tham nhũng, bê bối và tội ác, lại gợi nhắc đến "caffe sospeso" (cà phê cho người không quen). Tôi nhớ có một lần đến đây, dừng xe uống cà phê ở một quán trung tâm thành phố. Hôm ấy, sự đặc biệt của cái quán rất đẹp, cổ kính và đông người ấy không phải ở yếu tố lịch sử, mùi cà phê thơm phức và những người đứng bar đang nói bằng tiếng Italia theo thổ ngữ địa phương, nghe thánh thót cứ như hát opera. Tôi không phải trả tiền tách cappuccino hôm ấy, bởi người đứng quầy bảo rằng, đã có một người khác trả cho tôi, vì đó là ngày "caffe sospeso".

Ngày 10 tháng Mười hai hằng năm là ngày "cà phê cho người không quen". Nó xuất phát từ một truyền thống của giai cấp thợ thuyền ở Napoli đầu thế kỷ hai mươi, khi những người đang gặp vận may hoặc đơn giản là may mắn hơn người khác vào một quán bar, trả tiền hai tách cà phê, nhưng chỉ uống một và để tách còn lại cho một người không hề quen biết vào quán sau đó. Phong trào "caffe sospeso" bây giờ đã lan tới nhiều nước trên thế giới. Việc tặng ai đó một tách cà phê trở thành biểu tượng của sự chia sẻ và đồng cảm với số phận của những người bị cuộc suy thoái kinh tế làm cho lao đao, suy sụp, phá sản và kiệt quệ.

Cà phê ở Ý vẫn ngon và Starbucks đang tìm cách thâm nhập vào, nhưng người Hoa đã thâu tóm rất nhiều quán bar cà phê Ý và sự xuất hiện của họ cho thấy, bất chấp khủng hoảng, kinh doanh bar cà phê vẫn hốt bạc, vì vào bất cứ giờ nào, những quán ấy không bao giờ vắng khách. Tôi có hồi vẫn hay uống cappuccino ở một quán gần nhà một người bạn. Cô chủ to béo người Hoa lúc nào cũng cười. Cậu bưng bê (cũng người

Hoa) gầy còm có nụ cười rất hiền lành không bao giờ ngần ngại bưng cho khách quen ở bên kia đường nếu như được gọi. Cô chủ vẫn giữ nguyên cách bài trí quán bar như người chủ Ý trước đây, loại hạt cà phê dùng để pha và các loại cốc tách giữ nhiệt để uống cà phê không đổi, thậm chí còn làm việc chăm chỉ và cởi mở hơn ông già khó tính ấy, nhưng cà phê bây giờ tôi không thấy ngon nữa. Cô chủ cũng biết vậy, và bảo rằng mình sẽ cố gắng hơn. Nhưng những người chủ mới đến từ một nền văn hóa khác, một ngôn ngữ khác, và nếu cà phê ở đó không như trước nữa thì cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Họ không xuất thân từ nơi này, không thuộc về nền văn hóa ở đây và có lẽ không hiểu gì nhiều về văn hóa bản địa. Một quán cà phê Ý luôn là một không gian Ý, không phải chỉ đơn thuần nói đến những tách cà phê, về vị của nó ngọt hay nhạt, pha nhiều hay ít sữa.

Cà phê là văn hóa, không chỉ là văn uống, mà còn là văn hóa sống, không gian sống, như thế đấy!

Ăn, như một nỗi đam mê ngọt ngào

Ăn, đối với họ, không phải là chỉ để sống, mà ăn như một cách để thêm yêu cuộc sống, ăn như một cách để tận hưởng cuộc đời mà Chúa đã trao...

Khi Nicola bước ra từ lò bánh của quán La Rennella, trông ông vừa giống một bức tượng cẩm thạch mà người ta vẫn luôn thấy trong những nhà thờ hay bảo tàng ở Roma, lại cũng không khác một á thần có nụ cười hồn hậu và ánh mắt vui tươi. Ông vừa làm xong một mẻ bánh, bột mì còn vương khắp người. Ngày mai, những chiếc bánh mì vỏ dày đúng kiểu Roma sẽ được đưa đến những khách quen của quán. Bột cho pizza cũng đã được nhào xong. Những đế bánh được chuyển ra lò và nướng ngay cho khách đang chờ.



Điệp khúc quen thuộc đã qua hàng thập kỷ cứ thế trôi đi, trong cuộc sống hối hả, bận rộn, nhưng không thiếu phần lãng mạn của quán, vốn là một phần trong thế giới ăn uống với những người Italia tôi quen hoặc

không quen. Để rồi đến một lúc nào đó, tự nhiên nhận thấy mình cũng đã ngấm sâu trong cuộc sống của họ lúc nào không biết nữa, khi đã thưởng thức văn hóa ẩm thực của nơi mình đang sống hoặc đã đi qua, coi đó như một phần của cuộc sống ngọt ngào đúng kiểu Italia. La Rennella là một thế giới thu nhỏ trong khu Trastevere, mà bản thân khu dân cư cổ kính và được cho là vẫn còn giữ nguyên những nét sống và ngôn ngữ của Roma của nhiều thế kỷ trước ấy, lại là một thế giới khác trong một thành phố rộng lớn mà mỗi khu của nó có những nét văn hóa rất đáng yêu.

Tôi mê cái quán ấy từ lần đặt chân đến đây đầu tiên vào một buổi chiều đầu tháng Chạp cách đây nhiều năm, khi ánh nắng vàng mân mê từng chiếc lá thường xuân cuối cùng úa đỏ còn sót lại trên những bức tường rêu phong, cũ kỹ, ẩm ướt và nứt nẻ của khu phố bên bờ sông Tevere này, khi gió lạnh luồn qua những tán cây trụi lá mang theo thứ mùi không thể lẫn đâu được của lò nướng pizza. Quán nhỏ và dài, trông bên ngoài lụp xụp và bên trong u tối, với một dãy bàn dài theo kiểu bar gắn chặt vào một bức tường loang lổ những tranh, ảnh, lưu bút của ai đó. Một bài thơ dài theo thổ ngữ Roma của Trilussa, nhà thơ nổi tiếng từng gắn bó một phần đời của mình với Trastevere, được in phía trên cánh cửa, đủ để tạo ra một không khí nhẹ nhàng, giản dị và thậm chí lộn xộn. Tủ kính xập xệ của quán chất đầy những miếng pizza, bánh ngọt các loại. Một cậu hay cô nhân viên có nụ cười dễ mến lúc nào cũng đứng cạnh cái cân, tay lăm lăm dao cắt pizza nhìn giống một cái bay, sẵn sàng cắt bánh cho khách theo yêu cầu, sau đó ném tất cả lên bàn cân, và rồi tính tiền.

"Pizza cắt" hoặc "pizza cân" là những thuật ngữ hết sức

quen thuộc đối với những quán như La Rennella và nhiều quán khác ở trung tâm Roma cũng như các thành phố lớn đông khách du lịch khác. Những người từ nơi khác đến đây, trong một khoảng thời gian ngắn ngủi lưu lại, thường cảm thấy khó thở khi nhìn vào những thực đơn dài hàng trang ghi tên những loại pizza thông dụng nhất của đất nước, của địa phương và đặc sản của riêng quán, nếu như tay đầu bếp nào đó có đủ khả năng sáng tạo và biến những nguyên liệu cơ bản để tạo ra thứ bánh đã đưa nước Ý thành một cường quốc về ăn uống ấy thành một siêu phẩm đủ sức cuốn hút tất thảy. Nhưng ở nơi tôi đã sống và sẽ còn gắn bó nhiều năm tháng nữa của cuộc đời này, trong một hành trình khám phá không ngừng về văn hóa và lối sống, trong đó có ẩm thực, thì dường như chỉ có du khách mới ăn theo kiểu đó. Người Ý quen gọi một chiếc pizza to đùng cho họ, và thường là khi ta ăn cùng họ, nói chuyện cùng họ, hầu như bao giờ họ cũng ăn xong trước ta, dù bắt đầu ăn cùng với ta, sau đó ngồi ngắm nhìn ta ăn những miếng pizza cuối cùng thơm nức mũi với vẻ khổ sở vì đã bắt đầu no. Đôi khi, ta cũng ngạc nhiên hết mức khi chứng kiến vào ngày Lễ Tình yêu, những đôi trai gái đi ăn quán cũng chỉ gọi mỗi người một chiếc pizza cho bữa tối yêu thương của họ. Tình yêu đi qua dạ dày, từ những chiếc pizza chỉ đáng giá vài euro. Nhưng sự lãng mạn thực ra đâu cần phải cầu kỳ với những bữa tối năm sao?

Nicola là một phần trong cuộc sống của La Rennella, và ở Roma này cũng như những nơi tôi đã đi qua trong hành trình nước Ý, từ những thành phố lớn cho đến những địa phương có tên rất nhỏ trên bản đồ, có hàng biết bao những người như ông. Những người thợ nhào bột, làm bánh mì, làm pizza, làm bao nhiêu đồ ăn khác nữa từ căn bếp nhỏ phía sau những quán

ăn ít người biết đến ấy chính là phần linh hồn không ai thấy được của cái thế giới ăn uống đầy màu sắc và hết sức cuốn hút của người Ý. Những câu chuyện về những người như Nicola thậm chí đã đi vào lịch sử. Ở Trastevere này đã từng có một người thợ làm bánh mà con gái của ông trở thành nhân vật trong một bức tranh nổi tiếng của danh họa Raphael, một con người tài hoa, thích ăn ngon, yêu chuộng cái đẹp. Ông yêu nàng. Nàng là Margherita Luti, người mẫu trong nhiều bức tranh của Raphael(*). Bức nổi tiếng nhất về nàng được hoàn thành khoảng năm 1519, một năm trước khi ông đột ngột qua đời ở tuổi 37. Nàng có biệt danh *La Fornarina* (Con gái người làm bánh). Ngôi nhà nơi nàng đã sống ở số 20 phố Dorotea, với một khu vườn nàng và người họa sĩ từng hẹn hò, vẫn còn đó. Nó được mua lại và giờ đã trở thành một trong những quán ăn nổi tiếng nhất Roma.

Cho đến bây giờ, sau nhiều năm sống ở đây, tôi mới hiểu tại sao ở cái đất nước hình chiếc ủng này, người ta thích ăn và ăn ngon đến như thế, trong khi bản thân các quán ăn, nhìn có vẻ không khang trang lắm, lại có một sức thu hút lớn đến thế. Ăn, đối với họ, không phải là chỉ để sống, mà ăn như một cách để thêm yêu cuộc sống, ăn như một cách để tận hưởng cuộc đời mà Chúa đã trao, ăn là để hưởng thụ những gì tinh túy nhất mà đất, trời và biển nước Ý đem đến bàn ăn của họ. Người ta có thể cáu bẳn vì đường sá đông đúc, vì đời sống thêm đắt đỏ, vì khủng hoảng kinh tế thêm trầm trọng, nhưng một

---

*. Raphael, tên tiếng Ý là Raffaello Santi (1483-1520) là một họa sĩ nổi tiếng thời Phục hưng. Ông được coi là một trong ba cột trụ của nghệ thuật hội họa và kiến trúc thời Phục hưng ở Italia, cùng với Michelangelo và Leonardo da Vinci.

bữa ăn ngon (thường kéo dài hàng giờ) có thể khỏa lấp tất thảy. Những chiếc bánh mì, bánh ngọt, bánh pizza, những lò nướng các kiểu bập bùng lửa trong các quán giống như một triết lý sống đặc biệt của những người yêu đời kiểu Ý: sống chậm, và đi kèm với nó, "đồ ăn chậm" (slow food) chính là câu trả lời cho những toan tính mở rộng thị trường Ý của gã khổng lồ McDonald's và một cuộc sống gấp gáp thời toàn cầu hóa tìm cách san bằng những biên giới văn hóa các quốc gia. Những nhà hàng ăn nhanh kiểu Mỹ ở đây chỉ đếm được trên đầu ngón tay, chủ yếu dành cho giới trẻ và du khách. Đến Roma, hay đến Napoli và những nơi sành ăn bậc nhất như Bologna, Parma hay Firenze mà ăn đồ ăn nhanh (có lẽ chẳng qua vì nó rẻ hơn slow food) chẳng khác gì ta đến Italia, nhưng lại phũ phàng từ chối tiếp cận với văn hóa và lối sống Ý, mà ẩm thực là một trong những nét tinh tế nhất khiến đất nước này có sức thu hút lớn và riêng biệt đến thế.

Những người mới đến Roma có lẽ không hiểu tại sao trong những nơi có vẻ xập xệ, đường sá lồi lõm, những kẽ gạch cũ kỹ và tường nhà ẩm thấp đầy rêu phong như ở Trastevere này lại nhiều quán ăn đến như thế. Mà những khu như Trastevere trong lòng Roma không ít. Trong những quán ấy, kiểu gì cũng có những lò nướng bánh hoặc nướng thịt, hoặc lò gỗ theo kiểu ngày xưa, hoặc lò gạch xây như bây giờ. Mỗi ngày có bao nhiêu chiếc pizza đã đi qua đấy và phục vụ bao nhiêu khách không ai thống kê hết. Chỉ biết, ánh lửa hồng là thứ không thể thiếu được trong những nơi như thế. Ở Ý, có cả một vị thánh cho bếp, thánh Lorenzo, người phù hộ cho các quán luôn có ánh lửa bập bùng. Lửa sáng là quán có khách. Và những quán ở trung tâm Roma, hay ở các khu dân cư mà có lẽ chẳng du khách

nào lui tới, không bao giờ thiếu khách sành ăn lại qua, trong một không khí đậm chất lãng mạn mà ít ai muốn đánh mất. Những cuốn sách hướng dẫn du lịch về Roma, Venezia hay các thành phố cổ kính khác của Italia thường hay khuyên các đôi uyên ương đến ngồi ở những quán đẹp nhất (nhưng chưa chắc đã ngon nhất), với ánh nến bập bùng trong một không gian lãng mạn ở các khu trung tâm. Italia do đó đã mặc nhiên trở thành một điểm hẹn lý tưởng cho những người đang yêu, đúng hơn, yêu và ăn, ăn để cuộc hẹn hò thêm thi vị và đắm say.

Tôi đặc biệt thích một quán nhỏ và cũ, nhưng lúc nào cũng đông đúc và đã có hàng trăm năm tuổi ở Campo de' Fiori. Nằm ở một đầu quảng trường, sau những hàng hoa, quán "Forno Campo de' Fiori" không có chỗ ngồi. Người ta ùa vào đây hằng ngày để mua bánh ngọt và rồi sau đó ra đứng ăn và nói chuyện ầm ĩ ngoài cửa quán. Đã bao năm người ta ăn đứng một cách say mê như thế rồi không ai rõ nữa, chỉ biết vào cuối thế kỷ mười lăm, quán đã từng cung cấp bánh mì cho Vannozza dei Cattani, người tình của Giáo hoàng Alexander VI(*). Con của họ, Cesare, Giovanni, Lucrezia, Gioffre, những cái tên nổi tiếng trong lịch sử nước Ý chẳng kém cha mẹ họ, được sinh ra trên một phố dẫn ra quảng trường. Và họ ăn bánh mì, bánh ngọt của "Forno Campo de' Fiori" trong rất nhiều năm. Bây giờ, quán bán cả pizza, làm theo kiểu Roma và được đánh giá là

---

*. Alexander VI (1431-1503) là một Giáo hoàng đầy tai tiếng với rất nhiều scandal liên quan đến lối sống cá nhân ông, các âm mưu chính trị, cũng như những vụ loạn luân giữa con gái ông Lucrezia và anh trai Cesare. Ông được nhà văn Mario Puzo coi như một dạng mafia đầu tiên của nước Ý trong tác phẩm *Gia đình Giáo hoàng*.

một trong những nơi nướng pizza ngon nhất thành phố. Thậm chí, những người sành ăn còn so sánh pizza ở đây với pizza truyền thống của Napoli, quê hương của pizza.

Người Roma ăn, ăn rất nhiều, ăn đến mức khó tính, và đôi khi, họ chỉ tin vào những cuốn sách dày cộp liệt kê những quán ăn do các chuyên gia ẩm thực sành sỏi gợi ý xuất bản mỗi năm một lần. Họ không ăn ở những nơi có nhiều khách du lịch, bởi họ tin rằng, những nơi đó nấu ăn theo kiểu dễ dãi, khi du khách chẳng biết gì về đồ ăn Ý nấu cho người Ý ăn hết. Họ bảo với tôi, nơi nào người Roma tìm đến ăn, nơi ấy chắc chắn đồ phải cực ngon. Họ tìm đến những nơi có vẻ ẩm thấp và nhỏ bé như La Rennella, hoặc đỗ xe ở một chỗ nào đó trong khu Cinecitta ở ngoại ô Roma. Trong cái khu bình dân có phim trường nổi tiếng cùng tên đã từng quay nhiều siêu phẩm điện ảnh như *Cleopatra* hay *Ben Hur* ấy, có một quán pizza ngon hàng đầu thành phố, bình dân, không có gì sang trọng và có phần cũ kỹ, nhưng ngon kỳ lạ, ngon đến mức ăn xong rồi tôi cũng không muốn đứng lên nữa, khiến cô bồi bàn xinh đẹp ghé qua và hỏi xem liệu có muốn ăn thêm cái nữa không, loại to nhất và ngon nhất. Quán có tên "Sforno", không hề đắt, không có khách du lịch, và là đặc trưng của những quán pizza kiểu Ý lấy chất lượng món ăn thay cho decor nội thất. Bạn ăn ở đây và ở nhiều quán ăn ngoại ô Roma xong, bạn sẽ không ăn nổi pizza ở đâu nữa ngoài nước Ý. Tôi đảm bảo điều đó đấy.

Chẳng có gì ngạc nhiên khi Elizabeth Gilbert dành riêng phần "ăn" cho nước Ý trong cuốn sách bán chạy *Ăn, cầu nguyện, yêu* của cô. Nữ văn sĩ Mỹ phải lòng nước Ý theo một cách hoang dã và bản năng, yêu đến độ có một lúc nghĩ rằng, mình sẽ phát phì ra mất, vì ăn ở đây ngon quá. Chắc không ít người đến đây

một thời gian và rồi rơi vào cám dỗ kinh khủng của những bếp lò, những hàng pizza, những "bottega" (cửa hàng bán các thực phẩm đặc trưng kiểu Ý như salami, thịt lợn porchetta, dầu ô liu hay mozzarella - pho mát từ sữa trâu) cũng sẽ một lúc nào đó có chung cảm giác như Gilbert. Mà làm sao không chết vì cám dỗ được, nếu bạn vô tình đến Ý vào những ngày hè, rơi vào ma trận của những "sagra" (lễ hội ẩm thực) kéo dài cả tháng ở mọi thành phố lớn nhỏ. Buổi tối, những nơi ấy trở thành một quán ăn lộ thiên khổng lồ. Làm sao không chết được mỗi khi ngắm qua cửa kính đã vỡ của bếp cảnh các "đồng nghiệp" của Nicola ở quán La Rennella thoăn thoắt đưa cà chua, pho mát, rau và nhiều thành phần khác cho các loại bánh pizza?

Và làm sao lại không thể thèm ăn đến mức run rẩy vì kiềm chế như bản thân tôi, khi được một người làm pizza già ở xứ Calabria tận cùng phía nam nước Ý bưng ra một chiếc pizza thơm lừng, ở một quán ăn nằm vắt vẻo lưng chừng một vách đá nhìn xuống biển Địa Trung Hải. Ở Ý này, ai cũng thích ăn và ăn rất nhiều, ăn để sống và ăn là sống. Các ông già, các cụ bà, cánh đàn ông, đàn bà, trẻ con, cả các trùm mafia và các cha cố, bà xơ, ai cũng mê ăn như ai. Tôi cũng không phải là ngoại lệ. Ăn trở thành một phần không thể thiếu được của một cuộc sống đậm chất Italia, một cuộc sống sung túc theo kiểu mặc đẹp, uống rượu ngon, ăn ngon những gì mà đất trời cho sản sinh trên mảnh đất của họ, tán tỉnh những cô gái đẹp, mê xe phân khối lớn, tranh cãi những triết lý rối rắm về bóng đá và tiêu tiền ở những nơi bóng loáng năm sao.

Chỉ có điều, phát phì như Elizabeth Gilbert đã viết thì hơi quá. Cô yêu đồ ăn Ý, nhưng cô không tìm được tình yêu đích thực của mình ở mảnh đất này. Cuộc sống ngọt ngào ở

đây không chỉ có ăn, mà bao hàm cả việc yêu ai đó và rồi cũng có thể sẽ vỡ tim vì chính người đó. Khi đã yêu, yêu một cách lãng mạn hoặc ghen tuông một cách điên cuồng theo kiểu Italia, và do đó, đốt cháy bao nhiêu năng lượng vào đó, có ai lại béo lên đâu.

Triết lý menu

Những menu dựng trước quán mỗi nơi một vẻ, giống như mỗi quán một gu, nhưng có lẽ không nơi đâu tạo ra một cảm giác khác biệt và độc đáo đến thế như những biển hàng của nước Ý.

Đến một đứa trẻ lần đầu tiên đi ăn hàng cũng có thể biết được menu dùng để làm gì. Những người chủ quán chắc chắn còn biết rõ hơn đứa trẻ ấy. Họ là những người cầm tay chúng ta dắt vào thế giới của không chỉ những hương vị thơm nức và béo ngậy của những món ăn, mà còn cả gu thẩm mỹ nghệ thuật độc đáo của họ. Qua những menu đôi khi đẹp như những tác phẩm nghệ thuật.

Sau mấy năm rong ruổi trên đất Ý, tôi nghiệm ra rằng, vào các quán ăn, đôi khi ta không phải chỉ để ăn, nói theo nghĩa đen của từ này, hay lãng mạn hơn là thưởng thức vẻ đẹp ẩm thực của một thành phố, một vùng đất hoặc đơn giản hơn là của một người đầu bếp, mà



là để sống trong một thế giới khép kín và độc đáo mà chỉ những quán ấy mới có. Cả một thế giới những quán ăn các kiểu ở khắp nơi tôi đã đi qua giống như một thế giới kỳ ảo, hoặc của kích thước, với những quán ăn lớn và nhỏ, hoặc của khẩu vị khác nhau giữa các vùng, các đất nước, của các mức độ mới hay cổ, hay của vị trí đặt những quán ấy, với những cái nằm trong ngõ nhỏ nhưng ngon đến mức chết cũng không thể quên, hay có khi là những cái to nằm trên những quảng trường lớn tấp nập người lại qua từ sáng đến hết đêm. Thế giới ấy bắt đầu không phải từ cách trang trí bên ngoài của quán bắt mắt hay không và mùi thơm bốc ra từ bếp lan khắp nẻo đường qua, mà chính là những biển menu đặt phía bên ngoài quán để thu hút khách đến. Cảm giác cúi xuống menu, với những dòng chữ li ti chỉ tên món ăn và giá tiền của mỗi món trước khi quyết định đi vào quán, đôi khi thật khó lý giải. Hình như không phải chỉ cái đói đã kéo ta đến những cái quán ấy, mà chính là những chiếc menu.

Những menu dựng trước quán mỗi nơi một vẻ, giống như mỗi quán một gu, nhưng có lẽ không nơi đâu tạo ra một cảm giác khác biệt và độc đáo đến thế như những biển hàng của nước Ý, không giống nhau dù chỉ trên cùng một con phố ngắn, không motif nào lặp lại, biến những quán ăn dù to hay nhỏ, sang trọng hay bình dân ở Italia thành một thế giới đa dạng và đầy sắc màu mà dường như chỉ có những người sinh ra trên một đất nước đầy tính nghệ sĩ và ngẫu hứng như thế mới sáng tạo ra được. Mỗi menu bày trước cửa là một tác phẩm nghệ thuật, một sự đầu tư thời gian và cả ngẫu hứng cho tính sáng tạo, một góc nhìn về thế giới của những ông chủ quán qua các trang trí trên tấm biển chào hàng cho quán, sự phóng túng

của những tâm hồn thích ăn ngon mặc đẹp muốn khơi dậy trong lòng những thực khách vãng lai niềm khao khát chinh phục các món ăn của quán. Một ông bạn người Ý của tôi có lần từng bảo, người Ý phát huy hết các giác quan khi đi ăn quán, và nếu đã đi ăn thì chắc chắn là phải đến những nơi ăn thật ngon. Mắt họ nhìn màu sắc của những món ăn được bày biện như một bức tranh của chủ nghĩa ấn tượng trên đĩa, mũi họ ngửi mùi thức ăn bốc lên, tay họ cầm dao dĩa và lưỡi họ nếm vị ngon. Nhưng trước khi thưởng thức một bữa ăn luôn kéo dài giống như tìm cách duy trì sự sung sướng của lưỡi và dạ dày trong một cuộc sống ngọt ngào đúng chất Ý, họ phải tìm đến một quán mà ở đó họ cảm thấy gần gũi, có những nét tương đồng với tâm hồn mình, và ăn thấy hợp. Với họ, chọn cho mình một quán và sau đó đến ăn thường xuyên ở đấy cũng chẳng khác việc tìm một ngân hàng đáng tin cậy để trao gửi tiền bạc.

Nhưng không hẳn tất cả những menu ấy đều là những tác phẩm nghệ thuật ở tầm cỡ thế giới. Những người đã thiết kế các bảng món ăn ấy hẳn muốn biến mỗi thực khách thành một nhà thẩm định về nghệ thuật thực sự. Thường thì người ta đến một quán mới không phải vì đã nghe đồn từ ai đó, rằng quán ấy ăn rất ngon, hoặc đơn giản là tò mò tìm kiếm một không gian mới cho riêng mình, mà vì quá ấn tượng với những biển menu dựng trước các quán ăn. Sự khác biệt và thu hút của những menu, để rồi từ đó tạo ra sự chú ý hoặc tò mò của họ đến những món ăn, không phải ở chỗ họ biến nó thành một bức tranh siêu hạng, mà ở sự độc đáo. Những menu ở vùng rượu vang Chianti Classico, miền Trung Italia, có viền bằng nút chai. Những menu ở Roma được viết bằng sơn trên những tấm bảng sặc sỡ và được trình bày giống như những bài thơ.

Những menu ở Palermo giản dị và mang một chút đặc tính của người xứ đảo Sicilia: hài hước, láu cá, ồn ào và hay giải thích, với rất nhiều chữ, đôi khi lại nguệch ngoạc, cẩu thả đến mức không thể tin được. Ngược lại, các biển quán ăn ở Napoli giống như tính cách của người dân ở thành phố lớn thứ ba nước Ý ấy, cầu kỳ, hoa văn sặc sỡ, chữ viết nắn nót và vẻ đẹp của những menu gây chú ý về cách trang trí được khẳng định một cách hùng hồn bằng mùi thơm từ bếp bay ra. Những biển quán ăn ở Torino và Milano giản dị, có phần hiện đại và đôi khi màu mè nhấp nháy bằng những tấm bảng điện vì bị cuộc sống công nghiệp làm cho bớt lãng mạn đi.

Đấy, sự thật về nghệ thuật ẩm thực đôi khi không nằm ở chỗ món ăn có ngon hay không, khi chúng ta đến một thành phố lạ, và chọn những quán ăn giống như một trò xổ số dựa trên cảm hứng khi ta nhìn thấy chúng. Nhưng tôi không giống như những du khách bình thường khác. Những chuyến đi khám phá các vùng đất của tôi đồng nghĩa với các cuộc khám phá ẩm thực, và trong cuộc tìm kiếm những nơi ngon nhất hoặc truyền thống nhất để hiểu văn hóa ăn uống ở nơi đã đặt chân đến, chính những menu quảng cáo các kiểu ấy là những cánh cửa đã mở ra trước mắt để tôi bước vào. Những bữa ăn như thế không chỉ để ăn, mà còn là thưởng thức cái đẹp và sự khác biệt trong một không gian riêng biệt phù hợp với mình, với đồ ăn, với âm nhạc nhè nhẹ trong đó, với người mà ta yêu mến. Cuộc sống cứ thế trôi đi, trong những chuyến đi mới, những cuộc khám phá ẩm thực mới cho những vùng đất ta đã đến và chắc sẽ yêu nó, dù thời gian ở đó dài hay ngắn. Những biển hàng quán ăn giống như những người cầm tay đưa ta đến với cuộc chinh phục ấy, từ những sự lựa chọn đôi khi đầy ngẫu

nhiên không theo bất cứ quy luật nào. Thông điệp từ những biển menu được giải mã theo những cách khác nhau, và triết lý menu của ông chủ quán không phải ai cũng hiểu được. Đôi khi sự cầu kỳ có thể đồng nghĩa với sự phản bội, khi đồ ăn không ngon như ta hình dung, và sự giản dị đem đến vế ngược lại.

Có những menu rất giản dị mà thoạt nhìn chẳng có gì đáng chú ý, không khêu gợi, nhưng đôi khi lại dẫn đến những chỗ ăn thật tuyệt vời, giống như ta thắng một canh bạc dù chơi dở. Tôi yêu một quán nhìn bề ngoài không có gì hấp dẫn, với biển menu chào khách cũ kỹ đến mức những người đi qua chẳng ai để ý, ở đường Borgo Pio, ngay sát Tòa thánh. Đấy là một quán ăn mà cánh áo chùng của nhà thờ thỉnh thoảng vẫn ghé qua. Các cha là những người sành ăn. Trên tường của quán "Il Passetto" mà tôi hay ngồi có một bài báo viết rằng, trước khi trở thành Giáo hoàng Benedict XVI, Hồng y Ratzinger đã ăn ở đây trong vòng hơn hai mươi năm. Cái quán nhỏ, trần thấp và đèn hơi tối ấy là nơi tôi đã ăn những bữa ngon nhất của mình trên đất Ý, với những món ăn nấu theo kiểu Roma truyền thống, những người bồi bàn già luôn im lặng và thỉnh thoảng mới thấy cười, những bức ảnh cũ kỹ trên bức tường vàng về những thực khách nổi tiếng đã ghé qua đây. Biển menu trước quán thực ra đã mô tả hết cái vẻ bình dị của quán, và thông điệp thực ra ở chỗ, hình thức không quyết định nội dung. Muốn biết thực sự đồ ăn ở đây ngon ra sao, phải ăn nó chứ không nhìn vào bề ngoài hay nội thất của quán. Đấy là lý do tại sao đám thanh niên trai trẻ không biết đến quán và chẳng mấy khi ngồi ăn ở đấy. Họ không hiểu được, họ đang đánh mất một cơ hội tuyệt vời nhất để sống một cách ngọt ngào qua những món ăn.

Nhưng tôi thì không, và tôi cảm thấy hạnh phúc vì đã chọn nơi duy nhất đến ăn mà không theo ấn tượng cái menu quảng cáo đem lại. Hạnh phúc giống như chàng Indiana Jones, trong khi đi tìm chiếc Chén Thánh ở tập *Cuộc thập tự chinh cuối cùng* trong series phim phiêu lưu của đạo diễn Steven Spielberg, đã đứng tần ngần một lúc trước cả chục chiếc cốc đẹp đẽ và sang trọng mà người hiệp sĩ Thánh chiến chờ chàng cả nghìn năm đưa ra. Nhưng cuối cùng, chàng đã chọn chiếc cốc bình dị nhất. Đấy chính là Chén Thánh(*).

---

*. Theo các truyền thuyết, Chén Thánh là một cái chén hoặc ly mà Chúa Jesus đã uống trong bữa tiệc cuối cùng với các tông đồ. Trong bữa tiệc đó, Chúa đã dùng quyền phép để biến rượu thành máu, báo trước cho tất cả về số phận mình. Người ta đồn rằng, Chén Thánh có chứa nhiều quyền lực vô biên. Ai có được Chén Thánh đều trở thành những vĩ nhân và làm được những điều phi thường.

Ở Sicilia, người ta đã ăn và cưới như thế đấy

Trên hòn đảo này, bi kịch của những người yêu cuộc sống qua dạ dày và từ dạ dày tìm hiểu về văn hóa và phong tục như tôi là... có quá ít thời gian để thưởng thức!

Tôi còn nhớ như in cảm giác đã trào lên khi một buổi sáng kéo va li vào nơi tôi sẽ ở trong mấy ngày tại Palermo. Giữa trung tâm với những dãy nhà cũ mới lộn xộn của thủ phủ đảo Sicilia ấy, giữa những con ngõ chật hẹp và gập ghềnh với biết bao ban công thò ra thụt vào, tôi đi tìm chỗ ở trọ trong cái nhìn chằm chằm bám theo của một đám thanh niên trông có vẻ vừa như đầu gấu, vừa như tò mò. Họ sẽ làm gì mình, họ sẽ nhảy vào cướp đồ của mình, họ là mafia, họ là ai? Bao nhiêu câu hỏi như thế cứ ập đến, trong tiếng tim đập thình thịch. Và rồi, trong một thoáng cố hết sức để trấn tĩnh, lấy lại vẻ lạc quan yêu đời để che



giấu nỗi sợ hãi, tôi ngoái lại mỉm cười với họ. Ngay tức khắc, họ cười đáp lại, bẽn lẽn và ngây ngô như những đứa trẻ. Cảm giác lo ngại nhanh chóng tan biến. Rồi anh chủ cho thuê căn hộ phi một chiếc xe máy cũ mèm ào đến. Anh bảo, họ là hàng xóm của anh. Hóa ra, họ đang "đón khách" hộ anh!

Ấn tượng kỳ cục ấy đã theo tôi mãi kể cả khi tôi rời Sicilia sau một chuyến bay trở về Roma, sau một vài cuộc nói chuyện trong tiếng cười khoái trá của những người bạn Ý cũng sinh ra trên mảnh đất ấy, sau những gì đã trải nghiệm và lưu mãi trong lòng, như một kỷ niệm không thể nào quên trong những chuyến đi dài, mà mỗi một nơi đến là dài dằng dặc những ghi chép, những tấm ảnh và niềm vui. Niềm vui đến đôi khi một cách tình cờ, sau những khám phá mà nếu không đến, chỉ đọc sách, xem phim, tự ngấm vào mình những thông tin một chiều lâu dần trở thành định kiến, sẽ mãi giữ một ấn tượng tiêu cực về nơi mà lẽ ra ta phải đến ít nhất một lần trong đời, như hòn đảo lớn nhất trên biển Địa Trung Hải này.

Tình cờ như khi ta biết rằng, trong khi trên đất liền nước Ý vào tháng Ba, mùa xuân còn chưa đến, cái lạnh vẫn lan tràn khắp nẻo nam bắc, thì nơi đây, ở xứ đảo Sicilia này, hoa đã nở vàng trên những cánh đồng, nắng đã rực trên mặt đất và trời đã xanh thăm thẳm. Tình cờ như khi ta hiểu rằng, ở cái nơi mà thỉnh thoảng có những góc phố trông có vẻ nhếch nhác, những thị trấn nhỏ nghèo và có bao dãy nhà lụp xụp bên con đường nhựa vá víu khắp nơi, người ta sợ sự im lặng như thế nào khi không thể ngơi tay khỏi cái còi trên vô lăng xe hơi, không thể không nói to trong những cuộc chuyện trò có khi chỉ hai người, dường như vì sợ tiếng gió sẽ át mất. Và tình cờ

khi ta nhận ra rằng, thực ra những gì Mario Puzo(*) đã viết về nơi đây, miền đất dữ, với mafia, với những con người đã từng vấy máu đồng loại trong vô số vụ thanh toán đẫm máu giữa các băng đảng, trong cuộc chiến của các bố già, không thể nào át được vẻ đẹp thực sự của thiên nhiên và tình yêu giữa những con người trên mảnh đất này.

Cái dữ dằn và nghiệt ngã đến ghê người của một nơi đã khiến không ít người rùng mình khi nghĩ đến nó, trong mắt tôi, chỉ là một chấm nhỏ giữa mênh mông biết bao điều đẹp đẽ và ấn tượng không thể quên trên mảnh đất này. Tôi đã ở đó giữa những khu chợ Palermo, đi qua những con ngõ nhỏ, ngồi trong những quán xá lụp xụp, nói chuyện với những người bình thường nhất của thành phố, để rồi hiểu ra rằng, điều quan trọng nhất trong cuộc sống ở đây chính là sống. Người ta phải sống, bằng đủ mọi giác quan và cung bậc cảm xúc. Cảm xúc khi được yêu một ai đó, được phát rồ vì đội bóng địa phương mà những người không sống ở đấy không sao có thể hiểu được tình cảm ấy. Cảm xúc khi được đứng trên một vách núi của thành phố cổ Erice và lặng người ngắm biển xanh thẳm phía trước. Cảm xúc khi nghe tiếng hát bằng thổ ngữ Sicilia về tình yêu với biển và với người tình trong một bản dân ca mà một người thủy thủ già tôi bất chợt gặp trên bờ biển của đảo Favignana đang ca lên, buồn bã và hoài niệm. Cảm xúc khi đến Savoca, nơi đã quay những cảnh bất hủ của phim *Bố già*, với những trường đoạn về Michael

---

*. Mario Puzo (1920-1999) là nhà văn người Mỹ có nguồn gốc Italia. Ông nổi tiếng với hàng loạt tác phẩm về mafia Sicilia, đáng chú ý nhất là *Bố già* (1969), sau đó được đạo diễn Francis Ford Coppola dựng thành phim.

Corleone và nàng Apollonia, từ gặp gỡ, yêu nhau, cưới nhau cho đến cái chết của nàng.

Và nữa, cả cảm xúc khi được ăn, ăn thật ngon, ăn không phải chỉ để no, ăn để sống, mà ăn để hiểu tại sao mình phải sống. Một anh bạn gốc Sicilia có lần bảo: "Nếu cảm thấy ngon, thì thực ra là ta còn muốn sống. Lưỡi ta, dạ dày ta chính là nơi phát ra những tín hiệu của sự yêu đời". Ở một nơi mà sự nghiệt ngã của cuộc sống đôi khi là một sự thúc đẩy lớn lao để những ai mang trong mình dòng máu Sicilia có thể tồn tại, tồn tại trên mảnh đất của họ, hoặc tồn tại bằng cách di cư như hàng triệu người đã làm vào đầu thế kỷ hai mươi sang nước Mỹ và Nam Mỹ, ăn và ăn ngon, chính là yêu cuộc sống, yêu một cuộc cuồng nhiệt, say mê và ngấu nghiến. Bốn năm sau cái lần lang thang giữa Palermo ấy, tôi trở lại Sicilia vào một buổi trưa. Khi ấy, tôi đã thấy cả thành phố là một dàn dây phơi khổng lồ với phấp phới cơ man nào là vỏ chăn và ga trải giường. Mà ở Sicilia, nơi nào hầu như cũng thế. Nhưng lần này, tôi tình cờ phát hiện ra một điều khác hẳn với lần trước, nhờ đó kiểm chứng triết lý sống kiểu Sicilia mà anh bạn triết gia kia đã đưa ra, kèm theo đó là một lời khuyên: Bạn đừng nên đến Sicilia vào buổi trưa. Hãy tránh đi. Vì buổi trưa, đi qua những con phố nhỏ ở bất cứ đâu, vắng vẻ hay đông người, trong gió phảng phất vị biển và nắng, mũi bạn sẽ bị tra tấn bởi biết bao nhiêu thứ mùi thơm khủng khiếp, và bạn chắc chắn không thể nào chạy trốn khỏi chúng. Mùi pizza theo kiểu Sicilia trong lò, mùi thịt nướng, mùi bánh mì, mùi spaghetti, mùi pasta, mùi bánh ngọt... Sicilia không phải là nơi lý tưởng cho những người ăn kiêng, và nhìn những quầy bánh ngọt bày biết bao thứ đặc sản nơi này, với những

chiếc cassata hay cannoli, những quán pizza bốc mùi thơm phức, chỉ sợ những ai đang ăn kiêng bị stress đến mức thế sẽ không bao giờ ăn kiêng nữa.

Thực ra tôi không nói câu ấy. Nó được thốt ra từ đôi môi đầy khêu gợi của cô phục vụ bàn xinh xắn và có đuôi mắt rất đa tình ở một quán pizza tại Trapani, miền Tây Sicilia, cách Palermo hơn một trăm cây số, trong một lần tôi đến đây ban trưa, và không thể cưỡng lại được sự quyến rũ của mùi thơm pizza. Tôi ngồi nhấm nháp từng miếng pizza đế dày có tên Rianata mozzarella trong quán ấy, theo lời khuyên về đặc sản pizza Trapani của cô gái, vừa thưởng thức hương vị thơm phức của bột mì, vị mặn của những miếng cá trích được đánh bắt từ biển trước mặt thành phố, vị thơm của pho mát trâu mozzarella quyện vào pizza, vị thơm của lá basilico, vừa gật gù chiêm nghiệm triết lý stress với người ăn kiêng của cô, lại vừa khoái trí nhận ra rằng, cái lưỡi của người Trapani khác với người Palermo, vì cách phát âm của họ khác nhau lắm. Một buổi tối khác, ở quán nổi tiếng Cantina Siciliana, được trang trí bên trong như một hầm rượu khổng lồ, và khắp nơi treo đầy những con rối vải truyền thống của Sicilia, tôi ngồi ăn couscous, một món cơm nấu với hải sản theo kiểu Bắc Phi, nơi chỉ cách phần đất chìa ra khỏi Sicilia này tám mươi cây số. Cụng một ly vang trắng, mắt mơ màng giữa những chai rượu, tai nghe người phục vụ mô tả vẻ đẹp của Trapani trong cách nấu ăn, mắt ngắm quán trang trí như một hầm tàu đi biển từ thời Trung cổ, chợt thấm thía hơn bao giờ hết triết lý ăn để yêu cuộc sống của người bạn nọ.

Mà ở hòn đảo này, giữa biết bao nhiêu cách ẩm thực được kế thừa từ một nền văn hóa vô cùng đa dạng, chịu ảnh hưởng

của bao nhiêu dân tộc đã thống trị mảnh đất này từ thời Cổ đại, từ người Hy Lạp, La Mã, Arab, người Norman cho đến người Ý bây giờ, bi kịch của những người yêu cuộc sống qua dạ dày và từ dạ dày tìm hiểu về văn hóa và phong tục như tôi là có quá ít thời gian để thưởng thức. Thế mà những người bạn mới quen trong một nhà thờ ở trung tâm Trapani vẫn bảo rằng, cần phải tranh thủ tốt nhất thời gian ở nơi đây, giữa những chuyến đi đến các hòn đảo thuộc quần đảo Egadi ngoài khơi Trapani, những cánh đồng muối rộng lớn ở Marsala, những di tích từ thời Hy Lạp cổ đại như đền thờ Segesta có 2.400 năm tuổi, những chợ cá ầm ĩ tiếng rao bằng thổ ngữ Trapani của những người bán cá, cần phải ăn, và ăn ngon, càng nhiều càng tốt. Ăn một phần để hiểu người Sicilia yêu đời như thế nào, từ cái cách họ nâng niu sự ngọt ngào khi khẳng định cuộc sống sẽ không là gì cả nếu không có bánh ngọt, từ những đĩa cá thơm nức vị biển và từ "meusa", những chiếc bánh mì kiểu hamburger nhưng có nhân là phèo và phổi bê xào. Thế là từ những người bạn ấy, bỗng dưng hình thành một đám rước gồm ba người đàn ông Ý tranh nhau nói, tay vung loạn xạ, cùng hai người phụ nữ và bốn đứa trẻ con, hai đứa trong đó đang nằm xe nôi, thêm một con chó nữa, tất cả rồng rắn đưa tôi đi mấy phố, chỉ ra những chỗ ăn ngon nhất của thành phố. Mà hình như người Ý nào cũng tốt như thế thì phải. Số người thể hiện cái tốt ấy càng đứng với nhau đông thì đôi khi càng rắc rối. Trong vụ chỉ đồ ăn ấy cho tôi, ai cũng cho là quán mà họ gợi ý mới thực sự là ngon.

Những người già vô tình bắt quen lại làm một việc khác: họ dẫn tôi đến bức tượng gỗ hoạt cảnh trong những chặng khổ ải của Chúa, và giải thích cặn kẽ từng chi tiết, từ khuôn mặt của

Chúa, động tác của tổng trấn La Mã Pilato(*), sự hung bạo của những người lính khi hành hạ Chúa. Họ khẳng định rằng, có đức tin thì phần hồn sẽ nhẹ hơn, sẽ được cứu chuộc bằng tình yêu thương. Còn người trẻ thì thực dụng hơn. Họ tin rằng, ăn ngon là để thêm yêu cuộc sống. Ở Sicilia này, người ta yêu ẩm thực chẳng khác gì yêu Chúa. Và yêu bằng cách nào đi nữa, thì tình yêu thực sự như tôi cảm nhận được ở cái nơi mà không ít người cho là mảnh đất của chết chóc này đều phải qua cả trái tim lẫn dạ dày. Khi viết về Sicilia, ngòi bút của Mario Puzo đã khiến người đọc có những cái nhìn đầy tiêu cực về cuộc sống nơi đây, con người ở nơi đây. Nhưng đấy là một Sicilia khác, với những con người khác, ở một thế giới khác hẳn với thế giới tôi đã tận mắt chứng kiến trong những chuyến đi đến nơi này trong nhiều năm qua. Không ai nhắc đến tội ác và mafia, kể cả ở Palermo và Corleone, sào huyệt của các bố già. Người ta chỉ nói đến ăn và yêu.

Ở đây, tình yêu thực sự của lứa đôi liệu có thực sự tồn tại, như những câu chuyện tình đẫm lệ theo kiểu chàng Salvatore yêu cô Elena trong tuyệt vọng của phim *Cinema Paradiso*, với những cảnh quay đầy lãng mạn và đẹp mê hồn ở Cefalu và Palazzo Adriano, cách Palermo hơn sáu mươi cây số? Những câu chuyện tình yêu ở đây rất nhiều và rất đẹp, có khi còn đẹp và lãng mạn hơn cả phim ảnh. Vài năm trước, một chàng người Mỹ lang thang du lịch khắp Sicilia đã vô tình ngồi cạnh một

---

*. Theo kinh Phúc âm, Pilato, tổng trấn La Mã ở tỉnh Judaea từ năm 26 đến 36 sau Công nguyên, đã chủ trì phiên tòa xét xử Chúa Jesus. Mặc dù ông đã tìm cách để Jesus không bị tử hình, nhưng đám đông dân chúng từ chối giảm tội, ông mới buộc lòng phải tuyên đóng đinh Jesus lên thập giá.

cô gái Ý trên cùng một tuyến đường. Họ làm quen với nhau. Nàng mời chàng ăn vài cái bánh bích quy, rồi họ phát hiện ra là trên hành trình đi chơi, họ cùng muốn đến tham quan Erice, cách Trapani mười cây số. Thế rồi, chẳng hiểu thế nào, họ quyết định đi tàu biển về đảo Pantelleria, cũng thuộc Sicilia, nơi bây giờ họ đang sống cùng nhau, có với nhau một mặt con và câu chuyện của họ trở thành một phần lãng mạn của cuộc sống nơi này. Những câu chuyện thật như thế liệu có lặp lại, ở nơi rất đỗi lãng mạn này?

Tôi hỏi điều ấy với một ông già ăn mặc rất sang trọng đang đón dâu phía ngoài một nhà thờ ở trung tâm Trapani. Matteo, tên ông, hóa ra là chú của cô dâu, bảo: "Tôi vẫn tin là có, vì chính tôi với vợ tôi cũng thế. Chúng tôi lấy được nhau, đã bốn mươi năm rồi. Giờ được dự đám cưới cháu tôi, tôi đã khóc đấy". Ông khóc thật. Dăm ba người già đi dự lễ cũng thế. Họ rưng rưng lệ khi chiếc xe cài hoa trắng chở cô dâu đến. Bố cô dâu nắm tay cô đưa vào nhà thờ, trong tiếng nhạc phong cầm cất lên đầy thiêng liêng nhưng thi vị. Đấy là một đám cưới đẹp. Nàng là nhân viên cảng. Chàng là sĩ quan quân đội. Đơn vị của chàng cử những anh lính đẹp trai mang kiếm đến dự lễ. Tôi đứng trong đám khán giả hiếu kỳ đứng xem, và thậm chí sau đó được người nhà chú rể mời vào nhà thờ dự lễ. Không, đấy không phải phim. Đấy là đời thực, và khi linh mục hỏi có ai phản đối không, cả nhà thờ im lặng tựa như tất cả đều á khẩu. Nhưng không ai phản đối, không có chàng trai nào khác ùa vào nhà thờ đòi lại tình yêu, không có cô dâu nào lên ngựa bỏ trốn như trong phim Julia Roberts đóng. Ông linh mục chỉ chờ có thế để nở nụ cười và tiếp tục buổi lễ. Chàng và nàng trao nhẫn cho nhau và hôn nhau. Ông

Matteo lại khóc. Không khóc sao được, khi trong thời buổi ở Ý, số vụ ly thân và ly dị ngày càng cao này, tuổi kết hôn cũng có xu hướng tăng lên, người ta vẫn yêu nhau và lấy nhau khi còn trẻ, như cháu của ông?

Cách đấy chừng trăm mét, ở nhà thờ San Lorenzo, nơi có bức tranh Chúa bị đóng đinh câu rút nổi tiếng của danh họa người Hà Lan Van Dijk, có một đám cưới nữa. Mấy người vừa được mời dự cưới đám trước lại đi bộ sang bên này. Đám cưới ấy chờ đám cưới kia xong thì cô dâu chú rể mới bước ra, trong bong bóng xà phòng các chú bé thổi bay lơ lửng và pháo giấy bay đầy trời. Chú rể Giuseppe và cô dâu Sara đứng cụng ly sâm banh ngay trên hè phố khi những người bạn của họ gào lên những điệp khúc cổ vũ như trên sân vận động của đám tifosi điên rồ nhất. Giuseppe mỉm cười và nói thầm thì vào tai Sara: "Anh sẽ chở em trên chiếc Vespa này. Em sẵn sàng chưa?" Cô dâu nở nụ cười tươi tắn và đáp lại bằng một tiếng dứt khoát: "Sì" (Vâng). Chú rể, anh chàng đẹp trai nhưng có cái nhìn khá trai lơ ấy, cũng chỉ chờ có thế. Anh dúi ly vang đang uống dở vào tay người bạn, kéo tay cô dâu lướt qua cả một hàng người đứng quanh, leo lên chiếc Vespa xanh nhạt đời những năm 1960 mà một ông già bạn chú rể đem đến. Chàng khoái trá nổ máy, trong tiếng vỗ tay của bao người đứng xem, tiếng hét lên thích thú của vài đứa trẻ, cả tiếng khóc thút thít của mấy bà cô đứng tuổi chăm chú rể từ khi còn bé tí, nay được thấy cháu mình hạnh phúc.

Có ai đó kêu lên: "Các vị dãn ra một chút, để họ đi nào". Thế là đám đông dãn ra, và trên môi nở một nụ cười mãn nguyện, chú rể chở cô dâu (không ai đội mũ bảo hiểm), vụt đi, trong những tiếng vỗ tay của mọi người. Trời bắt đầu đổ mưa

nhẹ. Tất cả dạt vào nhà thờ. Một bà cô chú rể kêu lên: "Mưa là may mắn. Chúa phù hộ cho các cháu tôi".

Tôi đứng đó, mỉm cười. Tôi cũng may mắn. Chúa cũng phù hộ tôi, cho tôi biết ăn và biết yêu trên mảnh đất này...

Từ trên tường, Đức Mẹ đang nhìn ta

Quay mặt ra những con ngõ nhỏ, những quảng trường nhỏ, Đức Mẹ chứng kiến lịch sử của thành phố trôi qua, chứng kiến những số phận và cuộc đời con người ở đó.



Maurizio, một người bạn của tôi luôn bảo rằng, Roma đẹp bởi những điều rất giản dị. Những bức tường cũ kỹ, những dây leo chằng chịt trong các khu phố cổ, những cột đèn dầm mưa dãi nắng hàng thế kỷ đều có những câu chuyện để kể. Và rồi, trong một lần ngồi cà phê, anh chỉ cho tôi bức tranh Đức Mẹ trên một bức tường gần quảng trường Navona. Người nghệ sĩ nhiếp ảnh nổi tiếng ấy bảo: "Đấy chính là một phần hồn của thành phố". Phần hồn ấy, phải sống lâu ở đây, sau bao lần rảo bước qua những con phố tường đã lở loét và rêu phong, những con ngõ hẹp gồ ghề lát đá, những vòi nước chảy suốt đêm ngày và những bức tường đầy dây leo cùng với các bức tranh vẽ nguệch

ngoạc, mới có thể hiểu được, những bức tranh hoặc tượng thờ Đức Mẹ Maria ấy cũng góp phần tạo thành khái niệm về một Roma cổ kính và đáng yêu.

Từng có số lượng tới hơn hai nghìn ở các góc phố, trên những bức tường in đậm dấu ấn thời gian, nay giờ chỉ còn lại hơn năm trăm, và hầu hết đều tập trung ở khu phố cổ của Roma, "madonelle" (Đức Mẹ trên đường phố) - những tranh hoặc tượng thờ Đức Mẹ - đã trở thành một phần không thiếu được của thủ đô nước Ý. Hơn thế nữa, nó tô điểm cho vẻ đẹp của những khu phố, tạo ra sự khác biệt và đặc sắc của những khu dân cư khác nhau. Nhưng những công trình ấy không chỉ thể hiện khía cạnh sùng đạo trên mảnh đất này trong những năm quá khứ đầy bất trắc, khi những ai đi qua các con phố Roma ban đêm cầu nguyện Đức Mẹ phù hộ để được an toàn, và xua đuổi ma quỷ khỏi ám ảnh những linh hồn thiếu may mắn (người Roma ngày xưa tin rằng, quỷ Satan luôn hiện ra ở các ngã tư đường hay góc phố vào ban đêm), mà còn trở nên có ích cho cộng đồng trong việc chiếu sáng, khi được lắp nến và rồi sau đó, lắp đèn khi điện được đưa vào sử dụng vào thế kỷ mười chín. Cho đến bây giờ, khi những con ngõ của Roma đã lung linh những ánh đèn rực rỡ, đã được tô điểm bằng ánh đèn neon hay đèn màu từ những cửa hàng thời trang, các quán ăn, quán cà phê không lúc nào vắng khách, thì những chiếc đèn cổ phát thứ ánh sáng vàng vọt ấy vẫn phát huy tác dụng: chúng soi sáng khuôn mặt hiền hậu của Đức Mẹ đang phù hộ cho chúng sinh, gợi nhớ cho tất cả rằng, ở đâu cần sự bảo vệ về tâm linh và cần ánh sáng để soi đường trong những con phố nhỏ, khi bóng tối đồng lõa với các âm mưu, tội ác và những vụ cướp vốn nhan nhản ở các phố vắng Roma nhiều thế kỷ trước, ở đó có những bức tranh Đức Mẹ.

Tôi yêu những con phố của Roma không chỉ bởi chúng luôn lọt thỏm giữa những khối nhà vuông vức và sau đó thường dẫn đến những quảng trường nhỏ, nơi thỉnh thoảng có một đài phun nước hoặc những vòi nước công cộng mà nhiều trong số đó đã tồn tại hơn năm thế kỷ. Tôi thích đi dạo trong những khu trung tâm cổ của Roma cũng không chỉ bởi vì những hàng quán từ thời xưa cũ nay vẫn đông khách, những cửa kính bày thịt nguội, bánh ngọt hay rượu, những hàng hoa rực rỡ mà người ta mới giao vào buổi sáng, những khoảng sân nhỏ đầy dây phơi dưới những cửa sổ khép hờ, những dây đèn sáng nhấp nháy quanh các cây thông mỗi bận Giáng sinh đến gần. Tôi yêu Roma chính bởi đôi khi, trong không biết bao lần đi bộ trong những con phố đã quá quen thuộc với mình trong những năm sống ở đây, luôn gặp những gì thật đặc biệt như ông bạn Maurizio đã nhắc đến: ánh mắt của Đức Mẹ. Ánh mắt ấy từ những bức tranh Đức Mẹ hình ô van hoặc hình vuông được gắn ở những ngã tư giao cắt giữa các khu phố, ở những bức tường của một tòa nhà lớn nhất và dễ nhìn nhất trong một quảng trường, những con ngõ chật hẹp và khúc khuỷu, những ô cửa sổ màu xanh đã bạc phếch, có cái đóng chặt, có cái mở hờ, những giàn dây phơi lộ thiên, những ngõ cụt không lối ra mà dây leo đã phủ kín, và mùa thu khiến bức tường ấy đỏ rực như máu.

Có những bức tranh thờ đã quá cũ. Thời gian in hằn trên lớp kính mỏng bảo vệ khuôn mặt Đức Mẹ và những chạm trổ bằng đá bên ngoài. Có những bức hầu như không còn gì nữa theo tháng năm, do bị thời gian ruồng bỏ, con người quên lãng, khiến đôi mắt Đức Mẹ mờ đi, đôi môi không còn vị đỏ, mái tóc chỉ còn vài nét không ra hình thù. Những bức ấy giờ chỉ còn giữ một vai trò thứ yếu, khi đức tin không còn nhiều

ý nghĩa trong một thế giới đầy thực dụng, nhưng ánh đèn còn ở đó vẫn đêm đêm thắp sáng cho một góc phố. Có những bức hoặc bị bao vây bởi những biển số nhà cũ mới sau những lần chính quyền thành phố đánh lại số nhà, hoặc bị chen lấn bởi cả những ăng ten ti vi mà nhà nào đó đang dùng. Ở dưới một bức tranh thờ có từ thế kỷ mười bảy gần bờ sông Tevere, những người dân khu phố hiện tại còn viết nắn nót mấy dòng, thay mặt Đức Mẹ nhắn mọi người đừng bỏ rác dưới ảnh thờ bà. Nhưng cũng có những bức đã được trùng tu, nhưng vẫn giữ được những nét cổ kính của nó. Và có những bức mà sáng nào cũng có người đi qua đặt vào đó những bông hồng. Nhiều trong số những tác phẩm gắn liền với Đức Mẹ, hoặc chỉ có Đức Mẹ, hoặc có cả Chúa Hài Đồng, và chúng vẫn còn giữ nguyên những giá trị tôn giáo cho đến tận bây giờ, sau năm thế kỷ tồn tại, do ý nghĩa lịch sử của nó, như bức của Antonio Sangallo, một bậc thầy về kiến trúc Phục hưng ở phố Coronari. Người ta vẫn cầu nguyện dưới bức tranh này. Trong những bức tranh hoặc những bức tượng được chạm khắc công phu mà không bức nào thiết kế giống bức nào, dù là của những kiến trúc sư lỗi lạc như Sangallo(*), hay những nghệ sĩ tài ba khác đã sống trong những năm tháng đó, như Bicchierari, Berrettoni hay Moderati, Đức Mẹ đang trìu mến nhìn tất cả.

Quay mặt ra những con ngõ nhỏ, những quảng trường nhỏ, Đức Mẹ chứng kiến lịch sử của thành phố trôi qua, chứng kiến những số phận và cuộc đời con người ở đó, những cuộc

---

*. Giuliano da Sangallo (1445-1516) là một kiến trúc sư, nhà điêu khắc và kỹ sư quân sự lỗi lạc thời Phục hưng. Rất nhiều nghệ sĩ lớn của thời đó, trong đó có Raphael, đã chịu ảnh hưởng lớn của ông.

sống sinh ra, những cái chết ập đến sau các vụ cướp bóc và ám sát, những cô gái làng chơi đón khách, và cả những mối tình của không biết bao nhiêu đôi trai gái trong nhiều thế kỷ. Biến động lịch sử trôi qua trước mắt bà, cả niềm vui, đau khổ, nước mắt và những nụ cười của con người. Và gắn liền với sự tồn tại của những tác phẩm trên tường ấy là những câu chuyện về phép màu đã xảy ra, càng khiến cho người ta tin rằng, Đức Mẹ đang phù hộ họ. Những cuốn sách sử về Roma viết rằng, vào năm 1796, nhiều người đã nhìn thấy Đức Mẹ Archetto, một bức tranh thờ Đức Mẹ Maria ở gần đài phun nước Trevi, và một loạt những bức tranh thờ ở nhiều nơi khác, đã chớp mắt và sau đó khóc ra máu. Nhiều người đã tin rằng, đấy là một điềm dữ. Hai năm sau, quân đội Pháp của Napoleon tràn vào Roma. Người Roma đã nổi loạn chống lại chính quyền chiếm đóng, khi bị ra lệnh xóa đi những bức tranh thờ Đức Mẹ trên tường. Hàng nghìn người đã giơ ngực ra trước lưỡi lê Pháp, sẵn sàng chết để bảo vệ bức Đức Mẹ trên tường. Đức Mẹ là đức tin của họ, là người phù hộ họ. Đức Mẹ không thể chết.

Không ít những câu chuyện được ghi lại trong nhiều thế kỷ khác nhau về Đức Mẹ khóc khi chứng kiến một vụ giết người (như đã xảy ra vào năm 1546, với bức Đức Mẹ đồng trinh ở phố Arco de' Cenci, sau đó được đổi tên thành bức Đức Mẹ khóc), hay những kẻ báng bổ Đức Mẹ phải chịu tội. Maurizio cười khi tôi hỏi, những câu chuyện ấy liệu có thật và có thể tin được hay không: "Nếu sử sách đã ghi lại như thế, hẳn phải có lý do. Nhưng chính những sự kiện ấy khiến những bức tranh thờ trở thành một phần quan trọng trong cuộc sống của người Roma". Quan trọng đến mức, trong thế kỷ mười chín, người dân Roma thậm chí đã chống lại quyết định hiện đại hóa thành

phố bằng một hệ thống đèn chiếu sáng. Với một đức tin mạnh mẽ, họ vẫn tin rằng, những ánh nến soi sáng mặt của Đức Mẹ trong những khu tối tăm của Roma là ánh sáng duy nhất có thể tồn tại ở đấy. Ánh sáng soi đường trên hết vẫn phải là đức tin, là tình yêu với Chúa, là sự phù hộ của Đức Mẹ. Trong cuốn *Du ký ở Roma* những năm cuối thập niên hai mươi của thế kỷ mười chín, nhà văn Pháp Stendahl đã viết rằng, nến soi các tranh thờ là nguồn sáng duy nhất của Roma.

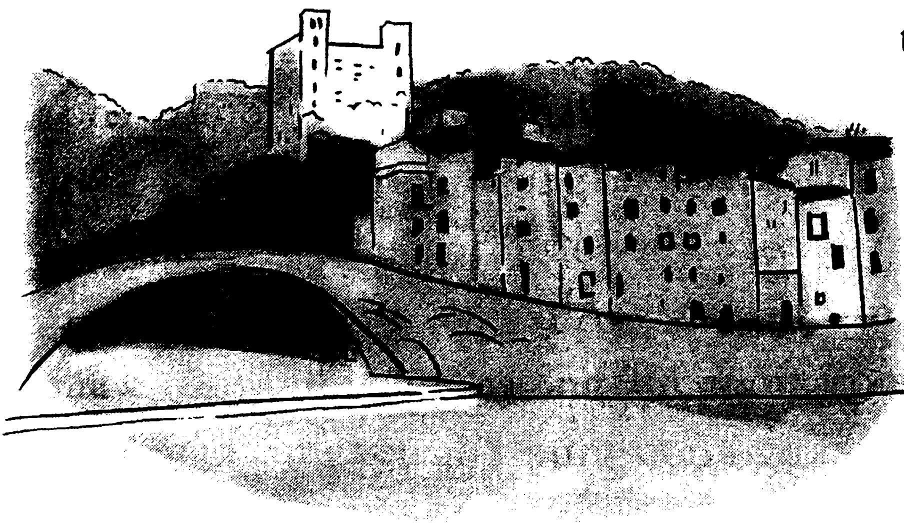
Bây giờ, Đức Mẹ Maria ngự ở đó, trên những bức tường cổ kính của Roma, lặng lẽ nhìn tất cả những ai đi qua, dù là ban ngày, buổi trưa hay ban tối, khi thành phố đã lên đèn và sau đó, chìm trong giấc ngủ. Hàng bao nhiêu thế kỷ đã trôi qua như thế, người ta vẫn yêu và tin rằng, Đức Mẹ sẽ bảo vệ họ, gia đình họ, như sự thánh thiện và đức tin tồn tại trong lòng mỗi con người có thể chống lại cái ác và cái xấu. Những bức tranh và tượng Đức Mẹ tồn tại trên những góc phố lát gạch phủ đầy lá thường xuân hoặc những bức tường rêu phong từng một thời xe ngựa và người qua lại, trong những cuộc cách mạng, những biến cố của lịch sử, gắn bó với biết bao con người và thế hệ của Roma. Nay, những con đường ấy đã trở thành phố đi bộ, để ai đó rảo bước thanh thản và hưởng thụ một cuộc sống nhẹ nhàng, yên ả, trong những mùi vị quen thuộc của cuộc sống khu trung tâm Thành phố Vĩnh cửu cổ kính: mùi pizza đang nướng trong lò gỗ, mùi cappuccino thơm nhè nhẹ trong những quán cà phê, mùi pasta từ những bàn ăn ven đường, mùi son môi của ai đó ta vừa hôn.

Đức Mẹ luôn ở đó, chờ đợi ta đi qua. Bà yêu các con chiên và họ cũng yêu bà. Chỉ cần ta rảo bước trên những con phố trung tâm và ngước mắt nhìn lên...

Bình yên như những chiều "borgo"

"Borgo" là tên gọi chung của những thành phố nhỏ bên trong những bức tường thành, thường được hình thành từ cả nghìn năm trước, khi Đế chế La Mã sụp đổ, dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của chế độ phong kiến cát cứ địa phương.

Khó có cảm giác nào bình yên, thanh thản và yêu đời đến thế khi ngồi ở một bàn ăn nhỏ nhìn ra vùng hồ rộng lớn phía trước dưới ánh hoàng hôn. Quán nhỏ và hẹp, nên mấy bàn ăn phải kê ra ngoài con phố lát đá ngay cạnh một cổng tường thành cổ hàng trăm năm tuổi. Mỗi bàn có một ngọn nến lung linh, và ở bàn bên, một đôi trẻ đang tỏ tình một cách say đắm trong khi chờ người bồi bàn mang đến những đĩa đồ ăn đặc trưng của xứ Umbria. Mắt họ trong mắt nhau. Tay họ trong tay nhau. Chân họ chạm nhau dưới gầm bàn. Cuộc sống ở đây ngọt ngào trong từng



khoảnh khắc, và điều duy nhất ta cần phải làm, là mở lòng ra và cảm nhận nó.

Cái góc bên cổng thành từ thời Trung cổ ấy là một trong những nơi đẹp nhất của Castiglione del Lago. Thành phố nhỏ ở miền Trung nước Ý ấy được coi là một viên ngọc của xứ Umbria nằm trên những núi đồi và từ lâu đã quá nổi tiếng nhờ dầu ô liu, rượu vang đỏ, thịt nguội các loại và cơ man là tu viện trên những rặng núi. Trong tường thành là một thế giới đầy đam mê của những nhà thờ, tháp chuông, những con phố nhỏ lát đá lúc chạy lên lại chạy xuống, những "vicolo" (hẻm nhỏ) cắt ngang những con đường lớn và rồi chạy ra tít tường thành, nơi người ta gắn biển "Belvedere" (nơi ngắm quang cảnh phía trước). Từ đấy nhìn ra là một thế giới nữa, rộng lớn, khoáng đạt và đầy màu xanh: màu xanh đậm của những cánh đồng nho, những rặng thông chạy ngoằn ngoèo phía dưới, những ngọn núi và màu xanh thẳm của bầu trời được điểm xuyết những gợn mây trong. Những bức vẽ của bao danh họa thời ấy, từ Perugino(*), Raphael cho đến Leonardo da Vinci đều có màu xanh phong cảnh như thế làm nền cho các nhân vật của họ, tạo thành một phong cách đặc biệt của nghệ thuật thời Phục hưng. Màu xanh đôi khi nhạt, khi đậm, khi chuyển thành những màu hồng hoặc đỏ nhạt như màu hoàng hôn loang lổ trên hồ Trasimeno bên dưới Castiglione del Lago.

Những nhà nghiên cứu lịch sử nghệ thuật cho rằng, cảnh quan là một phần cơ bản và không thể thiếu được của những

---

*. Perugino (1448-1523) được các nhà lịch sử nghệ thuật đánh giá là một trong những họa sĩ đặt nền móng cho hội họa thời Phục hưng. Ông là thầy của họa sĩ vĩ đại Raphael.

bức tranh thời tiền Phục hưng, Phục hưng và Baroque. Những câu chuyện về các thánh, những bức chân dung, các bức họa về cuộc sống nông thôn đều lấy cảnh sắc của một vùng đất trước mắt người họa sĩ nhìn từ một góc tường thành nào đó. Xứ Umbria và xứ Toscana đã cho nước Ý và nhân loại nhiều họa sĩ lớn phải chăng vì cảnh ở đấy, từ các borgo nhìn ra, đẹp đến mê mẩn, và bây giờ sau nhiều thế kỷ, khi xem lại các bức vẽ thời ấy, vẫn nhận ra cảnh quan chẳng có gì thay đổi. Ở Citta della Pieve, tôi đã ngơ ngẩn đứng ngắm mãi một bức tranh tường của Perugino của tu viện Santa Maria dei Bianchi. Bức tranh *Sự tôn thờ các nhà thông thái* của ông là một minh chứng sống động về việc thiên nhiên và cảnh sắc đời thực đã đi vào nghệ thuật ra sao. Màu của trời, của những khóm hoa oải hương, màu xanh của hạnh nhân, màu của đất... đã làm bừng sáng tác phẩm bất tử ấy. Mở cửa rời tu viện, bước ra thế giới của hiện tại, đi bộ vài trăm bước nữa đến tường thành và nhìn ra ngoài, là bức tranh của đời thực. Vẫn khung cảnh ấy, bầu không khí ấy, mùi hương ấy, bầu trời xanh thẳm và đáng yêu vô ngần. Perugino lúc ấy dường như đã nhập vào bản thân ta.

Tôi yêu những thành phố nhỏ như cái góc xinh xinh bên hồ Trasimeno ấy, và những năm tháng sống ở Ý khiến tôi trở thành một người hạnh phúc, khi bao chuyến đi dọc ngang đất nước hình chiếc ủng ấy đã đưa tôi đi khắp nơi, khám phá những góc nhỏ đầy chất sống trong những "borgo" như Castiglione del Lago. Có biết bao những Castiglione del Lago lớn nhỏ như thế ở khắp nơi trên nước Ý, hoặc nằm trơ trọi trên những ngọn đồi thấp với vài chục dân, hầu hết là các ông bà già và cũng giống thành phố, đang chống lại sự xói mòn của đất đá và sự lãng quên của người đời, như Civita di Bagnoreggio; hay nằm

khuất nẻo trên những vùng đồi núi của xứ Toscana như ở vùng rượu Chianti Classico. Chúng nằm xen giữa những cánh đồng lúa mì, hoa hướng dương hoặc đồng nho, và trở thành tâm điểm của cả một vùng đất. Có những "borgo" thật kỳ lạ như Monteriggioni ở xứ Toscana. Nằm trong một hệ thống tường thành và tháp canh, nó là pháo đài án ngữ cả một vùng rộng lớn nhìn ra các hướng. Trong thành phố nhỏ xíu ấy có một nhà thờ, một giếng nước, dăm ba ngôi nhà nhỏ mà ngày xưa có lẽ là trại lính. Có một tấm biển đề rằng, nơi đây, hơn năm trăm năm trước, những người lính Thụy Sĩ đã đi qua đây trên đường về Roma và trở thành đội quân bảo vệ Giáo hoàng như ta thấy ở Tòa thánh hiện tại. Bây giờ, không có người lính nào sống ở đó nữa. Chỉ còn lại những người đứng tuổi, những người già. Họ nhoài người ra phơi quần áo trên những dây phơi vắt ngang cửa sổ của những ngôi nhà bằng đá. Họ nói chuyện với nhau qua các ban công hoặc cửa sổ. Họ ngồi bên ghế tựa ở cửa nhà và ngắm cuộc đời chầm chậm trôi ở bên ngoài. Đấy là một thế giới đặc trưng trong cuộc sống Ý cách xa chốn thị thành. Người ta khó tìm trong nhịp sống và dáng vẻ của những borgo cổ kính ấy một điều gì đó trẻ trung và mạnh mẽ của tuổi thanh niên. Ở những borgo nằm giữa những núi đồi ấy, là một thế giới mà các thành phố không hề có: sự yên tĩnh, thanh thản và thời gian dường như không trôi. Có hàng nghìn borgo như thế từ Bắc xuống Nam nước Ý, muôn hình muôn vẻ, và cái nào cũng đẹp.

"Borgo" là tên gọi chung của những thành phố nhỏ bên trong những bức tường thành, thường được hình thành từ cả nghìn năm trước, khi Đế chế La Mã sụp đổ, dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của chế độ phong kiến cát cứ địa phương.

Nước Ý bị chia nhỏ thành từng mảnh, và mỗi mảnh trong đó lại trở thành những mảnh nhỏ hơn nữa, khi những ngọn đồi cao, những rìa núi có thể phòng ngự được trước các cuộc tấn công biến thành những thành phố núp sau những tường thành. Hàng biết bao borgo đã ra đời như thế trong lịch sử, và sự tồn tại mãnh liệt của chúng theo tháng năm khiến người ta khâm phục về sức sống: mỗi một borgo thường thuộc về một gia đình quý tộc lãnh chúa và họ phát triển một nền văn hóa, thậm chí ngôn ngữ riêng kéo dài trong nhiều thế kỷ. Rời khỏi các thành phố lớn của nước Ý đi về phía nông thôn, hoặc chạy xe dọc những đường cao tốc hay quốc lộ, các borgo chốc chốc xuất hiện rải rác trong tầm mắt, dễ nhận ra với những ngôi nhà bằng đá vàng nhạt dưới nắng, những tháp canh cao vút hay những tháp chuông nhà thờ kiêu hãnh như hình ảnh của Chúa vươn lên trong mây.

Chúng giống nhau mà cũng rất riêng biệt. Chúng vừa là những chi tiết điểm xuyết trong một bức tranh phong cảnh rộng lớn của những vùng đất nông thôn nước Ý, vừa là một bức tranh khác lạ và đặc biệt so với những bức tranh khác, những vùng đất khác. Mỗi borgo là một câu chuyện và chúng tập hợp thành một câu chuyện đa dạng mang tính địa phương trên đất nước này. Và chúng là sự bổ khuyết một cách hoàn hảo cho bức tranh nước Ý mà những ai theo những tour du lịch thông thường đến mảnh đất hình chiếc ủng này không thể nhận ra là họ đang để mất: cuộc sống của những vùng đất, những nét văn hóa địa phương đa dạng và phong phú của nơi đáng yêu và đáng sống này. Thậm chí có cả một hội đồng của những borgo trên toàn nước Ý. Hội đồng ấy có nhiệm vụ quảng bá hình ảnh, văn hóa và thu hút du lịch đến các borgo, đồng thời nâng cao

nhận thức trong cộng đồng nhằm bảo vệ các thành phố nhỏ ấy khỏi bị thời gian và chính con người tàn phá. Mỗi năm, họ xuất bản một cuốn sách hướng dẫn du lịch đến tất cả các borgo ấy và tổ chức một cuộc bình chọn borgo đẹp nhất. Khi tôi viết cuốn sách này, Sambuca đang là borgo đẹp nhất nước Ý. Thành phố nhỏ ấy nằm trên đảo Sicilia, không chỉ đẹp về kiến trúc và vị trí địa lý bên cạnh một cái hồ rất thơ mộng, mà còn nổi tiếng vì loại rượu cùng tên.

Những tour du lịch cho người nước ngoài đến Ý thường chỉ tìm đến những nổi tiếng nhất, như Venezia, các điểm ở Roma, Pisa hay Firenze, mà không nghĩ đến chúng, và do đó, bỏ qua những ngóc ngách đẹp và đáng yêu nhất của đất nước hình chiếc ủng. Nước Ý là pizza, là spaghetti, gelato (kem), Vespa và amore (tình yêu). Đương nhiên rồi, bởi nước Ý được định nghĩa như thế. Nhưng người ta quên mất rằng, chính ở những ngóc ngách tưởng như không tồn tại ấy, có một Italia đầy quyến rũ như một nàng công chúa ngủ trong rừng, chỉ đợi hoàng tử đến đánh thức nàng dậy. Quyến rũ như góc nhỏ các quầy hàng đầy rượu vang, nấm đen, pho mát, thịt hun khói và những cái thớt gỗ ở xứ Umbria. Quyến rũ và lãng mạn như những đám cưới mà cả thành phố ùa ra chia vui với những đôi uyên ương, rượu chảy tràn trên phố và quần áo xúng xính trong nắng. Quyến rũ như những quán ăn nhìn xuống cả một vùng thung lũng rộng lớn lúc trời chiều. Quyến rũ như những bức tường, những con đường lát đá đỏ của những borgo đặc trưng thời Trung cổ như Citta della Pieve, nơi có một con phố được cho là "hẹp nhất nước Ý". Mang tên Via Bacciadonna, "phố Hôn phụ nữ", đấy là một ngõ hẹp chỉ đủ cho hai người vươn ra cửa sổ của hai nhà đối diện và hôn nhau. Quyến rũ như

những cái tên "Via dell'Amore" (Phố Tình yêu) hay "Via del Bacio" (Phố Nụ hôn) của Pienza, một viên ngọc nằm giữa xứ Toscana nổi tiếng là vùng đất đẹp nhất và ăn ngon nhất nước Ý. Và quyến rũ như một miếng thịt bò nướng tái fiorentina cạnh một ly rượu vang đỏ của vùng đất ấy trong một bữa tối không thể nào quên trên đất Umbria.

Bốn mùa borgo là bốn mùa yêu cuộc sống trên đất Italia. Mùa xuân, khi những mầm xanh đầu tiên vươn lên và cỏ ướt mướt mát trên những cánh đồng xa tít, borgo không còn là ốc đảo cũ kỹ và buồn tẻ giữa một thế giới đầy sức sống và đam mê. Tôi đã sững người khi có liên tưởng ấy trong một chuyến đi đến Toscana trong mùa xuân đầu tiên của tôi ở nước Ý. Tôi đã xem những bộ phim Hollywood quay ở vùng đất này về mùa xuân, đã nghe những bài hát Italia về mùa đâm chồi nảy lộc ấy, đã xem những bức ảnh mà các nhiếp ảnh gia chụp những buổi bình minh đẹp mê hồn ở các borgo bên bờ biển Liguria hay Sicilia. Nhưng khi chạy xe trên những con đường đất nông thôn Italia và rồi đột nhiên dừng lại vì không chịu nổi cảm giác tù túng của không gian chiếc ô tô, cánh cửa mở ra và tôi nhào ra không gian ướt đẫm hương vị cuộc sống mới ấy. Đất trời thơm mùi cỏ ngai ngái, mướt mát mùi sương đêm, gió xào xạc qua những tán thông. Có những nơi hoa violet mọc thành một thảm tím. Có những góc hoa cải nở vàng như một làn sóng chạy đến tít chân trời, và một borgo nào đó hiện ra trong sương.

Tỉnh dậy vào buổi sớm mai ở một borgo là một cảm giác thật lạ. Nếu đấy là mùa xuân, thì nó đã ở trước cửa, và khi ta mở cửa sổ, nó ùa vào phòng, mát lạnh trong một khoảnh khắc làm ta run rẩy. Vào mùa hạ, gió sẽ thổi tung rèm cửa và ánh nắng ùa vào phòng như mời gọi một chuyến đi mới giữa núi đồi. Một

borgo mới cách borgo ta đang ở chừng mươi mười lăm cây số nữa đang chờ đợi. Mùa thu, các borgo chuyển mình thành một thế giới vàng rực của màu lá. Gió đã lạnh dần và đêm buông xuống nhanh hơn, nhưng bầu trời như sâu hơn, xanh thẳm. Mùa đông, borgo giống như một bức tranh của những màu xám xịt và tẻ nhạt mà không ai muốn thấy. Tôi ghét mùa đông và vào mùa đông, tôi không đến các borgo. Tôi sợ nhìn thấy sự mệt mỏi của chính mình trên những mái nhà cũ kỹ và những tháp chuông nhà thờ cô đơn ấy.

Những năm tháng của tôi trên đất Ý, danh sách những borgo phải đến cứ dài ra mãi và tôi biết là không thể nào đi hết được, không bao giờ có thể cảm nhận được hết cuộc sống theo nhiều góc độ ở các nơi ấy, từ ẩm thực, văn hóa cho đến các lễ hội mùa hè và kỳ nghỉ Giáng sinh lẫn năm mới. Bản đồ vẫn tiếp tục được trải ra trên ca pô xe. Những cuốn sách giới thiệu các vùng đất được mua về và xếp đầy trên giá sách, để rồi có lúc tôi nhắm mắt chọn một cuốn trong đó, giở một trang bất kỳ và chọn ngay cái tên đầu tiên đọc được. Một cái tên, một hành trình mới, với những trải nghiệm mới giữa thiên nhiên, con người và một cuộc sống tươi đẹp với những tấm ảnh, món ăn mới đang chờ đợi. Tôi muốn sống như thế, và già đi theo năm tháng, trên những cung đường này, với các borgo khắp nẻo nước Ý vẫy gọi.

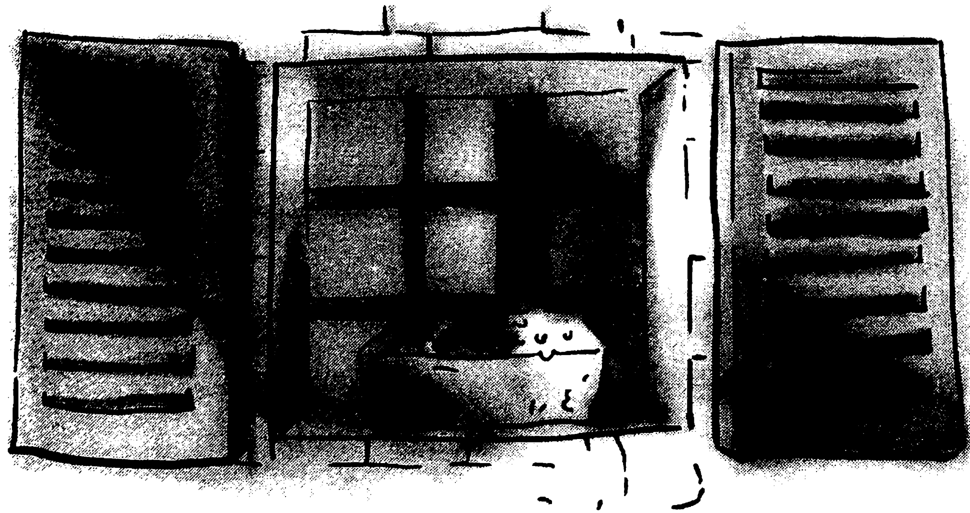
Sống, đi và yêu cuộc đời, còn gì hạnh phúc hơn nữa trên mảnh đất này?

Những khuôn cửa dấu yêu

Người Ý rất yêu cửa sổ, và thường chăm chút, trang trí chúng theo sở thích riêng. Những cửa sổ giống như những đôi mắt của các căn nhà nhìn ra cuộc sống.

Bao giờ tôi cũng tần ngần rất lâu trước những ô cửa đầy hoa suốt bốn mùa ấy trên đất Ý, dù ở bất cứ nơi đâu đặt chân đến, cho những chuyến đi miết mải trong hành trình dài gắn bó với mảnh đất hình chiếc ủng. Những ô cửa sổ ấy có một sức thu hút kỳ lạ, như đôi mắt của cô một gái có duyên nào đó hướng đến mình, và mình soi vào đó, thấy chính mình ở trong.

Có một ô cửa tôi nhớ mãi. Cửa sổ ấy nằm trên tầng hai của một căn nhà cổ kính trên Borgo Pio, một con phố đi bộ nhỏ chỉ cách Tòa thánh Vatican vài trăm mét. Nó hầu như rất ít khi đóng, kể cả khi chủ căn hộ không có nhà, và phủ quanh năm cạnh ô cửa



nhỏ hình chữ nhật luôn là một biển lá thường xuân. Mùa xuân và hè, lá xanh mơn mởn lấp kín bức tường rêu phong, chỉ chừa lại một chút không gian cho những biển thông báo có lẽ đã nằm ở nơi này vài thập kỷ, cạnh đó dựng một chiếc xe đạp của ai đó đã lâu không đi, hoen rỉ và rầu rĩ. Mùa thu, lá cây chuyển màu. Bức tường trở thành một bức tranh màu vàng úa dưới ánh nắng thu. Đầu đông, lá cây sang đỏ và héo dần. Dưới những cơn mưa và cái lạnh của Roma, trông như chúng đang chết. Chỉ còn cái cửa sổ và ngọn đèn lắp kế bên như một người tri kỷ qua năm tháng là vẫn thế, không đổi, im lặng.

Đấy là góc phố ưa thích của tôi. Tôi đã đi qua đó bao lần, thỉnh thoảng lại ngồi bên quán ăn đối diện và lặng ngắm bức tường dây leo mỗi khi mùa sang. Khuôn cửa nhỏ cũ kỹ, nhìn có vẻ mệt mỏi nhưng vững chãi đã ở đó biết bao năm tháng, phía bên dưới đường là một vòi nước đã tồn tại ở đó ít nhất năm thế kỷ. Biết bao nhiêu người Roma đã đi qua đây, bao nhiêu Giáo hoàng, Hồng y và những thế hệ người khác đã đặt chân lên nơi đây, dừng chân, khum tay hứng nước và uống ở cái vòi chảy suốt ngày đêm, cho thứ nước mát lạnh mà người bạn già của tôi - chính là người chủ của căn hộ có chiếc cửa sổ chằng chịt dây thường xuân ấy - khẳng định rằng đấy là "nước thánh". Tiếng nước róc rách chảy từ đó càng làm cho khung cảnh trở nên lắng đọng và êm ả theo bốn mùa, trên một con phố cấm ô tô và từ lâu đã nổi tiếng là một trong những nơi đẹp nhất thủ đô Italia, vốn chạy thẳng đến một bên hàng cột trứ danh mà Gian Lorenzo Bernini(*) đã thiết kế,

---

*. Gian Lorenzo Bernini (1598-1680) là nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhà quy hoạch đô thị lỗi lạc của Italia thế kỷ mười bảy. Ông được cho là một trong những nhân vật xuất chúng và có ảnh hưởng lớn nhất đối với nghệ thuật Baroque.

ôm lấy quảng trường San Pietro mênh mông.

Căn hộ ấy buổi tối luôn sáng đèn. Cánh cửa mở hé và từ đó luôn phảng phất mùi pasta cho bữa tối, tiếng dao dĩa lách cách dọn bàn, tiếng ai đó húng hắng ho, tiếng dép lệt sệt trên sàn, rồi một người lướt nhanh qua, bóng in trên trần nhà. Cửa sổ chỉ đóng những hôm quá lạnh, hoặc trời đổ mưa. Rồi có lần chính tôi cũng ở trong căn phòng nhỏ ấy vào một ngày giữa thu, nhoài người ra khung cửa sổ, giữa bốn bề thường xuân vây phủ, ngắm cuộc sống đang lặng lờ trôi phía dưới. Những bà xơ đi qua, bóng màu áo xám của dòng tu in lên nền gạch. Những khách du lịch rảo bước và chụp ảnh. Một đôi uyên ương hôn nhau ở góc phố. Ông bồi bàn già quen thuộc mà tôi yêu mến của quán Al Passetto gần đó đang đứng tựa cửa và hát một điều gì đó. Ở một ngõ nhỏ đỗ đầy xe hơi và xe gắn máy cắt gần đó, đèn đường đã sáng. Bức tranh Đức Mẹ Maria đã cũ lắm cũng được thắp sáng bởi một ngọn đèn nhỏ. Chúa, Đức Mẹ, những mảnh đời khác nhau của bao người cùng tồn tại trong một thành phố hỗn độn mới và cổ kính, không tráng lệ mà trầm thầm, lãng mạn, chầm chậm trôi cùng với thời gian.

Trong cái thế giới bảng lảng ấy, những cửa sổ giống như những đôi mắt của các căn nhà nhìn ra cuộc sống. Mà những cửa sổ như thế ở Roma nói riêng và trên đất Ý nhiều lắm, không sao kể hết, mỗi chiếc có một nét đẹp riêng, mỗi khu phố với những bức tường màu vàng loang lổ đậm nhạt với những tập thể cửa sổ lại tạo ra một ấn tượng thị giác khác, mỗi thành phố nhỏ với những ngôi nhà bằng đá lại có những cửa sổ đặc biệt hơn.

Tôi yêu bức tường có khuôn cửa xanh ở Borgo Pio luôn sáng đèn. Yêu khuôn cửa trên tầng ba của một căn nhà cao hơn

thế ở gần Pantheon, với một bức tường cũng chăng đầy thường xuân và màu luôn đổi sau mỗi mùa, khiến những ai đã đi qua đây lúc nào cũng choáng ngợp về màu sắc của lá mảng tường lớn ấy. Yêu khu Trastevere, với những căn nhà liêu xiêu, tường vàng vọt, lở loét, đầy tranh vẽ, hè vương vãi những lá, những tờ rơi quảng cáo, những chiếc xe đạp hay Vespa nhợt nhạt vì thời gian dựa bên tường, nhưng lúc nào cũng ngự trị ở đó một cửa sổ ngạo nghễ với thời gian. Có cửa sổ đầy bụi bẩn, chẳng bao giờ mở ra. Có cái được gia cố bởi chấn song và lưới mắt cáo, nhưng người ta không quên lắp thêm vào đó một ăng ten ti vi. Có những cửa sổ đã trở thành nơi hẹn hò của chim bồ câu. Lại có những khuôn cửa lớn lắp kính trong suốt, để người đi đường ngắm. Bên trong đó là một tiệm kem, một bếp của nhà hàng, thậm chí chỉ là một tiệm giặt ủi. Có cả những cửa kính đã vỡ từ nhiều năm nay, nhưng chủ quán cũng chẳng có ý định thay, như quán La Rennella nổi tiếng ở khu Trastevere. Bên trong tấm kính vỡ nhằng nhịt ấy là một cái bếp chật hẹp, vương vãi bột mì, pho mát, cà chua thái, bếp lò, ánh đèn vàng yếu ớt từ trên trần hắt xuống và những người thợ làm bánh lúi húi ở đó. Thứ pizza ngon nổi tiếng của quán được sinh ra từ đấy.

Cửa sổ chính là tâm hồn của căn nhà mang nó, và thể hiện cả cá tính cũng như tâm hồn của người chủ. Tôi tin là thế, và đôi khi nhìn vào những cửa sổ theo nhiều cách trang trí và kích cỡ ấy, tôi thấy chính mình ở trong đó, không chỉ in bóng lên cửa kính, mà bỗng nhiên cảm thấy mình đã trở thành một người gần gũi với chúng và với chính chủ nhà. Chỉ cần nhìn khuôn cửa của những người không quen biết ấy, ta cũng có thể đoán được phần nào đấy họ là ai và tự nhiên thấy họ thật gần gũi với mình. Những cửa sổ đầy hoa là của những người yêu

thiên nhiên và muốn đem vẻ đẹp của nó đến cho căn nhà của mình, từ đó biến nơi mà họ sống thành một điểm đáng yêu ở khu phố. Những cửa sổ có hoa luôn đẹp lắm, dù được trang trí bởi một giàn hoa sặc sỡ hay chỉ chậu hoa đỏ mong manh. Những khuôn cửa treo các lá cờ của đội bóng lại là một tuyên ngôn về tình yêu bóng đá, là sự tự hào về đội bóng mà họ yêu mến. Đôi khi, đấy còn là một sự thách thức, một cách để tạo ra sự nổi bật hoặc phân biệt mình trong số đông, như một anh hàng xóm của tôi lúc nào cũng treo một lá cờ Lazio trên cửa sổ, đơn giản vì khu phố này toàn là cổ động viên của đội Roma đối địch. Ở vùng rượu Chianti Classico của xứ Toscana, cửa sổ đôi khi không được trang trí bằng hoa, mà bằng những chai rượu hoặc nút chai vang.

Có những khuôn cửa sổ và ban công không có hoa, mà chỉ có dây phơi. Những bà già vẫn thỉnh thoảng nhoài người phơi quần áo trên đó. hoặc đôi khi, họ im lặng tựa cửa ngắm đời trôi dưới đường. Dưới nắng, chăn và quần áo phấp phới bay. Những cảnh ấy rất hay gặp ở miền Nam nước Ý, từ Napoli cho đến Palermo. Những nơi ấy vẫn đẹp mê hồn. Những bài hát vẫn da diết và lãng mạn. Biển và trời xanh ngắt một màu. Nhưng có lẽ thực tế cuộc sống quá khắc nghiệt ở nơi này không làm cho người ta hứng khởi và yêu đời như ở những vùng khác. Xa Napoli một chút, dọc con đường Amalfi huyền thoại, hoa luôn nở đỏ hoặc tím trên những bức tường, những khuôn cửa, ban công, chìa ra cả phía biển. Ở đấy, vào một đêm tháng Sáu mát rượi trên vịnh Salerno, tôi đã hiểu được tại sao ở đây cửa sổ lại phải to đến thế, và cái ri đô phần phật bay mỗi khi có cơn gió từ biển ùa vào phòng khách sạn giống như một lời mời gọi. Những cửa sổ đầy hoa mở ra phía biển để đón gió, đón nắng và

gửi lại cho thế giới bên ngoài lòng yêu cuộc sống thiết tha từ những đôi mắt nhìn ra từ khuôn cửa ấy. Tôi yêu những khuôn cửa như thế, yêu những căn nhà nhìn ra biển Địa Trung Hải, yêu cả những căn nhà dưới những hàng thông thẳng đứng chạy ngoằn ngoèo trên những ngọn đồi của xứ Toscana, cho một giấc mơ lớn lao, là một ngày nào đó, mua được một mảnh đất đồi xứ này, trồng nho, làm rượu và chăm chút cho căn nhà của mình từ những chi tiết nhỏ nhất, bắt đầu từ những chậu hoa trên cửa sổ.

Bạn không thể yêu nước Ý nếu bạn không mở lòng với nó, và để cửa sổ tâm hồn mình đón nhận những gì nhẹ nhàng, giản dị và đáng yêu nhất của nước Ý. Bạn cũng sẽ không thể hiểu được những căn nhà Italia nếu bạn không muốn ngắm nhìn những khuôn cửa. Có những ngôi nhà không có cửa sổ, có những ngôi nhà có hơn một cửa sổ. Có những cửa sổ cũ kỹ và đổ nát. Có những cửa sổ đầy hoa và nhìn như một bảng màu sặc sỡ. Đấy là tâm hồn của những ngôi nhà ta đã gặp trên những hành trình dọc ngang nước Ý. Ai biết được, sau những cửa sổ ấy, có ai đang nhìn ta và có những tâm hồn đồng điệu và tri kỷ ta đã kiếm tìm trong cả cuộc đời...

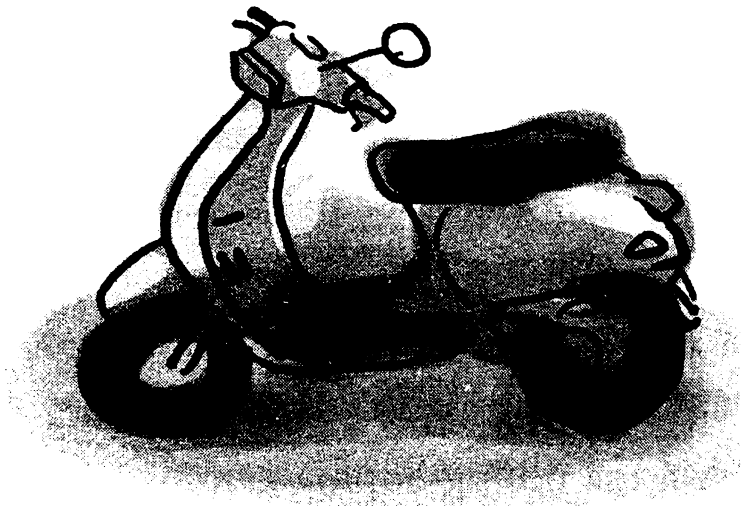
Vespa, cho đàn ông say tình

Chiếc xe mang những đường cong quá ư gợi cảm, yếm xe như khuôn ngực rắn chắc và khỏe khoắn đủ sức sưởi ấm cho những người đàn ông say tình...

Trong cuốn *Nước Ý, câu chuyện tình của tôi*, Vespa và tiếng nổ bành bạch của nó đã được nhắc tới. Đấy là một biểu tượng văn hóa của nước Ý, là niềm yêu thương và tự hào của người Ý. Nhưng rồi sống ở đây lâu hơn, tôi còn phát hiện ra một góc cạnh thú vị khác trong cái cách mà người Ý, không, chính xác là đàn ông Ý, yêu Vespa.

Cụ thể là gì?

Nếu Vespa thực sự là "Vespe" (con ong), như tên gốc của những chiếc xe ta đã yêu mến trong nửa thế kỷ qua và muốn cưỡi lên nó như đang ân ái với một người tình, thì bài viết này chẳng có ý nghĩa gì nữa. Những "con ong" chỉ thực sự trở nên sexy nếu nó



mang những cái tên khác, chẳng hạn Sophia, Gina, Claudia, hay Monica.

Nếu là đàn ông và đi xe Vespa, bạn nên đồng ý với tôi ở một điểm: cánh đàn ông luôn thích tưởng tượng, và đôi khi không thể sử dụng thuốc gây ảo giác để tăng thêm khả năng xa rời thực tế cuộc sống nhằm vơ vẩn ở một nơi nào đó thật xa, thì họ có thể biến những chiếc Vespa mà họ đi trở thành những người tình. Mấy ông bạn già của tôi ở Roma có thói quen rất thi vị ấy, và họ chỉ muốn căn bệnh "tình Vespa" của họ trở thành một quan niệm sống rất lãng mạn khi người ta đã bắt đầu bước vào cái tuổi "chỉ được ngó". Alberto gọi chiếc Vespa đời 1976 của mình là "Sophia", Roberto trìu mến gọi chiếc PX150 cũ rích của mình là "Gina", còn anh chàng sửa xe đầu ngõ gần nơi tôi đã sống, một người nghiện cả FIAT 500 lẫn tất cả các dòng xe Vespa trước năm 1970 thì gọi chiếc Vespa từ lâu lắm không đi, dựng ở xó cái xưởng chật chội, bữa bãi và bẩn thỉu của mình là "Claudia". Một anh phóng viên báo mạng béo ú mà tôi quen có tên Marco, một "Laziale" (cổ động viên trung thành của đội Lazio, đội bóng số hai của thủ đô nước Ý) lại thích cái kiểu ngồi trên chiếc Vespa cổ có lẽ phải hơn bốn mươi năm tuổi có lẻ của mình. Marco bảo chiếc xe này có tên "Monica", vì nó được xuất xưởng năm 1964, năm ra đời của cô đào điện ảnh Monica Bellucci, người đẹp đã khiến hàng triệu đàn ông trên thế giới phát điên lên vì yêu nàng. À, ra thế! Marco hay vuốt ve phần đuôi của chiếc xe vào bảo đấy là "mặt B" (tiếng lóng dành cho từ "mông") của Monica. Trời ơi, những người bạn Ý của tôi hóa ra ngoại tình với những chiếc Vespa...

Những người đàn ông trung niên ấy đã sống qua cái thời mà những Sophia Loren, Gina Lolobrigida hay Claudia

Cardinale bừng sáng trên màn ảnh ở vẻ đẹp sexy đúng kiểu Ý của họ theo tiêu chuẩn của những năm 1960: ngực và mông đều nở, hông hẹp, dáng đi không quý phái mà mạnh mẽ, giọng nói không ngọt ngào như búp bê Barbie hay thánh thót như nàng Bạch Tuyết trong phim hoạt hình của hãng Disney, nhưng lại toát lên cái vẻ khêu gợi đậm chất phụ nữ thị dân xứ Địa Trung Hải. Các ông bạn tôi, vì không thể lên giường hoặc đơn giản hơn là ôm ấp những người phụ nữ đẹp mê hồn ấy, cuối cùng cũng có thể tìm được khoái cảm bằng việc yêu những chiếc xe mang tên những người tình trong mộng. Không hiểu là họ khổ hay họ sướng đây?

Những ai đã xem *Ieri, oggi, domani* (Hôm qua, hôm nay và ngày mai), bộ phim tuyệt vời điện ảnh Ý, đều có thể tin rằng, sẽ là vô cùng bất công nếu người ta không bầu Sophia Loren thành vị thánh nữ của điện ảnh Ý. Những khung cảnh đẹp đẽ dù hơi nhếch nhác của Napoli những năm 1960 (và đến giờ vẫn thế), cái dáng cao đẹp và đầy mạnh mẽ, thậm chí đanh đá và quyết đoán đúng kiểu phụ nữ truyền thống vùng Campania miền Nam nước Ý, những đoạn thoại rất đắt giữa Adelina và Carmine (do Sophia Loren và Marcello Mastroiani đóng) sẽ không bao giờ rơi vào quên lãng. Có một trường đoạn sẽ mãi mãi đi vào lịch sử điện ảnh Italia mà đạo diễn Roberto Rossellini đã tạo nên cho phim: Sophia, trong bộ váy giản dị và đầu trần, tóc xõa vai, ngực ưỡn lên và đôi môi như đùa trước gió, phóng một chiếc Vespa đi qua những con phố nhỏ của Napoli. Nửa thế kỷ sau cảnh ấy, trong một chuyến đi đến Napoli, qua những con hẻm mà thời gian và những cuộc đời con người không làm thay đổi được không khí sống và yêu như ngày đó, tôi không khỏi bồi hồi và nhớ lại nước Ý của một

thời bùng nổ công nghiệp và điện ảnh lên hương với những bộ phim sẽ mãi mãi trở thành tượng đài.

Chẳng có gì ngạc nhiên khi những người bạn tôi đã yêu những Sophia, Gina và Claudia của thời đó, vì họ lớn lên cùng với những người phụ nữ theo kiểu vừa sexy vừa mạnh mẽ đầy nữ tính của những năm 1960, và giờ hoài niệm không ít khi chứng kiến những chiếc Vespa đời mới được thiết kế theo kiểu khác. Chúng mảnh mai hơn một chút, khi những đường cong ở lớp ốp máy phía sau trở nên cứng cáp hơn, yếm xe không đơn giản là thể hiện một bộ ngực rắn chắc và khỏe khoắn đủ sức sưởi ấm cho những người đàn ông say tình. Vespa của những năm hiện đại đôi khi gợi cảm giác giống những cô người mẫu mình dây đói ăn mà Twiggy đã mở ra cả một trào lưu rộng khắp thế giới những năm sau này. Marco và Roberto có vẻ tiếc vì điều ấy. Họ vẫn thèm khát những người phụ nữ theo kiểu Sophia hay Claudia, những người phụ nữ lý tưởng của cánh mày râu cổ điển, khi những cô nàng ấy vừa là mẹ, là vợ, là người tình. Sự bất công của thời trang dẫn đến những thay đổi trong kiểu thiết kế xe. Xe bây giờ cần phải nhẹ hơn, gọn hơn vì không gian đỗ xe ngày càng hẹp, nhưng sự gợi cảm trong những đường cong không thể nào mất đi.

Thế nhưng, ở Ý, người ta vẫn hoài niệm với những kiểu Vespa mẹ-vợ-người tình xưa cũ. Có lẽ vì nước Ý bây giờ khủng hoảng trầm trọng, nên những ký ức về thời xa vắng ấy lại ùa về mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Ở khu Trastevere là những chiếc PX 150 đời 1976 màu xanh cũ kỹ vẫn được dựng bên cạnh những bức tường đầy tranh vẽ bậy, trên những con đường hẻm khấp khểnh. Trên một con đường nhỏ và ngoằn ngoèo toàn chữ S ở bờ biển Amalfi, vẫn những chiếc PX dựng sát

nhau thành hàng. Nhiều người bạn Ý của tôi vẫn thích những chiếc PX ấy, kể cả khi nó ậm ọe vì đủ mọi lý do chỉ có nó mới hiểu. Nhưng Roberto, người đã đổ vào chiếc xe của anh cả núi tiền, bảo: "Thật khó có thể chiều được nàng mỗi khi nàng 'dỗi'. Nhưng để chiều nàng bằng cách đẩy nàng đi dăm cây số đến chỗ sửa chẳng vấn đề gì". Có lẽ sự vất vả của việc chăm chút chiếc xe ấy tạo ra một chút khoái cảm cho những người đặc biệt, như kiểu khổ dâm? Cũng có thể. Nhưng dù thế nào đi chăng nữa, thì những người yêu Vespa vẫn sẽ không từ bỏ chiếc xe của mình vì bất cứ lý do nào. Vespa trở thành một thứ tôn giáo thực sự kể từ khi nó ra đời năm 1946, đúng vào năm mà nước Ý trở thành nước Cộng hòa. Niềm đam mê đã thành tôn giáo ấy chắc chắn là mới nhất trong số những tôn giáo đã tồn tạo trên mảnh đất này: tôn giáo Thiên Chúa, tôn giáo ẩm thực và tôn giáo bóng đá.

Những đường cong của Vespa và tiếng nổ của nó đủ sức gợi nên những rung động tràn trề trong những ai đã coi nó như một người tình, người vợ, người mẹ, hệt như đã từng yêu những Sophia, Gina, Claudia hay Monica.

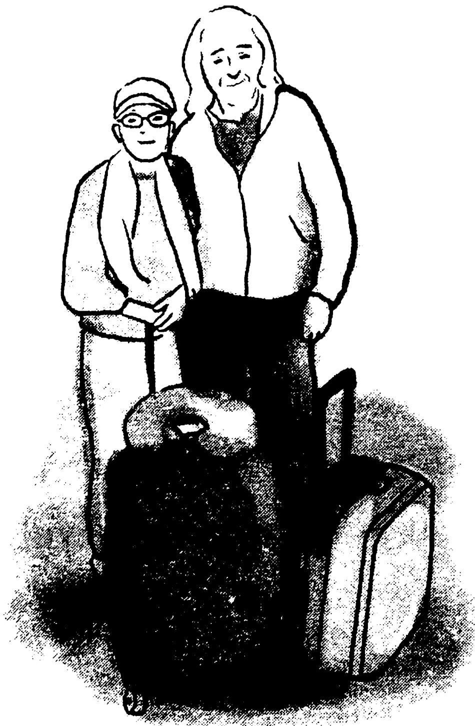
Phần hai

Yêu, như người Italia yêu

Marcel đã yêu như thế

Một cô gái rất trẻ người Việt đã đem lòng yêu ông qua câu chuyện về sự chờ đợi người tình nhiều năm đằng đẵng mà tôi đã kể trong những trang sách của mình. Còn Marcel, khi ấy bảy mươi tuổi, đã làm như trái tim mách bảo. Ông lao vào mối tình ấy với sự đam mê và cuồng nhiệt của tuổi trẻ...

Đấy là một câu chuyện tình kỳ lạ mà những người chứng kiến từ đầu như tôi cũng không khỏi ngạc nhiên. Ngạc nhiên, vì cuộc sống bản thân nó đã quá phức tạp, và những điều kỳ diệu, nhất là trong tình yêu, bây giờ không còn xảy ra nhiều nữa. Nhưng sau đó là một cảm xúc khác tràn ngập: câu chuyện hiếm có ấy trên thực tế đã xảy ra, đẹp như phim ảnh, và khiến những người trong cuộc lẫn những ai ngoài cuộc, nhưng biết đến sự tồn tại của nó, đều cảm thấy xúc động. Chàng là người bước ra từ một cuốn sách.



Nàng là người đọc nó. Họ cách nhau rất nhiều tuổi, mười bốn tiếng bay, năm múi giờ và kết nối với nhau bằng hàng triệu dòng tin nhắn qua Facebook. Chàng là người Ý. Nàng là người Việt. Và tôi, tác giả của cuốn sách ấy, cảm thấy hạnh phúc cho họ, và cho chính mình, vì đã làm được một điều gì đó thực sự có ý nghĩa cho cuộc đời này.

Bây giờ, sân khấu của ông không còn là một thùng gỗ nhỏ phủ vải, với hai chiếc đèn nhỏ gắn hai bên làm ánh sáng cho những buổi biểu diễn rối tay khiến ông trở thành một biểu tượng của Navona. Cái thùng gỗ và ánh đèn sân khấu, với những con rối vải có hình Michael Jackson hay hề Charlot(*) đã cùng đôi tay ông đi qua hàng bao nhiêu đêm trong những buổi biểu diễn tối ở quảng trường lớn nhất Roma nay đã yên vị ở một góc trong căn hộ nhỏ bé của ông tại trung tâm Roma, bên cạnh một quảng trường nhỏ rợp bóng cây. Ông chỉ còn là mảnh hoài niệm của bao người đã qua Navona và gọi ông là "Lord of the fingers" (Chúa tể của những ngón tay, và đó cũng là tên của cuốn tự truyện mà ông đã viết về cuộc đời mình).

Khép lại tất cả những câu chuyện của quá khứ hơn mười năm theo đuổi một mối tình tuyệt vọng bằng cách biểu diễn rối tay ở đó là một điều không đơn giản, bởi cái tên Marcel đã trở thành một huyền thoại sống của Navona, đã gắn bó với quảng trường ấy trong biết bao năm và thậm chí đã đi vào những cuốn sách du lịch viết về Roma. Nhưng tất cả vẫn phải kết thúc, bởi ông muốn vậy, bởi ông không thể chờ đợi ai đó mãi mãi không trở lại, bởi ông muốn bắt đầu một điều gì đó mới mẻ ở tuổi

---

*. Nhân vật huyền thoại của diễn viên người Anh Charlie Chaplin (1889-1973) trong hàng loạt bộ phim trước và sau Thế chiến II.

bảy mươi, dù lúc đó, bản thân ông cũng không biết cuộc đời mình sẽ đi theo hướng nào. Sân khấu của đời ông không phải Navona nữa. Đấy chỉ còn là nơi đưa ông từ đời thực vào cuốn sách của tôi, *Nước Ý, câu chuyện tình của tôi*, và từ cuốn sách ấy, nhờ Facebook, ông bước vào cuộc đời của một cô gái Việt mà ban đầu, ông cũng không hình dung được tình cảm mà cô dành cho ông nhiều đến thế, không biết liệu ông cũng có thể đáp lại tình cảm ấy, bất chấp thời gian, tuổi tác, cách biệt về ngôn ngữ và không gian sống hay không.

Khi tôi bắt đầu theo dõi những buổi biểu diễn tối của ông ở Navona cách đây nhiều năm, Marcel đã là tâm điểm của một góc quảng trường, phía đài phun nước Moro. Nhưng thoạt nhìn, ông không đặc biệt hơn những nghệ sĩ đường phố khác. Những người biểu diễn ảo thuật luôn muốn làm mọi cách để thu hút công chúng ở Navona. Họ nhảy, họ múa, họ pha trò với khán giả, họ làm đủ mọi điệu bộ để lũ trẻ du khách tươi cười với họ, và để rồi sau mỗi màn biểu diễn chừng hai mươi phút, người ta bỏ vào chiếc mũ họ giơ ra một ít xu lẻ. Những người hát rong hoặc biểu diễn nhạc cụ lại thường đặt một chiếc loa trước các quán đông khách và trình diễn giờ này qua giờ khác. Những người bán tranh ở góc bên kia của quảng trường thì im lìm hơn. Họ ngắm những du khách đi qua. Họ chờ đợi những người đến trả giá. Nhìn từ xa, Navona giống như một cái chợ văn hóa ầm ĩ và đầy màu sắc. Nhưng Marcel khác họ và cái khác ấy, phải nhìn lâu mới nhận ra.

Tóc ông bạc trắng, dài tận vai, bộ râu cũng đã bạc được tỉa ngay ngắn trên một khuôn mặt ít cười, và ánh mắt thì lúc nào cũng buồn như vô tận. Những buổi biểu diễn múa rối tay trên cái bàn gỗ cũng rất ngắn, chỉ chừng bảy phút. Ở Navona, chỗ

đài phun nước Moro, có một quy luật bất thành văn cho các nghệ sĩ đường phố: khi nhóm kịch câm hoặc ảo thuật biểu diễn xong, sẽ đến lượt Marcel biểu diễn để không tranh giành khách của nhau. Những buổi diễn của các nghệ sĩ kia luôn đông hơn, ầm ĩ hơn. Những buổi sau đấy của Marcel vắng hơn. Chỉ có một đám đông, chủ yếu là lũ trẻ con, đứng ngắm đôi tay ông xỏ vào lưng hai con rối và đưa đi đưa lại trên sân khấu nhỏ mà ông tạo ra, trong tiếng nhạc phát ra từ một cái máy cũ kỹ. Những buổi diễn kết thúc trong sự tò mò của lũ trẻ, khi chúng không hiểu bằng cách nào những ngón tay kia có thể nhảy được trên mặt gỗ. Những khán giả lớn tuổi hơn thì cố gắng tìm hiểu thông điệp gửi lại sau màn trình diễn kia. Còn tôi thì luôn có một câu hỏi thường trực: Tại sao ông không vui khi lũ trẻ đến gặp ông, chụp ảnh với ông, trong khi những người khác thì chia vui với ông?

Trong cuốn sách xuất bản năm 2012 với tựa đề *Nước Ý, câu chuyện tình của tôi*, tôi đã hiểu được điều gì đằng sau đôi mắt buồn ấy. Đó là một sự chờ đợi trong vô vọng, trong những đêm hè nóng nực cũng như đêm đông giá lạnh, với những buổi biểu diễn cứ lặp đi lặp lại mãi không có một điểm dừng. Người nghệ sĩ quyết định biểu diễn rối tay ở Navona sau khi chia tay với một người tình. Như trong phim lãng mạn kiểu Ý, dưới ánh trăng qua đài phun nước ở Navona, ông nói với cô là sẽ biểu diễn ở đây, nơi họ gặp nhau lần đầu, để chờ đợi cô, cho đến khi nào ông biết chắc cô sẽ không quay trở lại. Ông đã chờ đợi, chờ mãi, đã từng bùng lên những hy vọng khi bạn bè của ông nói cô có lần xuất hiện một cách kín đáo để quan sát một buổi biểu diễn của ông. Ông bảo, "Tôi đã chờ cô gái ấy tất cả các đêm. Kể cả những đêm rất lạnh. Bạn bè nói lại rằng cô ấy đã đến Navona

ba bốn lần gì đó. Có thể thế. Bản thân tôi không hề biết. Tôi không thấy cô ấy. Mọi người bảo rằng, cô ấy đã đến, đứng nhìn tôi từ đằng xa và xem tôi diễn. Sau đó cô bỏ đi, không nói một lời".

Tôi không biết mặt cô gái ấy, nàng thơ của ông. Ông cũng không đưa ra một tấm ảnh nào đó để khẳng định về sự tồn tại của một mối tình. Ông chỉ đưa cho tôi một đĩa CD, trong đó có bài hát về cô do các bạn ông, những nghệ sĩ khác trình bày với lời thơ của ông viết cách đây nhiều năm. Ông gọi cô là "Pettinino" (chiếc lược nhỏ), bởi cô luôn cài chiếc lược đó sau mái tóc. Bài hát buồn như chính đôi mắt ông, có đoạn:

Anh đi giữa bao người
Anh nghĩ đã nhìn thấy em
Em biến mất và xuất hiện ở đó
Xuất hiện và biến mất
Ánh trăng chầm chậm soi quảng trường Navona
Một cuộc đời trôi giữa những ngón tay anh.

Cả thế giới biết được Marcel chờ người yêu trên quảng trường, trong những buổi diễn. Những bài báo viết về ông và mối tình trên những ngón tay xuất hiện bằng nhiều thứ tiếng. Những phóng sự của nhiều kênh truyền hình trên thế giới nói về ông. Biết bao du khách đến Navona là để xem các buổi diễn của ông. Nhiều người còn muốn tìm kiếm nàng cho ông.

Nhưng cuối cùng, ông đã dừng lại và chấm dứt tất cả. Người nghệ sĩ đã trở nên bất tử với những màn rối tay gắn liền với một câu chuyện tình lãng mạn nhưng vô vọng tại sao lại kết thúc ở đấy? Phải chăng, trong một thời đại mà sự thực dụng lên

ngôi và chủ nghĩa tiêu dùng lấn át những khía cạnh của sự lãng mạn, người ta không còn tin vào những câu chuyện tình yêu như thế này nữa? Những dòng tỏ tình vẫn in đầy trên những con đường, những bức tường rêu phong của thủ đô nước Ý và nhiều nơi khác. Những chiếc khóa mới lại được mang lên cầu Milvio và khóa vào bất cứ chỗ nào có thể được, thay thế cho hàng vạn chiếc khóa mà bao đôi tình nhân đến từ nhiều nơi trên thế giới đã từng làm trĩu nặng những cột đèn trên thành cầu, nay đang gỉ sét trong một nhà kho gần đấy. Những trái tim màu đỏ vẫn được cắt ra và dán lên tường cùng bao mẩu giấy ghi tên các đôi uyên ương ở nhà nàng Juliet tại Verona. Những mối tình vẫn diễn ra, và nước Ý vẫn là nơi mà bao người yêu nhau mơ ước được đến đây, ném xu xuống đài phun nước Trevi để hẹn ngày tái ngộ, thề ước trước ban công của nhà nàng Juliet và làm một đám cưới giữa những đền đài thành quách La Mã đã sụp đổ ở gần đấu trường Colosseo. Tại sao Marcel từ bỏ tất cả, phải chăng ông không còn yêu?

Marcel thôi múa rối tay vào năm 2012, trong sự tiếc nuối của không ít người. Báo chí nói về sự ra đi của một huyền thoại. Bạn bè ông lập thỉnh cầu chính quyền thành phố về việc phải "bảo tồn" một biểu tượng. Ông không thay đổi ý định. Một chặng đời đã đóng lại. Một cuộc chờ đợi đã chấm dứt. Ông hiểu rằng cuộc chờ đợi ấy là không có hy vọng. Phải chấm dứt điều ấy để hướng về phía trước và sống. Người ta không thể chờ đợi một điều gì đó không đến. Ông nhận ra điều ấy khi đã bước sang tuổi sáu mươi lăm... Nhưng Marcel không chia tay Navona. Ông vẫn ở đó, bên góc đài phun nước Moro, bán những bức tranh do chính tay ông vẽ. Người nghệ sĩ rối tay đã hóa thân vào người họa sĩ đường phố. Những bức tranh giản

dị theo kiểu ký họa dường như là sự tiếp nối của những gì các màn rối tay đã để lại. Navona và Roma hiện lên trên những nét vẽ bút kim của người nghệ sĩ. Tình yêu cuộc sống và lứa đôi bừng nở nhưng buồn man mác trong những bức tranh nhỏ. Trong những bức tranh ấy, Charlot đang nắm tay một đứa trẻ như trong phim *The Kid*, một người tình hôn cô gái của anh trên đường phố, một người đàn ông chở người mình yêu trên một chiếc Vespa, như trong phim *Kỳ nghỉ ở Roma*.

Khi tôi trở lại Roma gặp ông sau mấy năm, ông có vẻ già đi nhiều. Điều duy nhất không đổi là nét buồn trong ánh mắt. Cuốn sách của tôi được đặt ngay ngắn trong một cái thùng gỗ để dưới chân giá bày những bức tranh. Ông bảo, những người Việt biết đến ông qua cuốn sách. Một cô gái Việt đã tặng ông để làm kỷ niệm khi cô ghé qua Roma. Thậm chí có một người khác đến gặp ông và trêu, "Có phải em là người mà anh đang đợi?". Cuộc sống cứ thế trôi, cho đến một ngày ông điện thoại cho tôi với giọng khẩn thiết đề nghị gặp. Ông nói ông đang rơi vào một tình huống vô cùng khó nghĩ, một câu chuyện khiến ông bối rối. Một cô gái rất trẻ người Việt đã đem lòng yêu ông qua câu chuyện về sự chờ đợi người tình nhiều năm đằng đẵng mà tôi đã kể trong những trang sách của mình. Những trang sách đã đưa ông đến với cô, và Facebook kéo cô đến với ông, khi hình ảnh của người nghệ sĩ hiện lên chỉ sau một cú nhấp chuột.

Ông cần một lời khuyên. Nhưng liệu tôi có thể giúp được gì cho ông một khi đấy là chuyện đời ông, và tình yêu, nếu có, giữa hai con người cách nhau quá nhiều tuổi tác, cả vạn cây số và những khác biệt về văn hóa và ngôn ngữ, có thể tồn tại như thế nào? Tôi chỉ là tác giả của một cuốn sách, trong đó nói về ông như một nhân vật chính, không phải là một nhà

tư vấn. Tôi chỉ có thể nói, ông hãy nghe theo trái tim mình. Và Marcel đã làm như trái tim mách bảo, khi ông tin vào định mệnh cho một mối tình đặc biệt. Ông đã luôn mơ đến một người tình mặc áo hồng. Khi viết cho ông những dòng tình cảm đầu tiên, trên Facebook của mình, cô mặc áo hồng. Tên cô là Trúc, người được sinh ra có lẽ là để yêu ông.

Ba năm của tôi ở Ý là ba năm chứng kiến cuộc tình của ông với cô. Ông lao vào mối tình ấy với sự đam mê và cuồng nhiệt của tuổi trẻ. Ông bay sang Việt Nam đi thăm cô và gia đình. Sự hồi hộp và lo lắng đến mức căng thẳng trước chuyến đi biến mất, thay vào đó là một sự mãn nguyện và nụ cười bừng nở trên đôi mắt không còn buồn man mác như trước nữa. Ông đi với cô ở nhiều nơi, từ Nha Trang, Cam Ranh cho đến Đà Lạt. Ông biểu diễn rối tay cho gia đình cô xem. Ông và cô chụp ảnh ở những nơi họ đã đi qua trên một đất nước trước kia ông cảm thấy xa lạ nhưng bây giờ vô cùng gần gũi. Ông nhận được những lời chúc mừng trên Facebook của bao người, trong đó có rất nhiều người Việt. Ông thúc đẩy việc ly dị với người vợ mà ông đã ly thân bao năm nay để hướng đến một cuộc hôn nhân mới với cô, vào thời điểm mà người nghệ sĩ không còn trẻ nữa. Ông dọn dẹp căn phòng nhỏ cách Navona mấy trăm mét của mình để chờ đón cô sang và treo một lá cờ Việt Nam ở ban công. Ông học những câu chào đơn giản của người Việt. Ông hồi hộp đón nhận tình yêu mới, và có lẽ là cuối cùng của đời mình, như thế. Sự hồi hộp lại biến thành lo lắng khi cô không xin được visa để sang với ông khi mối tình của họ vừa chớm nở. Ông đau khổ, buồn bực vì sự xa cách, nhưng chưa bao giờ ngã lòng. Ông gầy sọp đi, mắt thâm quầng. Ông thậm chí đã khóc khi một lần nói chuyện với tôi.

Đấy là những tháng ngày rất buồn bã với ông. Họ vẫn chat với nhau hằng ngày qua Facebook. Mạng xã hội trở thành sợi dây gắn kết giữa hai trái tim ở hai đầu thế giới. Họ vẫn tìm mọi cách để đến được với nhau bằng xương bằng thịt. Ông vẫn vẽ và bán tranh. Ông ký những hợp đồng bán bản quyền tranh cho các công ty văn phòng phẩm. Ông tích cóp tiền để mua vé sang Việt Nam với cô. Ông sang Việt Nam lần nữa, đến Cam Ranh với cô, biểu diễn múa rối tay cho trẻ em thành phố Hồ Chí Minh, và rồi cuối cùng, sau nhiều trắc trở, đã làm xong giấy kết hôn với cô ở quê hương thứ hai của ông, Việt Nam, như ông vẫn nói. Và rồi, tháng Năm năm 2016, cô bay sang Roma, bắt đầu cuộc sống với ông. Tôi nghẹn ngào chứng kiến nụ cười hạnh phúc trên môi họ. Một câu chuyện lạ lùng và xúc động nhất đã diễn ra trước mắt tôi như thế, do lỗi của tôi, như ông vẫn hay nói đùa.

Ông đã từng chờ một người phụ nữ hơn mười năm trong tuyệt vọng để rồi cuối cùng hiểu rằng, cô mãi mãi không trở lại. Có thể, cô vẫn ở Roma, thỉnh thoảng vẫn qua Navona để xem ông ra sao, vì đối với cô, Marcel là tâm hồn của Navona. Nhưng bây giờ, dù cô vẫn ở đó, cô đã tan biến đi như một bóng ma không còn ám ảnh. Bởi Marcel đã có được tình yêu mà ông mong muốn, sau mấy năm chờ đợi. Sự chờ đợi ấy đã kết thúc bằng một đám cưới. Người con gái ấy cũng khao khát đến nơi này, và cuối cùng, cô cũng đã tới được đây, sau một hành trình xa vạn dặm và nhiều trắc trở. Mối tình của họ đã diễn ra qua Facebook, qua những dòng chat, những cú điện thoại xuyên lục địa. Yêu ở tuổi này không đơn giản, nhưng Marcel là một người lãng mạn. Cô cũng thế. Ngày ông rời Việt Nam sau hai tuần trên đất nước của người mà ông yêu, khi cuộc hôn nhân

chưa thành sự thực, cô viết trên tường Facebook của ông, "*Cảm ơn vì đã có mặt trên đời này, Marcel. Anh là người đàn ông bước ra từ một trang sách diệu kỳ. Trên đời này chẳng có gì là đẹp nhất, chỉ có anh thôi. Chúng ta sẽ tiếp tục trò chuyện trên Facebook nữa nhé. Vâng, chắc rồi, mãi như thế cho đến ngày chúng ta hội ngộ ở Roma*".

Ông bảo rằng, "Tôi là một người Sicilia. Tôi không bao giờ phản bội". Tôi tin lời ông và cầu mong cho câu chuyện tình này luôn tồn tại và đơm hoa kết trái. Người nghệ sĩ già đã coi những cuộc chờ đợi và tình yêu như một lẽ sống. Và ông đã qua bao tháng năm cuộc đời với những nỗi khắc khoải ấy trong đơn độc. Nhiều người đã biết câu chuyện về những cuộc chờ đợi ấy. Nhiều người cũng đã chia sẻ với ông. Nhưng yêu ông qua câu chuyện của ông với một cô gái khác thì chỉ có một. Một cô gái Việt. Nhiều độc giả hỏi rằng, liệu tôi có viết phần tiếp theo câu chuyện tình của ông cho một cuốn sách mới hay không. Tôi không biết. Một phần của đời ông và những cuộc chờ đợi trong nắng mưa, tôi đã viết. Phần đời tiếp theo của ông, với việc ông và Trúc xây dựng hạnh phúc của đời mình, tôi muốn chính ông sẽ viết.

Viết về một cuộc tình, về cách mà Marcel đã sống, và đã yêu.

Những con phố mang tên tình yêu và sự phản bội

Trên đất nước của những con người tôn thờ sự lãng mạn và đam mê, nơi mà tình yêu là lẽ sống và nơi là quê hương của Thánh Tình yêu Valentine, thì những con phố có tên liên quan đến tình yêu nhiều lắm, nhiều đến mức có thể viết ra một cuốn sách về chúng.



Nhà văn Pháp Christian Bobbin đã từng viết: "Một ngôi nhà không chỉ là gạch, mà còn cả tình yêu nữa". Nhưng tình yêu còn thấm đượm trên cả những con đường, góc phố, các quảng trường Italia, không chỉ là nơi các đôi đã hôn nhau, hò hẹn, hay giận dỗi. Tình yêu và các góc cạnh của nó thậm chí còn được thể hiện trên những tên phố.

Trên đất nước của những con người tôn thờ sự lãng mạn và đam mê, nơi mà tình yêu là lẽ sống và nơi là quê hương

của Thánh Tình yêu Valentine (có những hai thánh tử đạo Valentine tại Italia, một ở Roma, một ở Terni), thì những con phố có tên liên quan đến tình yêu nhiều lắm, nhiều đến mức có thể viết ra một cuốn sách về chúng. Tại sao người Ý lại thích lấy những câu chuyện tình yêu để đặt tên cho những con đường, những ngõ nhỏ, những góc phố? Tình yêu là gì với người Ý thực ra ta đã biết, qua những câu chuyện tình yêu - thường là kết thúc trong bi kịch và dang dở, nhưng phải chăng, để khiến người ta nhớ mãi, để nhắc nhở người đời về việc trân trọng tình cảm lứa đôi hoặc gợi nhớ một nỗi đau nào đó?

Ở Cinque Terre, cách Genova chừng hai trăm cây số, có một con đường dài gần một cây số vắt vẻo lưng chừng núi, trên đường đi qua hai làng Riomaggiore và Manarola. Từ những năm 1970, nó được mang tên "Via dell'Amore" (Đường Tình yêu). Có đôi đang yêu nhau nào lại không muốn hôn nhau ở đó, với phía trên là mây trời, phía trước là biển hoàng hôn hoặc bình minh, và sóng nước ở dưới chân mình? Ở Pienza, một thành phố nhỏ thơ mộng của xứ Toscana, có một đường mang tên "Via del Bacio" (Đường Nụ hôn). Tại sao lại là "Đường nụ hôn"? Không ai rõ, chỉ biết rằng, vào năm 1968, đạo diễn huyền thoại Franco Zeffirelli đã chọn nơi này để quay nhiều cảnh bất hủ cho một bộ phim về bi kịch tình yêu lớn nhất mọi thời đại. Nó có tên *Romeo và Juliet*. Nhưng cũng tồn tại một con đường có tên "Via del Bacio mancato" (Đường Nụ hôn bị đánh mất) ở Schiappa delle Grise Neire, một thị trấn bé tí tẹo ở ngoại ô Torino. Ai đó đã đánh mất nụ hôn ấy, khi nàng không cho cơ hội và một mối tình nào đó đã kết thúc, hoặc đã không thể diễn ra? Bên tai tôi văng vẳng những câu thơ về nụ hôn của nhà thơ thời La Mã Caio Catullo:

Hãy hôn anh nghìn lần, rồi trăm lần
Rồi nghìn lần và một trăm nữa
Rồi nghìn lần và một trăm nữa
Và rồi chúng ta sẽ đếm được hàng nghìn lần như thế.

Có những cái hôn đã trao, hàng nghìn lần. Có những cái hôn không thể thực hiện. Và có những cuộc tình dang dở.

Tình yêu kiểu Italia nhiều khi còn mang các nghĩa rất trần trụi. Sự ve vãn, quyến rũ và tình dục, điều mà những người Ý đa tình rất giỏi và các tên phố thể hiện quá khứ gắn liền với xác thịt có ở khắp mọi nơi. Tại Napoli, có một con phố mang tên Giacomo Casanova, để tưởng nhớ đến một nhân vật gốc Venezia nổi đình đám trong thế kỷ mười tám với "chiến công" quyến rũ được hàng nghìn phụ nữ từ trẻ đến già. Ở Roma, có một phố mang tên "Via delle Zoccolette" (Đường Gái điếm). Nó mang tên như thế bởi ở đây hai thế kỷ trước, từng có một ngôi trường dành riêng cho những em gái bị bỏ rơi từ khi còn nhỏ, là nạn nhân của những mối tình vụng trộm. Cũng liên quan đến gái làng chơi, ở Catania có một con phố cổ mang cái tên rất thi vị "Via della Luciola" ("Đường Đom đóm", nhưng còn có nghĩa bóng là "gái điếm"). Tại Foggia, có một con phố mà nhiều người dân nơi này chẳng muốn nhắc đến, bởi đó từng là nơi hành nghề của các gái mại dâm cách đây nhiều thế kỷ, "Via della Troia" (Phố Gái làm tiền). Còn ở Donzella, miền Đông Bắc Italia, có một con phố mang tên bộ phận sinh dục nữ! Bạn có còn thấy nước Ý lãng mạn nữa không?

Tình yêu không chỉ có sự lãng mạn và nhục dục, mà còn nhiều cung bậc khác, chẳng hạn như sự phản bội. Ở

Pomponesco, ngoại ô Mantova, miền Bắc Italia, có "Via del Peccato" (Đường Tội lỗi), có lẽ là một sự nhắc nhở với những ai đã ngoại tình. Ở Sciacca trên đảo Sicilia, có "Via Torre del Tradimento" (Đường Tháp phản bội). Ở ngoại ô Cremona, miền Bắc Italia, có "Via della Corna" (Đường Cắm sừng) và tại thành phố cảng Anzio, cách thủ đô Roma chừng bốn mươi cây số, có "Via del Triangolo" (Đường Mối tình tay ba). Ở Ferrara, người dân nơi này vẫn thỉnh thoảng đùa rằng, nơi đây còn lãng mạn hơn Verona, thành phố của Romeo và Juliet nhiều, bởi tại đây có "Via degli amanti" (Đường Nhân tình). Chưa hết, ở Roma có "Via delle palle" (Đường Dối lừa) và ở Carrara, thành phố nổi tiếng với các mỏ đá cẩm thạch, có "Il Ponte della bugia" (Cầu Lừa dối). Chưa xong, ở cả Roma lẫn Catania đều có phố "Via delle lite" (Phố Cãi vã). Tại Nuoro, đảo Sardegna, có "Viale della Solitudine" (Phố Cô đơn). Còn ở Volterra, miền Trung nước Ý, có "Vicolo degli Abbandonati" (Phố Những người bị bỏ rơi). Những con phố ấy đều mang tên như thế từ nhiều thế kỷ trước.

Một người bạn của tôi, đã giải thích một cách rất nhân văn: "Người ta làm như thế là để răn dạy người đời phải biết chung thủy và trân trọng giá trị của tình yêu, của cuộc sống lứa đôi". Nhưng ông bạn khác, một tay rất tinh nghịch và từng ly dị vợ hai lần, nháy mắt bảo: "Điều ấy phản ánh một sự thật từ thời cổ chí kim, người Ý luôn trăn trở về tình yêu, luôn kiếm tìm ý nghĩa thực sự của tình yêu và sau khi thỏa mãn được mình bằng kết quả của cuộc tìm kiếm ấy, họ lại tìm kiếm nữa, cho đến già". Xem ra ông bạn có lý. Những thống kê cho thấy có tới gần chín mươi phần trăm thanh thiếu niên Ý cho đến tuổi mười sáu đã có ít nhất hai năm yêu một ai đó, số vụ ly dị

và ly thân tăng mạnh, và mức tăng đáng kinh ngạc nhất là ở các cụ tuổi trên bảy mươi, điều chưa từng xảy ra trước kia. Các lực lượng chính trị và cả những người đang yêu ở Italia đã đấu tranh ròng rã trong nhiều thập kỷ, để rồi cuối năm 2015, luật cho phép ly hôn nhanh chóng, theo cách cắt giảm thời gian chờ đợi giải quyết các vụ ly dị và ly thân, đã được thông qua. Để rồi các nhà tâm lý học và xã hội học đưa ra một ý kiến cảnh báo: với luật này, các gia đình sẽ nhanh chóng tan vỡ hơn.

Vậy đó, nước Ý không chỉ có những cảm xúc lãng mạn và những câu chuyện tình của Romeo và Juliet. Vào ngày Lễ Tình yêu, có hàng nghìn đôi uyên ương đổ về để kỷ niệm tình yêu của họ, hoặc để cầu hôn, dưới ban công nhà nàng Juliet ở Verona, những người khác đến Terni, xứ Umbria, để thăm thi thể của Thánh Tình yêu Valentine - người đã bị xử tử sau khi tác thành duyên số cho một người lính La Mã với một cô gái Công giáo, vào thời điểm đạo này bị cấm, hoặc đến nhà thờ Santa Maria in Cosmedin, để cho tay vào "Bocca della Verita" (Cái mồm của Sự thật) và kiểm tra sự chung thủy của nhau. Người ta bảo, nếu nói dối, cái mồm có gương mặt sư tử ấy sẽ cắn đứt tay. Cho đến giờ, có bao nhiêu bàn tay được đưa vào đó, không ai biết, nhưng chắc cũng chẳng có bàn tay nào bị cắn đứt, và những vụ bỏ nhau hoặc ngoại tình cứ thế sinh sôi mãi.

Nhưng cũng có không ít người đón nhận ngày lễ này trong một tâm trạng khác, suy nghĩ khác, khi chính những con phố buồn bã và đầy bi kịch nói trên thể hiện phần nào những gì họ đã trải qua trong cuộc sống hôn nhân, hoặc rộng hơn, là trong tình yêu. Người bị phụ tình nào có thể thanh thản đi qua một con phố mang tên "Cắm sừng" và rồi dừng lại ở "Đường

Dối lừa" để ăn một cây kem, trong khi nhà của họ nằm trên "Phố Những người cô đơn"?

Nhưng dù thế nào đi nữa, tình yêu vẫn là mãi mãi. Các đôi uyên ương ở Ý luôn thích làm hôn lễ hoặc chụp ảnh đám cưới trước mộ của Romeo, nơi chàng và Juliet cùng chết, đồng nghĩa với việc ở nơi ấy, tình yêu chết đi và thành bất tử, hơn là đứng dưới ban công nhà Juliet ở Verona, nơi Romeo đã tỏ tình với Juliet, nghĩa là nơi tình yêu đã sinh ra. Bi kịch là một sự nhắc nhở, để tất cả yêu nhau hơn nữa chăng?

Yêu ở Venezia

Càng lần giở những câu chuyện liên quan đến tình yêu ở Venezia là lại càng tìm thấy những bi kịch, những cái chết, những lần tim vỡ và phản bội. Venezia là thành phố của những mối tình bi thảm...

Đối với không ít người, thành phố đẹp đẽ và bồng bềnh trên sóng nước ấy đồng nghĩa với những cây cầu, những dòng kênh, những chiếc thuyền gondola mũi cong và những người chèo thuyền thỉnh thoảng hát lên những điệu khúc bằng thổ ngữ xứ Veneto. Venezia cũng là biết bao biệt thự cũ kỹ nhưng lãng mạn dập dềnh trên mặt nước, và một bầu không khí vô cùng đặc



biệt khi rảo bước trong những ngõ nhỏ sực mùi biển. Tôi đã qua đó bao lần không nhớ nữa, nhưng chưa bao giờ cảm thấy tẻ nhạt và buồn chán vì những gì thu vào ống kính, bởi mỗi lần đến Venezia là một lần yêu thành phố ấy theo một cách khác, đặc biệt hơn.

Phát hiện mới nhất được thực hiện một cách tình cờ khi tôi đứng ở quảng trường San Marco, mắt bất chợt nhìn lên và bắt gặp những bức chạm khắc từ thế kỷ mười bốn trên dinh Tổng trấn của Venezia, rồi lặng người đi khi mắt dõi theo lần lượt các bức hoạt cảnh để có được một chuyện đầy xúc động về tình yêu của người đời. Tất cả bắt đầu bằng hình ảnh một người phụ nữ tóc dài đang nhìn ra cửa sổ và bắt gặp ánh nhìn của một người đàn ông trên phố. Họ yêu nhau từ cái nhìn đầu tiên ấy, hẹn hò nhau và rồi ái ân với nhau một cách mãnh liệt. Một đứa trẻ ra đời là sự kết tinh của mối tình đẹp đẽ ấy. Nhưng mối tình được mô tả trên đá chạm ấy cũng kết thúc trong bi kịch. Đứa trẻ chết, đôi vợ chồng rơi nước mắt bên quan tài. Trên đất nước của tình yêu và những bi kịch đau đớn gắn liền với những trái tim vỡ, tôi đã quen chứng kiến rất nhiều những tác phẩm nghệ thuật viết vẽ về đề tài ấy, nhưng chưa từng xúc động đến thế khi đứng trước câu chuyện bằng đá ở Venezia. Nắng mưa và gió bão bùng của bao thế kỷ đã qua chỉ có thể làm đá nhăn nheo đi, những nét mặt yêu đương trở nên chai sạn đi, những động tác mềm mại của điêu khắc bị phai đi, màu sắc có thể thay đổi, nhưng những thông điệp của tác phẩm ấy vẫn còn mãi, và chạm vào trái tim những ai chứng kiến nó.

Ở cái nơi rất đặc biệt này, khi những trận lụt thỉnh thoảng lại ào vào thành phố và làm ngập những quảng trường, những cơn gió lạnh của mùa đông làm cho nền trời xám xịt

và khiến các dinh thự cổ kính trông như những người suy tư trong bế tắc, câm lặng và tuyệt vọng, tình yêu luôn được diễn tả một cách thật đặc biệt như thế, có yêu thương và chết chóc. Có nơi nào trên đất Ý, một cặp đôi có thể làm tình ngay trước mắt thiên hạ như thế, dù chỉ là qua một bức chạm khắc nhỏ ngay quảng trường chính của thành phố, và ngay sau những niềm hạnh phúc dâng trào về tình cảm cũng như xác thịt ấy, là một cái chết. Cái chết ấy không giống như cách mà Romeo và Juliet đã tìm đến, không giống những câu chuyện khác về tình yêu lứa đôi xảy ra đầy rẫy trên mảnh đất này, có lẽ do thằng bé chết về dịch hạch đã từng có thời tràn qua và quét sạch phân nửa dân số thành phố vào giữa thế kỷ mười bốn, nhưng nó khiến những ai vô tình chứng kiến cảm thấy đau lòng. Venezia liệu có thể đem đến cả những cảm giác như vậy ư, thành phố mà rất nhiều người đã đi qua và phải lòng nó như tôi không thoát khỏi những nét quyến rũ khiến phải quay trở lại, không chỉ một lần, và lần sau lại thấy nó yêu kiều và tráng lệ theo một cách khác nữa?

Những cuốn phim lãng mạn quay ở Venezia thực ra không thể làm toát lên vẻ đẹp của nó, nhưng thôi thúc người ta đến đây và khám phá. Venezia quá lớn đối với ai cô độc và quá nhỏ nếu ta có đôi, ta hôn nhau trên những cây cầu soi mình xuống những dòng kênh thơ mộng với những chiếc gondola lướt qua phía dưới, tiếng nước ì oạp vỗ vào bờ từ mái chèo. Những cây cầu, biệt thự, những tháp chuông nhà thờ, những cây cọc đóng xuống lòng kênh phản chiếu lên mặt nước rung rinh khiến tôi có lần mỉm cười nghĩ rằng, thành phố này có khi cũng chẳng khác chàng Narcis cứ ngắm mãi hình ảnh của mình dưới mặt nước, ngắm một cách mê mệt và không ngưng nghỉ. Nhưng

câu chuyện về Venezia không kết thúc trong bi thảm như chàng Narcis, ngã xuống nước chết và từ đó mọc lên hoa thủy tiên, không giống như cái chết của chú bé trên bức chạm khắc. Thành phố không chìm xuống như người ta đã từng lo ngại trước những đợt nước cứ dâng lên mãi, những cơn bão biển thỉnh thoảng vẫn tràn vào, hoặc hiện tượng đất lún xuống, mà có lẽ sẽ oằn mình trước sức nặng của biết bao tình yêu và những tấn bi kịch đã trải qua tại nơi này, mảnh đất trong vịnh Venezia mà từ một nghìn năm nay đã kết hôn với biển. Có một nghi lễ đã diễn ra hằng năm vào tháng Năm, lễ Thăng thiên. Những viên Tổng trấn Venezia thường ném một chiếc nhẫn xuống vịnh biển vào ngày này, như một sự nhắc nhở biển về mối lương duyên với thành phố. Nếu chúng ta yêu nhau và đã lấy nhau, xin đừng phản bội. Biển có thể ghen tức hay giận dỗi, thỉnh thoảng làm bão, nhưng đừng dâng lên nhận chìm Venezia.

Nhưng càng lần giở những câu chuyện liên quan đến tình yêu ở Venezia là lại tìm thấy những bi kịch, những cái chết, những lần tim vỡ và phản bội, điều trái ngược hẳn với rất nhiều bộ phim lãng mạn quay tại đây và luôn kết thúc có hậu, như phim *Summertime*, với Jane Hudson (do Katharine Hepburn thủ vai) đem lòng yêu một người đàn ông Venezia. Người ta bảo rằng, ai đang yêu chạm tay vào một viên gạch hình trái tim ở Sotoportego dei Preti, một ngõ nhỏ ở quận Castello, rất gần nhà thờ San Giovanni in Bragora, tình yêu của họ sẽ mãi mãi trường tồn. Viên gạch ấy trên thực tế được đặt trước một căn nhà, nơi một huyền thoại tình yêu gắn liền với cái chết đã xảy ra. Một người ngư phủ có tên Orio đã yêu một nàng tiên cá tên Melusina, có ba con với nàng, và sống hạnh phúc cho đến khi nàng chết, hóa thành một con rắn đến dọn dẹp nhà chàng

mỗi khi chàng đi đánh cá mà chàng không hề biết. Một buổi tối, chàng trở về nhà sớm và đánh chết con rắn khi phát hiện ra nó, sợ nó sẽ cắn các con của chàng. Thế rồi, chàng bỗng đau đớn nhận ra đã giết chính vợ mình và rồi, chàng chết trong hối hận khôn nguôi.

Còn một huyền thoại tình yêu nữa ở Venezia, thành phố của những mối tình bi thảm. Mới rồi, cách đây chưa lâu, vào ngày lễ Thánh Marco, thánh bảo trợ của thành phố, hơn một nghìn người Venezia đã xếp hình thành một bông hồng lớn giữa quảng trường San Marco để kỷ niệm Lễ Hoa hồng (Festa del bòcolo). Bông hồng ấy chính là biểu tượng của một câu chuyện tình kết thúc trong bi kịch vào thế kỷ thứ tám. Một chàng hát rong nghèo đem lòng yêu một nàng tiểu thư quý tộc, và nàng cũng rất yêu chàng, nhưng mối tình của họ đã không được cha nàng đồng ý. Nàng khuyên chàng hãy xung vào đội quân Thập tự chinh của Hoàng đế Charlemagne để sau đó trở về với những chiến công nhằm thuyết phục cha nàng chấp thuận cho họ yêu nhau. Điều đó mãi mãi không thể diễn ra, bởi chàng đã tử thương trong một trận đánh. Trong cơn hấp hối, chàng nhúng một bông hoa hồng vào vũng máu của chính mình và nhờ đồng đội mang về trao tận tay nàng, như một minh chứng cho tình yêu vĩnh cửu của chàng, yêu kể cả khi đã chết. Hôm ấy là ngày 25 tháng Tư và hằng năm, cứ vào ngày Thánh Marco ấy, đàn ông Venezia tặng những người phụ nữ của trái tim họ một bông hồng.

Như thế, Venezia không chỉ là một điểm du lịch cần phải đến ít nhất một lần trong đời. Hơn thế nữa, đấy là một nơi tuyệt vời mà truyền thống và hiện đại hòa làm một, nơi mà người ta đến để ngắm, để lắng nghe, trải nghiệm, để sống và

để yêu. Yêu theo cái cách của chàng si tình Giacomo Casanova vào thế kỷ mười tám. Kẻ lang thang khắp các xó xỉnh châu Âu ấy được sinh ra ở nơi đây, bên một dòng kênh, chỉ ít lâu sau khi Antonio Vivaldi, tác giả của bộ concerto *Bốn mùa*, một nhân vật lỗi lạc của Venezia, qua đời. Những câu chuyện về Casanova, người được coi là một bậc thầy của nghệ thuật quyến rũ, kể rằng ông cũng như chàng Narcis, mê mẩn chính mình khi soi gương mỗi ngày. Trong cuộc chinh phục của Casanova khi còn trẻ ở Venezia có những mối tình với các bà xơ trong nhà tu kín. Vào cái thời mà tình yêu xác thịt và lạc thú được tôn thờ ở Venezia ấy, khi số linh mục, bà xơ và số gái điếm nhiều ngang nhau, các nhà tu kín chính là nơi chất chứa một cách thuần khiết nhất tình yêu xác thịt và tình yêu với Chúa. Yêu cả theo cách mà thi sĩ người Anh Byron đã bừng cháy trong thơ và trên giường trong những năm ngắn ngủi ông sống ở đây vào đầu thế kỷ mười chín. Byron(*) có rất nhiều người tình, hơn hai trăm quý cô và quý bà, nhiều trong đó đã xuất hiện trong thơ và trong cả những câu chuyện bi thảm của thành phố. Một trong những người tình của Byron thậm chí đã gieo mình xuống một con kênh của Venezia để tự tử, sau khi phát hiện thi sĩ phản bội mình.

Sự phản bội đến từ đâu, và liệu có thể nhân danh tình yêu? Chắc chắn không, nhưng nhiều người Venezia giải thích rằng, ở thành phố bồng bềnh trên mặt nước này, tình yêu tồn tại ở bất cứ nơi đâu, bất cứ dạng thức nào và đã lan tràn như

---

*. George Gordon Byron (1788-1824), thi sĩ lãng mạn người Anh, đã từng ở Venezia trong 3 năm, từ 1816 đến 1819 và có rất nhiều mối tình tại đây. Nhiều cuộc tình đã ảnh hưởng lớn đến thơ ca ông thời kỳ này.

một thứ virus trong rất nhiều thế kỷ. Virus ấy phải chăng bắt nguồn từ khi các chàng trai, cô gái, các bà nạ dòng, các nhà quý tộc, tóm lại là tất cả các giai tầng xã hội Venezia bắt đầu giấu danh tính của mình bằng những chiếc mặt nạ, với lễ hội carnavale ra đời vào cuối thế kỷ mười một, thường được tổ chức một tháng trước Phục sinh? Trong vòng một tuần lễ, hàng trăm người trong những bộ quần áo lễ hội sặc sỡ đeo lên mặt những chiếc mặt nạ sơn nhiều màu, môi đỏ chót, mặt vàng hoặc trắng, tóc che đi sau làn vải trùm đầu. Có những người ăn vận kiểu thế kỷ mười bảy, mười tám, nhìn rõ là nam giới hoặc nữ giới. Nhưng cũng có những người khiến ta không thể nhận ra giới tính. Phía sau những chiếc mặt nạ ấy chỉ là đôi mắt và không gì hơn thế nữa. Họ không nói. Họ cùng nhau nhảy những vũ điệu của hàng trăm năm về trước. Và mỗi năm, người ta lại chọn ra những chiếc mặt nạ đẹp nhất. Những ranh giới về giàu nghèo và giai cấp bị xóa nhòa, những cấm đoán trở nên vô nghĩa và các cuộc tình cứ thế bùng lên như một bệnh dịch không sao kìm hãm nổi. Người Venezia ngày xưa cũ yêu ở khắp nơi, trong những bữa tiệc của những người đeo mặt nạ, trên những chiếc gondola có mái che và cả trong các nhà nguyện. Thời kỳ đó cũng đã qua rồi, chết đi cùng với Casanova.

Nhưng những chiếc mặt nạ vẫn ám ảnh mãi. Có lần tôi đã sững người khi thấy một người Venezia trong trang phục phụ nữ thế kỷ mười tám đang nhìn mình. Tôi không thấy mặt nàng, bởi trên đó là một chiếc mặt nạ. Nàng là ai và nàng che mặt như thế để làm gì, tại sao lại nhìn tôi? Điều gì ẩn giấu bên trong những chiếc mặt nạ ấy? Một cô gái trốn cha đi tìm người yêu và chiếc mặt nạ giúp nàng giấu đi danh tính, một quý bà giấu mặt kiếm tìm khoái lạc, những cuộc tình bí mật

được thực hiện trong lễ hội carnavale, những âm mưu chính trị ẩn chứa sau chiếc mặt nạ? Nhưng những chiếc mặt nạ đôi khi cũng đồng nghĩa với cái chết. Những mặt nạ hình chim mỏ dài gợi nhớ một thời "Dịch hạch đen" tràn qua giết chết hơn một nửa dân số Venezia trong thế kỷ mười bốn. Điện ảnh làm cho những chiếc mặt nạ bỗng trở nên ám ảnh hơn nữa, như những gì ta đã thấy trong phim *Eye wide shut* của đạo diễn Stanley Kubrick.

Dù thế nào đi nữa, tôi luôn tin, đằng sau những chiếc mặt nạ che giấu những gương mặt bí ẩn ấy là một nụ cười. Kể cả người phụ nữ đeo mặt nạ kia. Đôi mắt của nàng như đang cười. Venezia luôn mở lòng mình đón chào tất cả và yêu tất cả...

Casanova, người tình nước Ý

Chàng lãng tử nổi tiếng khắp năm châu về khả năng chinh phục phụ nữ bắt đầu hành trình xác thịt của mình từ tuổi thiếu niên, đi qua giường của biết bao cô gái mới lớn và thích trải đời, những bà quý tộc nạ dòng, cả những bà xơ tưởng như vào nhà tu kín để quên đời...

Venezia là một thành phố đặc biệt, bởi thành phố trên mép nước đẹp đến say lòng, nhưng cũng rất bí ẩn trong những làn sương sớm ấy đã sinh ra những con người đặc biệt làm nên lịch sử. Marco Polo đã xuất phát từ đây, đi qua biết bao chặng đường, để rồi đặt chân đến Trung Quốc vào thế kỷ mười ba. Antonio Vivaldi, một nhà tu hành tóc đỏ, đi vào lịch sử với những giai điệu bất hủ của bản giao hưởng *Bốn mùa*. Antonio Canova là một nhà điêu khắc vĩ đại, khi thổi hồn cho những phiến đá. Còn Veronica Franco



lại nổi tiếng theo một cách khác, rất khác. Người tình của biết bao quý ông Venezia ở thế kỷ mười sáu ấy không chỉ là một kỹ nữ xinh đẹp. Cô còn là một thi sĩ và hơn thế nữa, nhiều câu chuyện kể rằng, cô đã cứu Venezia khỏi bị Pháp xâm lược vì đã tình nguyện ngủ với vua Pháp Louis XII.

Trong thành phố mà chất hoa tình và nhục dục được coi là một đặc tính quan trọng và tích cực nhiều thế kỷ trước khi cách mạng tình dục thực sự tràn qua châu Âu, xác thịt là một tài sản quan trọng. Và khi nhục dục được nâng lên thành một thứ nghệ thuật chứ không phải sự tha hóa, những nhân vật đặc biệt mang đôi cánh tình yêu xuất hiện. Giacomo Casanova đã sinh ra như thế, ở Venezia này, vào phần tư đầu tiên của thế kỷ mười tám. Đấy là một thế kỷ đặc biệt, khi sự khai sáng về tư tưởng trở thành tiền đề của những cuộc cách mạng sau đó. Những câu chuyện về Casanova kể rằng, đấy là một con người không thực sự đẹp trai, nhưng có sức quyến rũ rất lạ lùng với cả hai giới. Tiêu chuẩn đàn ông của ngày ấy rất khác bây giờ. Sức thu hút của những người như Casanova được giải thích là ở sự ga lăng đậm chất nam tính của chàng, ở những lời chàng nói ra, ở ánh mắt nhìn như có nam châm và lửa nhục dục để thiêu đốt trái tim và thân thể của cả những người phụ nữ lẫn đàn ông, và ở cái cách chàng khiến họ đê mê trên giường. Chàng lãng tử Casanova bắt đầu hành trình chinh phục xác thịt của mình từ tuổi thiếu niên, đi qua giường của biết bao cô gái mới lớn và thích trải đời, những bà quý tộc nạ dòng, cả những bà xơ tưởng như vào nhà tu kín để quên đời. Casanova là một nhân vật kỳ lạ và phi thường của thời đại ấy bắt đầu từ cách đó, và cuộc đời chàng là một vở opera rất nhiều hồi, mà trong đó luôn có gương mặt những người phụ nữ đẹp nhất thời bấy giờ.

Một cuốn sách nói rằng, chàng quyến rũ đến mức đã luôn tự buông lời tán tỉnh chính mình mỗi khi soi gương. Một huyền thoại khác thì khẳng định chàng đã từng đề nghị tổng trấn(*) Venezia nhốt chính chàng vào nhà ngục để rồi từ đó, Casanova cố gắng thoát ra bằng cách quyến rũ các tên cai ngục. Đúng là chàng đã từng bị nhốt vào tù thật, một nhà tù khủng khiếp nối với tòa án bằng một cây cầu mang tên Than Thở, mỗi tù nhân sau phiên xét xử được phép đứng đó nhìn cuộc sống trên dòng kênh phía dưới qua cửa tò vò lần cuối cùng. Nhưng chàng bị bỏ tù là bởi rất nhiều tội trạng liên quan đến việc báng bổ nhà thờ, đến việc dùng tà thuật và việc chàng gia nhập hội Tam điểm, một hội kín bị cấm vào thời đó. Nhưng trước đó, ở tuổi còn rất trẻ, chàng cũng đã từng đi tù vì dính líu vào những scandal trong nhà thờ mà mẹ chàng đã tìm mọi cách biến chàng thành một thầy tu. Casanova là một tấm gương xấu xí và tha hóa nếu xét trên các chuẩn mực đạo đức bây giờ, nhưng đồng thời cũng là một người xuất chúng, một nhà cách mạng của thời đại: Casanova là một tay chơi phụ nữ siêu hạng, người không thể thiếu nổi phụ nữ và có một danh sách chinh phục rất dài, một kẻ nghiện ngập cờ bạc, một con buôn chính trị láu cá, một kẻ lừa đảo, một nhà nghiên cứu về xổ số, một nhà phiêu lưu đến các quốc gia cần một bộ óc giỏi về tài chính và cả gian lận tài chính, nhưng cũng là một nhà văn, một trí thức giỏi, người dịch trường ca *Iliad* của Homer ra tiếng Ý, một người ghi chép chi tiết về những nơi đã đi qua và sống trong đời, do đó trở thành một nguồn khảo cứu đáng quý về lối sống

---

*. Doge, người đứng đầu chính phủ nước Cộng hòa Venezia bấy giờ, tạm dịch là tổng trấn, cách gọi này không thật sự chính xác, nhưng khó tìm từ tương đương.

thời đó, đồng thời cũng là nhà phê bình âm nhạc - chàng chơi thân với Mozart - và từng tranh luận nảy lửa với Voltaire về tôn giáo.

Thế nhưng người đời vẫn chỉ quen gọi chàng là người quyến rũ phụ nữ bậc thầy. Với đa phần trong chúng ta, Casanova chỉ đồng nghĩa với sự trăng hoa ong bướm. Don Juan, mà người Việt quen gọi là "Đông Gioăng", một kẻ trăng hoa bậc thầy được chúng ta thường xuyên nhắc tới khi ám chỉ một gã rất giỏi gạ gẫm phụ nữ lên giường bằng những từ ngữ đường mật, trên thực tế chỉ là một nhân vật hư cấu của nhà viết kịch người Tây Ban Nha Tirso de Molina ở thế kỷ mười bảy. Tôi đã từng tới thăm tượng của gã ở Sevilla trong một chuyến đi. Don Juan không hề đẹp trai. Những bức tranh mô tả nhân vật này cũng cho thấy gã không hề có vẻ mặt quyến rũ. Gã là một ẩn dụ của cái xấu và do đó trở thành một hình tượng được nghệ thuật châu Âu khai thác để nói lên một mặt tiêu cực của con người. Casanova thì khác, không phải Don Juan, không phải là một con quỷ, mà đơn giản là một người thích phiêu lưu trên mọi khía cạnh của cuộc sống và sống đến tận cùng những đam mê lớn lao của cuộc đời mình, trong đó có đam mê nhục dục.

Trong cuốn *The Science of Happiness* (Khoa học về hạnh phúc[*]), nhà nghiên cứu Stefan Klein viết: "Không ai thể hiện được ý tưởng về tình yêu không chung thủy giỏi như Giacomo Casanova, một kẻ nổi tiếng lịch lãm và quyến rũ phụ nữ thế kỷ mười tám. Cuốn hút và dí dỏm, anh ta chinh phục hầu hết những phụ nữ có học và xinh đẹp thời đó, cũng như cả các bà

---

*. Xuất bản ở Việt Nam dưới tên *6 tỉ đường đến hạnh phúc* bởi Nhã Nam, 2014.

nội trợ và các cô hầu phòng. Anh ta ăn mừng chiến thắng của mình ở các salon của châu Âu, và anh ta trò chuyện dễ dàng như thể chúng ta thở vậy. Anh ta là một nghệ sĩ bậc thầy trong các màn kịch gợi tình và bậc thầy thể hiện sự tinh tế của niềm vui nhục dục. Ví dụ như trong một lần hẹn hò với Marina Maria Morosini xinh đẹp, anh ta thuê hẳn một cung điện có sân vườn xa hoa và đắt đỏ nhất Venice. Chỉ để dành cho tình yêu, khoái lạc và yến tiệc, cung điện được trang bị một mảng gương khổng lồ phản chiếu ánh sáng lung linh của hàng trăm ngọn nến, những chiếc ghế sofa sang trọng và một chiếc lò sưởi lát gạch kiểu Trung Hoa, trên đó những đôi trai gái khỏa thân nhảy múa.

"Những người hầu phục vụ từ thịt thú rừng, cá tầm, nấm cục, hàu, rượu vang Burgundy và sâm banh thượng hạng cho đến trái cây và kem - một món cao lương mỹ vị vào năm 1753. (...)

"Đương nhiên là đối tượng hẹn hò rất thích buổi tối đó. Ít nhất Casanova đã thuật lại rằng anh ta biết được nhiều từ nàng, trải nghiệm 'những tiếng thở dài, niềm sung sướng, nỗi ngây ngất và những cảm giác tưởng chừng như chỉ có thể sinh ra từ một tâm hồn nhạy cảm trong những thời điểm ngọt ngào nhất'. Sau cái đêm phóng túng ấy, đôi tình nhân biến mất trên một chiếc thuyền và tờ mờ sáng hôm sau cô gái được đưa về tu viện. (Nàng là một nữ tu.)"

Cứ thế, với đam mê ấy, chàng đã đi khắp châu Âu, đã làm mê mẩn cả những bà hoàng và thổi một luồng không khí dâm đãng qua các triều đình. Ai đó đã đúng khi từng bảo, thế kỷ mười tám là thế kỷ của Casanova, người đã làm cho người ta hiểu rằng, tình dục và sự phiêu lưu tình dục là điều tích cực,

khi nó đem đến sức khỏe và sự cân bằng trong tâm hồn. Nhưng người tình nước Ý Casanova thậm chí còn là người có công lớn trong việc cải tiến bao cao su, ban đầu không phải là để tránh thai hay lan truyền bệnh dịch, mà như một cách để duy trì sức hấp dẫn của tình dục. Trong cuốn tự truyện *Histoire de ma vie* (Chuyện đời tôi, nguyên bản tiếng Pháp), sau khi mô tả một cách chi tiết cấu tạo của cái bao và nó nên được thiết kế và tạo ra như thế nào cho êm dịu mà bền lâu nhất, Casanova thú nhận rằng chàng chính là người đã phát triển việc sử dụng bao cao su ở châu Âu, và gọi dụng cụ này là một thứ đem lại khoái cảm cho cả hai giới, vừa "tránh cho các bà xơ có thai", nhưng cũng gợi mở ra việc làm thế nào để nó có thể giúp cho việc quan hệ tình dục đồng tính giữa những phụ nữ với nhau. Casanova, một người thẳng thắn và rất cởi mở trong chuyện tình dục, người đã đi qua suốt chiều dài thế kỷ ấy, đã sống như thế và không bao giờ cảm thấy hối tiếc về những cuộc phiêu lưu của mình. Mà không chỉ đàn bà ngã vào chàng như cây non trong gió bão, bởi chàng giỏi cả ở trên giường lẫn trong cách đối xử với họ, mà các chính khách và giới trí thức cũng thích chàng. Chàng biết và giỏi trong mọi thứ.

Casanova sẽ không là gì cả nếu không có Venezia, nơi đã sinh ra chàng, dù chàng sống ở đây không nhiều. Cuộc sống của thành phố bồng bềnh trên những dòng kênh ấy đã tạo nên con người Casanova, đứa con của một gia đình nghệ sĩ và do đó rất biết cách diễn thế nào trên sân khấu đời. Đấy là một thành phố ăn chơi bậc nhất châu Âu ngày ấy, với những lễ hội diễn ra thâu đêm suốt sáng quanh năm và một cuộc sống đầy chất kịch. Thành phố của những dòng kênh và các con thuyền mũi cong này là một thế giới của hoa tình, với các kỹ nữ xinh

đẹp và khêu gợi nhiều nhan nhản như các thầy tu. Sự lãng mạn và hoa tình kéo theo nhục dục được kích thích bởi việc người ta bị bắt buộc đeo mặt nạ cả ngày lẫn đêm trong từ tháng Mười đến Thứ Tư Lễ Tro để khởi đầu mùa chay. Những chiếc mặt nạ giúp tất cả che giấu danh tính trong một sự chuyển động không ngưng nghỉ của những âm mưu chính trị, những vụ ám sát, những cuộc tình vụng trộm vì bị cấm đoán, những bữa tiệc tình dục thâu đêm và cả những vụ loạn luân. Những đứa trẻ cũng phải đeo mặt nạ như bố mẹ chúng. Đối với một đứa trẻ mới lớn lên, nửa năm giấu đi bộ mặt và biết bao tình cảm thật của mình đằng sau những chiếc mặt nạ là một cơ hội lý tưởng để nó trở thành một ai đó trong đám đông và làm những việc nó muốn. Casanova đã lớn lên đằng sau những chiếc mặt nạ, đã vào đời bằng cuộc ái ân với cả hai chị em Nannetta và Maria Savorgnan khi chàng chưa thành niên, và từ đó phát hiện ra khả năng thực sự của mình là ở đâu.

... Người tình của cả nước Ý và châu Âu ấy đã chết vào một ngày lạnh lẽo ở Praha, Czech, vào năm 1798, khi thế kỷ mười tám sắp qua đi, đón chờ một thế kỷ mười chín đầy biến động và chiến tranh. Chàng chết trong cô độc và sự quên lãng, chết trong sự ghẻ lạnh của thời gian và sự oán hận của biết bao người đã từng yêu chàng nhưng bị chàng bỏ rơi. Người ta bảo rằng thậm chí đến nhiều năm trước khi chết, ở tuổi bảy mươi, da đã nhăn nheo, lưng đã còng, đôi mắt đã mờ đi và nhạt nhòa ánh lửa nhục dục, Casanova vẫn quyến rũ được đàn bà. Thế nhưng khi chết, Casanova chỉ có một mình. Người đã yêu trong cả cuộc đời, đã được biết bao nhiêu người yêu thương, cuối cùng bị cuộc đời rũ bỏ, khi tình yêu tinh thần và xác thịt không thắng nổi quy luật của thời gian. Trong nhiều tác phẩm

nghiên cứu sau này, không ít tác giả đã cố gắng giải thích một điều: điều mà Casanova đã làm trong đời là tình yêu hay tình dục bản năng thuần túy, và liệu chàng có tìm thấy tình yêu đích thực của đời mình không? Stefan Klein thì lý giải rằng Casanova có thể mắc chứng nghiện những cảm giác mới, điều này lý giải cho cuộc đời ly kỳ biến động của chàng, cho khối năng lượng dường như vô tận trong con người chàng. Nhưng nói chung người ta không bao giờ tìm được câu trả lời cuối cùng. Những người Venezia được tôi hỏi về điều ấy cũng chỉ mỉm cười và lắc đầu. Điều ấy chỉ Casanova mới biết được, và có lẽ chàng cũng chẳng quan tâm đến việc thiên hạ sau này nghĩ gì. Chàng cứ phiêu lưu mãi, đến hết cuộc đời, tạo ra bao gia tài từ đánh bạc và áp phe và rồi mất hết, lên giường với biết bao người đẹp và rồi chết trong cô quạnh khi đang là một người thủ thư già. Khi chết, chàng còn đang viết dang dở cuốn hồi ký của đời mình, với những cuộc tình cháy bỏng và mê đắm. Những trang nhật ký rơi vương vãi bên giường chàng, khi Casanova chỉ còn là một cái xác bất động.

Trên thiên đường, có lẽ chàng hiểu rằng, yêu không bao giờ là đủ. Nhưng nếu đời đã cho chàng những cơ hội, chàng không thể chối bỏ chúng, mà phải nắm lấy và cứ thế bước đi, coi yêu là một lẽ sống, một cách để leo lên các bậc thang xã hội. Qua tài năng của một người giỏi giang. Qua cả những chiếc giường...

Thư gửi Juliet

Người ta đã không còn cho các đôi tình nhân dán các mẩu giấy yêu thương lên tường nhà nàng Juliet nữa, vì họ gắn lên đấy nhiều quá, hàng trăm mảnh mỗi ngày, trong nhiều năm trời, biến bức tường ấy thành một con quái vật gớm ghiếc và xù xì mang trên mình gánh nặng của tình yêu lứa đôi, theo đúng nghĩa đen.

Dù đang yêu hay không còn yêu nữa, thì hầu như tất cả những ai đặt chân đến thành phố cổ kính ấy đều muốn ít nhất một lần đứng trong khoảnh sân nhỏ lát đá của nhà nàng. Phố Cappello, tên của con phố chạy đến trung tâm cổ của Verona, là nơi đưa những trái tim đến với nhau, hoặc đơn giản là chứng nhân cho tình yêu của họ, thứ tình yêu mà họ tin, là sẽ không bao giờ chết đi.



Đối với hàng vạn người hâm mộ của bộ phim *Letters to Juliet* (Thư gửi Juliet), cảnh này sẽ là bất tử: cô gái trẻ xinh đẹp người Mỹ

(do Amanda Seyfried đóng) tình cờ tìm thấy ở một hốc của bức tường trứ danh nhà nàng Juliet một lá thư được nhét vào đó từ nửa thế kỷ trước. Cô mang bức thư ấy đến cho nhóm "Thư ký của Juliet", một nhóm những phụ nữ đứng tuổi tự nguyện nhận trả lời các bức thư cầu duyên hoặc thất tình của những người dán mảnh giấy lên bức tường ấy. Thế rồi, chính cô gái Mỹ đã trả lời bức thư ấy, dẫn đến một câu chuyện vô cùng lãng mạn pha trộn các motif đi tìm tình yêu quen thuộc kiểu Hollywood, lồng trong khung cảnh mê hồn của nước Ý, nơi lý tưởng để quay những câu chuyện tình yêu thường có những kết cục đẹp, dù đời khác phim rất nhiều. Người phụ nữ viết bức thư năm mươi năm trước, giờ là một bà lão, đã trở lại Ý để tìm người đàn ông Italia mà bà đã được tỏ tình vào những năm 1950, sau khi nhận được lá thư đáp lại ký tên Juliet mà chính cô gái trẻ chấp bút. Cô gái ấy đã vô tình trở thành cầu nối cho một cuộc trở về với tình yêu đích thực của người phụ nữ, và cũng trong hành trình ấy, cô tìm thấy tình yêu của đời mình, cháu trai của bà. Phim kết thúc ở cảnh đôi uyên ương trẻ hôn nhau, dưới một ban công đầy dây leo, hệt như ban công nhà Juliet.

Trên thực tế, đến bây giờ, nhóm những phụ nữ đứng tuổi chuyên trả lời thư và cùng ký tên "Juliet" ấy vẫn hoạt động, miệt mài phúc đáp những lá thư không phải dán trên tường nhà nàng Juliet như đã thể hiện trong bộ phim, mà là thư tay và được gửi đến địa chỉ "Juliet, Verona, Italia", một địa chỉ đã được cơ quan bưu chính Italia mặc định. Từ lâu, người ta đã không còn cho các đôi tình nhân dán các mẩu giấy yêu thương lên tường nhà nàng Juliet nữa, vì họ gắn lên đấy nhiều quá, hàng trăm mảnh mỗi ngày, trong nhiều năm trời, biến bức tường ấy thành một con quái vật gớm ghiếc và xù xì mang trên mình

gánh nặng của tình yêu lứa đôi không phải theo nghĩa bóng, mà đúng nghĩa đen. Những bức tường khác từ cổng dẫn vào mảnh sân có ban công nhà Juliet cũng không còn bất cứ một khoảng trống nào để dán giấy hay viết vẽ tên, kèm theo trái tim và những dòng lưu bút khác của các đôi tình nhân, viết bằng đủ các loại mực, màu sắc và ngôn ngữ khác nhau. Ở một đất nước mà tình yêu được tôn thờ một cách thái quá và từng gây không biết bao nhiêu phiền toái cho nhà chức trách địa phương, thậm chí đã tạo ra những cuộc tranh luận nảy lửa giữa các chính trị gia, như đã từng xảy ra quanh việc có nên dẹp bỏ những lan can sắt trên cây cầu Milvio huyền thoại ở Roma mà các đôi uyên ương cứ mang khóa đến khóa vào đó, nhiều đến mức chúng oằn xuống và gãy, thì những dòng chữ bao vây lấy nhà nàng Juliet cũng là điều không có gì ngạc nhiên. Chính quyền thành phố đã lắp những tổng đài điện thoại, những máy tính để các đôi tình nhân "hành hương" đến đây gửi lời nhắn cho nửa kia của mình, một biện pháp giảm tải áp lực cho những bức tường. Vô ích. Phương án công nghệ của thời hiện đại không được ủng hộ. Người ta vẫn yêu và tỏ tình theo cách cổ điển. Trái tim không thể nói bằng ngôn ngữ nhị phân.

Thư gửi Juliet chỉ đơn giản là làm sống lại không khí yêu đương của những năm tháng mà bộ phim *Romeo và Juliet* của đạo diễn Franco Zeffirelli đã tạo ra, biến Verona trở thành một trong những nơi được lứa đôi muốn đến nhất để kỷ niệm tình yêu của họ. Phim có những cảnh quay rất đẹp và xúc động. Những cảnh yêu đương bất hủ, trong đó có cảnh Romeo (Leonard Whiting đóng) trèo lên ban công nhà Juliet (Olivia Hussey) để tỏ tình đã đi vào lịch sử điện ảnh thế giới, trở thành một trong những cảnh lãng mạn nhất và bất tử cùng

với tháng năm. Nhưng cái ban công được dàn dựng để quay cảnh đó không phải ở Verona như bây giờ mỗi năm hàng triệu người đến ngắm nó, sẵn sàng bỏ ra một số tiền nhất định để được tổ chức đám cưới hoặc leo lên đó, đứng ở chính chỗ mà Shakespeare mô tả là nàng Juliet đã nhận nụ hôn của Romeo vừa trèo lên. Cảnh ban công ấy được quay ở Palazzo Borghese, thành phố nhỏ Artena, cách Roma hai mươi cây số. Những câu chuyện về Romeo và Juliet có rất nhiều dị bản, thậm chí cuộc đối đầu của hai dòng họ Montecchi (trong tác phẩm của Shakespeare là "Montegue") và Cappelletti (Capulet) đã được thi hào Dante d'Alighieri đề cập đến trong tác phẩm *Thần khúc* trước khi đại văn hào người Anh sử dụng làm bối cảnh cho chuyện tình của đôi trai gái ở hai phía thù hận hơn hai thế kỷ. Sử sách Verona không nói một cách chi tiết những gì đã xảy ra với họ trong câu chuyện tình ấy. Các cuốn sách hướng dẫn du lịch về thành phố nằm mềm mại bên sông Adige này cũng chỉ đề cập một cách qua loa về bi kịch tình yêu của họ.

Những cuốn sách ấy đương nhiên giấu biệt đi một chi tiết mà ở Verona, nhiều người biết: ngôi nhà gắn biển "nhà của nàng Juliet" ấy thực ra trong những năm mà Shakespeare sáng tác vở bi kịch nổi tiếng của mình chưa bao giờ thuộc về dòng họ Cappelletti, sau này cũng thế. Nó đã từng là một biệt thự bị bỏ hoang, từng trở thành một quán rượu xập xệ, cũ kỹ, đổ nát và rơi vào tình trạng phá sản, để rồi mãi đến đầu thế kỷ hai mươi, mới được chính quyền thành phố mua lại, sửa chữa và bắt đầu thu hút khách du lịch ở khắp nơi trên thế giới bằng cách làm sống lại những huyền thoại về Romeo và Juliet. Sau bộ phim bất hủ của đạo diễn Zeffirelli, Verona trở thành thủ đô của tình yêu. Một làn sóng du khách, đặc biệt là các đôi uyên ương, đổ

về nơi này để thề hẹn và kỷ niệm tình yêu của họ, bất chấp một sự thật rằng, câu chuyện bi kịch ấy hoàn toàn không có thật, và cái cô Juliet kia, nếu có tồn tại trên đời, có lẽ không chết thảm cùng chàng Romeo như trong bi kịch của Shakespeare, mà lấy một anh chàng quý tộc nào đó, tên Giuliano chẳng hạn, đẻ cho anh ta dăm ba đứa con và sau đó chết già.

Vậy tình yêu phải chăng là phớt lờ thực tại, là tình cảm lấn át mọi cảnh báo của lý trí? Sự thi vị của cuộc sống và tình yêu được xây nên chủ yếu từ những điều viển vông mà chỉ có những ai đang yêu mới hiểu được? Mỗi lần đến thành phố thơ mộng ấy, bao giờ khi đi qua phố Cappello, tôi cũng rẽ vào ngõ nhà nàng, nhìn lên cái ban công có vẻ giản dị đến mức sơ sài ấy, và tự hỏi những điều đó. Nhưng người phụ nữ tóc đã bạc trắng trong *Thư gửi Juliet* chắc chắn không hỏi điều đó. Cô gái trẻ đã trả lời bà bức thư ấy rồi ký tên Juliet và sau đó yêu cháu trai của bà cũng không hỏi như thế. Hàng triệu cặp trai gái ở khắp nơi trên thế giới khi đến đây cũng thế. Phim và đời nhiều khi hòa làm một trong cái không khí mê hoặc đã dẫn họ đến đây, dưới ban công nhà nàng. Họ không quan tâm đến việc các nhà nghiên cứu văn học và tâm lý đã viết ra sao về những tầng ý nghĩa giấu trong câu chuyện tình của Romeo và Juliet, rằng đấy là biểu tượng cho tình yêu của giới trẻ và là tình yêu mù quáng, rằng Romeo đã dùng phép ẩn dụ để kiểm tra tình cảm của Juliet theo đúng ngôn ngữ của thời Shakespeare; rằng ở cảnh đôi tình nhân tự vẫn, có sự mâu thuẫn, vì trong đạo Cơ Đốc, tự sát là xuống địa ngục, trong khi những người chết cùng nhau để bảo vệ tình yêu tin rằng họ sẽ đến được thiên đường, nơi họ sẽ mãi mãi bên nhau không xa lìa... Có biết bao nhiêu điều ẩn chứa trong thông điệp về một tình yêu kết thúc trong bi kịch.

Không, chỉ những nhà nghiên cứu mới đi nghiên cứu và mổ xẻ tình yêu. Lý trí chỉ để dành cho các ông bà cụ. Lớp trẻ không quan tâm đến bản chất của tình yêu hay bất cứ điều gì khác không liên quan đến họ. Họ chỉ biết câu chuyện tình và cái chết của Romeo và Juliet làm họ xúc động đến nghẹn ngào. Họ tin rằng, sờ tay lên ngực phải bức tượng Juliet ở sân nhà nàng sẽ đem đến cho họ may mắn trong tình duyên. Họ đi qua cây cầu bắc qua sông Adige, và có lẽ cũng không muốn nhìn thấy ở một dây điện vắt qua, có ba chiếc khóa, hai chiếc bên nhau, một chiếc tách ra xa như dấu hiệu cho thấy hình ảnh ẩn dụ của một gia đình đã tan vỡ. Họ yêu và với họ như thế là đủ. Họ gắn khóa lên những cây cầu ở nhiều nơi trên đất Ý và châu Âu, ném chìa khóa xuống dòng nước. Họ thể hiện tình yêu của mình một cách cuồng nhiệt trên mạng xã hội. Họ kiếm tìm sự thi vị trong những bộ phim lãng mạn. Sự lãng mạn luôn tồn tại, phải tồn tại, theo nhiều cách khác nhau.

Có một lần, tôi trở lại Verona vào buổi tối. Trung tâm thành phố rực rỡ ánh đèn. Nhìn từ bên kia sông Adige sang khu phố cổ, mà thời đẹp nhất của nó chính là ở thế kỷ mười bốn, khi xảy ra câu chuyện của chàng Romeo và nàng Juliet, Verona như một nửa vầng trăng, nửa ra ánh sáng, nửa kia chìm trong bóng tối, với những câu chuyện đã được kể về Romeo và Juliet, và những câu chuyện khác chưa hoặc không bao giờ được kể về những cuộc tình đã được kỷ niệm hoặc vĩnh viễn tan vỡ ở đây của những con người đang sống giữa chúng ta. Tôi đi qua ngõ nhà nàng trên con đường lúc đó đã vắng vẻ, nhìn vào khoảng sân trống trải được chiếu sáng bởi những ngọn đèn, với chiếc ban công của Juliet chìa ra trong bóng tối. Cái ban công là biểu tượng cho nơi hẹn hò đầu tiên của biết bao người yêu nhau, giờ

dửng dưng và im lặng chứng kiến những gì đã diễn ra phía dưới nó. Những đêm hội tình yêu vào ngày 14 tháng Hai hằng năm luôn đông nghẹt những người hành hương về nơi này, họ cùng ngước lên chiếc ban công giản dị ấy và thề nguyện.

Dưới ban công nhà nàng Juliet tối hôm ấy, tôi chợt thảng thốt nhận ra, những câu hỏi như đã từng đặt ra ở trên quá lý trí. Người ta chỉ hỏi như thế không biết yêu, không còn yêu, không còn tin vào tình yêu hoặc đã yêu quá nhiều đến mức chai lì và giờ không còn bất cứ cảm giác nào nữa. Không, không phải như thế. Tôi còn yêu. Tôi không phải và không bao giờ là những nhà nghiên cứu, bởi tôi không thể đến Verona với một trái tim khô héo. Tôi cũng là một con người biết rung động và hiểu được ý nghĩa của tình yêu là thế nào, và từ giờ, sẽ không tìm cách giải nghĩa nó nữa, khi cuộc sống còn tiếp diễn. Hãy để cuộc sống và tình yêu diễn ra một cách tự nhiên nhất có thể, như nó vốn vậy, như những đôi bạn trẻ hằng ngày vẫn lũ lượt đổ đến khoảnh sân nhà nàng, hoặc thăm khu mộ của nàng. Họ có khi không cần biết điều gì thực sự đã xảy ra để làm cảm hứng cho Shakespeare viết nên vở kịch tuyệt vời ấy.

Họ cứ yêu, và lấy đó làm một phần lẽ sống. Yêu nhau, yêu nhân loại, yêu chính mình...

Bản ballad dành cho Genova

Hình như cuộc sống càng trở nên khắc nghiệt, những cảng biển, linh hồn của các thành phố, lâm vào tình trạng khó khăn do khủng hoảng kinh tế, nỗi bất mãn với thời cuộc, thì tình yêu càng trở thành một điều kỳ diệu ở nơi này.

Người đàn ông ấy ngồi rất lâu sau khi uống xong cốc cappuccino, không nói gì, bất động như một pho tượng và nhìn thật xa xăm thật lâu. Bao người đi qua ông không để ý. Một con chim bồ câu mổ những mảnh vụn bánh ngọt dưới chân ông cũng không hay. Những âm thanh của một đô thị sống động và ồn ã không làm ông phân tâm. Một bó hoa tím để trong chiếc túi nhỏ trên ghế bên cạnh ông. Hình như ông thở dài...



Thế rồi ông đứng dậy, chầm chậm như một thước phim quay chậm, lấy chiếc gậy cầm tay đưa ra phía trước, tay kia với lấy chiếc túi có bó hoa tím, và rồi

từ từ bước đi. Khu trung tâm cổ của Genova ồn ã và bận bịu là thế, với những dòng người liên tục lại qua, tiếng rao của những người bán hàng trong khu chợ cổ, tiếng máy trộn bê tông ở một công trường xây dựng nhỏ dường như trở nên bất động, im lặng và chìm khuất hoàn toàn khi tôi chứng kiến cảnh ấy. Những khu nhà cổ sừng sững từ thế kỷ mười bảy trở nên nhỏ bé, những chiếc ghế và bàn của quán cà phê có từ năm 1828 ở con ngõ ấy, nơi ông đi qua, dường như không tồn tại, thời gian như ngừng lại, câm nín và một buổi chiều đầu hạ trở nên mát mẻ hơn như mùa thu mới lại về.

Những người bán hàng trong một con ngõ nơi ông hay đi qua bảo rằng, mỗi tuần, người đàn ông đó lại đến uống cà phê ở quán cổ nhất Genova ấy vài lần, trong túi luôn có một bó hoa tím. Sau khi uống xong cốc cappuccino, ông mang bó hoa tươi đặt trên tấm bia tưởng niệm người vợ đã khuất của mình cách đó không xa. Ông đã đi qua con ngõ gập ghềnh ấy bao năm, đặt bao nhiêu bó hoa trên tấm bia ấy và trong bao nhiêu năm, nhiều người cũng không nhớ được nữa. Nhưng người đàn ông ở trung tâm Genova ấy đã trở thành một biểu tượng tình yêu ở một thành phố cảng cổ kính, đẹp đẽ và từ vài năm qua đang sống trong cảnh suy thoái kinh tế và xã hội, sống một cách vật vã trong cuộc chiến đấu với bão biển đã tràn vào đây mấy lần. Giữa những con phố nhỏ chạy dọc ngang ở khu trung tâm cổ, với những mái hiên thò ra các sạp hàng tạp hóa và thực phẩm, những cửa sổ khép hờ treo cờ Genoa hoặc Sampdoria - hai đội bóng không đội trời chung của thành phố, một biểu tượng khác của tình yêu từ các cổ động viên của họ, và cũng là một biểu tượng của sự thù địch - là một tình yêu thuần chất và đẹp lạ lùng của một người đàn ông cho vợ mình.

Mà những câu chuyện về tình yêu ở nơi này theo cách ấy nhiều lắm. Dưới ngọn đèn biển cao và cổ nhất nước Ý đêm đêm soi sáng những con tàu vào cảng là những huyền thoại sống về cách mà người ta yêu nhau. Hình như cuộc sống càng trở nên khắc nghiệt, những cảng biển, linh hồn của các thành phố, lâm vào tình trạng khó khăn do khủng hoảng kinh tế, nỗi bất mãn với thời cuộc, thì tình yêu càng trở thành một điều kỳ diệu ở nơi này. Mới rồi, người xứ Liguria xôn xao câu chuyện về một cậu bé mười bốn tuổi đã đạp xe một trăm ba mươi cây số từ Imperia đến Genova, để rồi từ đó định bắt tàu hỏa đến Milano để thăm người yêu bằng tuổi của mình. Chuyến đi vì tình ấy không thành, bởi cậu bé bị cảnh sát chặn lại ở Genova, sau khi họ nhận được tin bố mẹ cậu bé thông báo về việc con mình mất tích. Trước đấy nữa, là câu chuyện về một đôi trai gái yêu nhau muốn có mặt cùng nhau trong một trận derby Genova mà không thể thành hiện thực. Nàng là một "genoano" (cổ động viên của Genoa). Chàng là người "doriano" (ủng hộ đội Sampdoria). Nhưng không ai trong giới cổ động viên cho họ làm điều ấy. Người ta không thể chấp nhận nổi một người của Genoa yêu một người của Sampdoria và bên nhau trên khán đài của sân vận động Marassi, cho một trận đấu của hận thù chứ chưa bao giờ hàm nghĩa yêu thương, đơn giản bởi hai đội bóng ấy luôn căm ghét nhau.

Tình yêu là ấn tượng mới nhất của tôi về nơi này, và sẽ là một sự ám ảnh ngọt ngào về cuộc sống mà những chuyến đi dọc ngang nước Ý và châu Âu đã luôn đem đến cho tôi. Tôi đã qua Genova nhiều lần trong đời, mỗi lần qua đây chỉ vài ngày, và lúc nào cũng rẽ vào những con ngõ nhỏ chằng chịt của thủ phủ xứ Liguria để tìm kiếm một điều gì đó mà bản thân tôi

cũng không biết nữa. Tôi tìm gì ở đó, giữa những con ngõ nhỏ của Genova cổ kính và đầy bí hiểm, mà cứ mỗi một ngã rẽ lại dẫn đến một ngã khác, vòng vèo trong một ma trận mà đôi khi tôi cứ muốn đi mãi, không muốn ra? Một khẩu hiệu nào đó về bóng đá, nhắc đến những trận derby máu lửa chia đôi thành phố. Một góc phố vuông vức, nhỏ bé và lạnh lẽo trong một khu phố như bàn cờ, với những bức tường nguệch ngoạc những dòng chữ chửi bới các chính trị gia. Dây phơi ướt sũng quần áo dưới cửa sổ của một bà già đang đăm chiêu nhìn ra. Đôi trai gái hôn nhau dưới bức tranh Đức Mẹ cũ kỹ và tróc lở ở một góc phố leo lét ánh sáng của những ngọn đèn đã han gỉ. Quán ăn tồi tàn trong ngõ nhỏ. Cơn mưa mùa đông bất chợt ập tới đem theo cái rét thấu xương. Những dinh thự cổ từng một thời gắn bó với sức mạnh về quân sự và thương mại của Genova. Phấp phới trên cửa sổ là những lá cờ trắng với chữ thập màu đỏ, cờ của Giorgio, thánh bảo trợ của Genova. Một khu chợ gần cảng đang dần biến thành một dạng souq (chợ của người Bắc Phi). Thế rồi bây giờ là hình ảnh của một người đàn ông mang hoa tím cho một mối tình thủy chung không rời giữa ông, đang ở cõi tạm, và vợ ông, đang trên thiên đường. Hình ảnh ấy khiến tôi xúc động.

Hình như những thành phố cảng nước Ý luôn tạo nên cảm giác mạnh mẽ về sự giàu có, về chất văn hóa và bề dày lịch sử của chúng trong những khu phố cổ, nhưng lại đượm buồn trong một nhịp sống chầm chậm cứ thế trôi đi. Napoli ầm ĩ, ồn ã, những khu phố dài hết lên lại xuống vắt ngang dọc thành phố cứ thế đan xen mãi cho đến bến cảng, nhưng vẫn đượm một nét buồn nào đó trong một lần tôi đi ngang qua, xe bật một bản ballad của cố nhạc sĩ - ca sĩ Pino Daniele. Khu cổ của

Bari là một sự kết hợp nhẹ nhàng của những quảng trường, những nhà thờ, những khu phố buồn tẻ, những bước tường đá vẽ đầy tranh nguệch ngoạc. Trung tâm Taranto cổ kính là những khu nhà cũ rích không còn ai ở, những ngõ nhỏ tối tăm và rách nát chạy tới những quảng trường liêu xiêu nhà và đèn đường chao đi trong gió, những chú mèo hoang đi lang thang. Và rồi đâu đó bất ngờ vươn lên những tháp chuông nhà thờ. Palermo lại giống như một khu rừng lộn xộn và đầy dây leo, bởi những con phố ngoắt ngoéo của nó là một bức tranh pha trộn một cách kỳ lạ giữa những mảng tường mốc meo, những vỉa hè mấp mô, những chiếc ô tô đỗ không ra hàng lối, những ban công chìa ra như mời gọi, những con mèo ngồi tư lự nhìn đời. Ở những quảng trường nhỏ, bị bao vây giữa các ăng ten và dây điện, là các nhà thờ. Chúa và các thánh tồn tại một cách hữu cơ giữa cuộc sống hiện đại theo cách ấy. Genova không thế, trầm lắng hơn, nhẹ nhàng hơn, nhưng cũng suy tư nhiều hơn.

Có một lần tôi qua Genova vào một tối mùa đông, ẩm ướt, lạnh lẽo và xám xịt như một bức ảnh đen trắng buồn tẻ. Khách sạn mang tên Cristoforo Colombo(*) chỉ cách ngôi nhà, nơi đã sinh ra nhà hàng hải tìm ra châu Mỹ ấy mấy bước chân. Cổng Soprana, một cửa ô của Genova cũ kỹ từ gần một nghìn năm trước vẫn sừng sững ở đó với tháng năm. Ngay đấy là những nhà hàng, nhà nghỉ, những quán bar, hiệu thuốc. Cuộc sống của hiện tại pha trộn với hơi thở nồng nàn đượm vị biển

*. Cristoforo Colombo (1453-1506, theo tiếng Anh là Christopher Columbus) là nhà hàng hải người Genova, tuy nhiên ông dành hết thời gian và sự nghiệp của mình cho triều đình Tây Ban Nha. Colombo là người tìm ra châu Mỹ vào năm 1492. Hiện thi hài ông đang được đặt trong nhà thờ lớn Sevilla, Tây Ban Nha.

của một quá khứ đã qua từ rất lâu. Khách sạn nằm trên một con phố nhỏ, dài và dốc, chạy qua một dãy nhà cao tầng nhiều màu sắc nhưng đã cũ, với những cánh cửa sổ màu xanh lá cây đã phai màu đóng kín, nhưng nửa dưới lại có thể mở hé lên để người ngồi trong có thể nhìn xuống phía dưới mà không ai có thể nhìn thấy. Trời lạnh và gió biển thổi ào ạt vào mang theo vị mặn của nước, cái buốt giá của mùa đông đang đến gần. Gió lướt qua những hành lang của những khu chợ ghi lằng nhằng những dòng chữ thể hiện sự hận thù với cảnh sát, những khẩu hiệu chống lại đội bóng đối địch, những lời yêu đương của đám trẻ.

Đêm ấy, trời mưa to như trút. Trong tiếng mưa buồn nhưng hối hả bên cửa sổ, tôi bật một bản ballad của Fabrizio de Andrè. Trên loa, người nghệ sĩ nổi tiếng của Genova, người được coi là một Bob Dylan của nước Ý, hát:

Vắng em anh không biết đi đâu
Như một chú ruồi mù không còn cất cánh bay
Thề có Chúa trên trời, anh sẽ đợi em
Dù dưới đất hay trên trời anh cũng sẽ tìm em.

De Andrè hát rất nhiều về Genova, bằng cái giọng trầm và như kể chuyện của ông. Thành phố này hiện ra một cách trần trụi và đượm buồn trong những câu ca, luôn đầy màu sắc, những tương phản giữa các cuộc đời, những khu phố, tình yêu lứa đôi, các xóm chài ngoại ô và biển. Biển của những con tàu đã từ đây đi ra thế giới trong những thế kỷ mà Genova là một quyền lực ở Địa Trung Hải. Biển của những người đô đốc có tên Andrea Doria hay nhà hàng hải Cristoforo Colombo,

những đứa con vĩ đại của Genova. Gino Paoli, một người con khác của Genova, hát về nơi đã sinh ra ông ít hơn, nhưng tình yêu trong những câu hát của ông thật ngọt ngào và thi vị.

Và vào một buổi chiều nhìn thấy ông già với bó hoa tím kia, tôi lại văng vẳng bên tai giọng hát của De Andrè và Paoli, với những bản ballad tình yêu cho Genova. Tôi đi theo người đàn ông ấy một quãng, giơ máy ảnh lên và chụp. Và rồi, chợt như bừng tỉnh khi nhận ra mình vừa làm một điều không phải, như đang rình mò người khác, tôi dừng lại, bất chợt nhìn lên phía trên đầu. Ở đấy, trên một bức tường vàng vọt và lở loét vì thời gian, có một bảng đá ghi tên quảng trường nhỏ tôi đang đứng, "Amor perfetto" (Tình yêu hoàn hảo). Quảng trường ấy là nơi có dinh thự của gia đình nàng Tommasina Spinola, người có một mối tình sét đánh với vua Pháp Louis XII vào đầu thế kỷ mười sáu. Nàng đã chết sau đó không phải vì sự trả thù của người chồng hay ghen, mà vì đau buồn, sau khi có tin đồn thất thiệt đến tai rằng, Louis XII đã chết trận. Nhiều năm sau, biết tin về cái chết ấy, đức vua Pháp đã tới nhà nàng. Nhìn qua cửa sổ của dinh Spinola, từ một căn phòng nơi họ đã nhảy với nhau trong một bữa tiệc chào đón ngài đến thăm Genova vào năm 1502, ngài đã thốt lên câu này: "Đấy lẽ ra đã là một tình yêu hoàn hảo".

Tình yêu hoàn hảo có tồn tại hay không, tôi không biết nữa, vì định nghĩa như thế nào tùy thuộc vào những người đã, đang và sẽ yêu. Nhưng những câu chuyện về nàng Spinola, những câu hát của De Andrè và Paoli, những bản ballad tình buồn bã của Luigi Tenco, ca sĩ tài hoa đã tự tử vì tình yêu tan vỡ với giọng ca vàng Dalida ở Sanremo, cách Genova hơn một trăm cây số, nơi hằng năm vẫn diễn ra Liên hoan âm nhạc Italia

nổi tiếng, và ông già với bó hoa tím ở trung tâm Genova dường như là những mảnh ghép để tạo nên những kết nối giữa quá khứ và hiện tại của nơi này như thế. Những mảnh ghép của tình yêu bất tận.

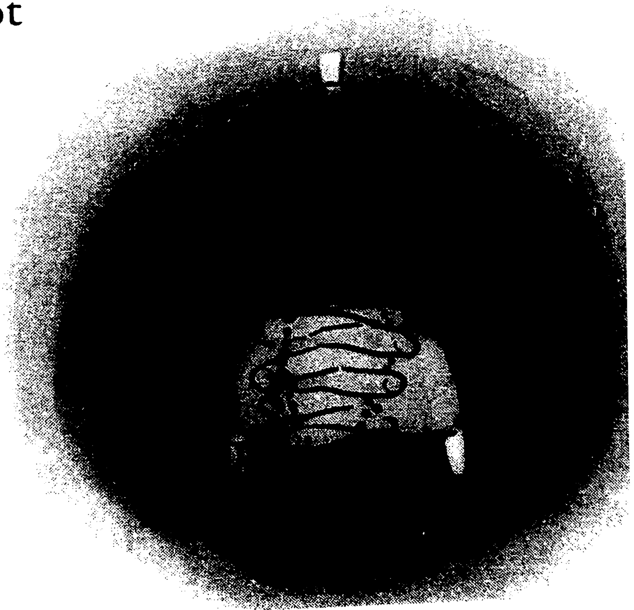
Genova, biển chiều dịu êm...

Bỏ Chúa để đến với tình yêu lứa đôi

Chuyện "tình yêu cha cố" trở nên ầm ĩ khi một nhóm hai mươi sáu phụ nữ Italia đã viết thư gửi đích danh Giáo hoàng Francis đề nghị ngài xem xét lại vấn đề độc thân của các linh mục, vì họ đang phải vụng trộm yêu những linh mục...

"Hỡi các con, ta rời bỏ các con để trở thành một người cha. Ta phải rời bỏ đời tu hành với một chút tiếc nuối, bởi thật tiếc, việc vừa là linh mục vừa là một người cha vẫn còn là một điều cấm kỵ trong nhà thờ".

Cha Claudio Cavallo, năm mươi tuổi, đã nói như thế với các con chiên trong buổi lễ cuối cùng của ngài ở giáo xứ, một tuyên bố đã khiến cha trở nên nổi tiếng trên khắp các phương tiện truyền thông ở Italia. Trong lịch sử, cha Cavallo không phải là vị linh mục đầu tiên trên đất nước hình chiếc ủng trút bỏ áo chùng để đi theo một người phụ



nữ, nhưng cái cách mà cha thông báo quyết định của mình một cách công khai trước các giáo hữu là điều mà trước đây chưa từng xảy ra, bởi nó không chỉ có thể tạo ra những cú sốc trên truyền thông, mà còn có thể khiến nhà thờ nổi giận. Nhưng phản ứng mà các giáo dân đến dự lễ cũng là điều chưa từng có trước đây: tất cả đứng dậy và dành cho cha Cavallo những tràng vỗ tay kéo dài nhiều phút, không khác gì khán giả tung hô một nghệ sĩ sau bài biểu diễn xuất sắc trên sân khấu, hoặc như các cổ động viên trên sân bóng cảm ơn một cầu thủ khi anh rời sân sau một trận đấu tuyệt vời.

Đó là điều đã xảy ra ở giáo xứ Borgo San Dalmazzo, một địa phương có mười hai nghìn dân ở tỉnh Cuneo, vùng Piemonte, miền Bắc Italia, khi cha Cavallo bất ngờ đưa ra tuyên bố của mình vào một buổi làm lễ thánh vào năm 2015. Sau một bài giảng về nghĩa vụ của các giáo dân đối với Chúa và với gia đình, cha Cavallo bắt đầu nói về việc của riêng mình, việc cha đã có một quá trình suy nghĩ, cầu nguyện và quyết định lựa chọn cuối cùng. Cha nói lên sự thật, như một cách giải phóng áp lực nặng nề trên vai. Trước đó, ở xứ đạo này, người ta đã âm ỉ một tin đồn rằng, sẽ có một cha xứ lên chức bố. Mẹ của đứa bé là một giáo dân gần bằng tuổi cha Cavallo và vừa ly dị chồng. Một scandal dường như có nguy cơ bùng nổ nếu như cha Cavallo không lên tiếng. Điều gì sẽ tới nếu ngài phủ nhận? Cha xứ có con với một người phụ nữ bỏ chồng, ở đất nước mà nhà thờ Công giáo là một thế lực kinh khủng can thiệp vào mọi điều mang tính đạo đức?

Điều mà dư luận Italia quan tâm hóa ra không phải là việc cha Cavallo có lên tiếng hay không, mà chính là phản ứng của các giáo dân trước những gì đã xảy ra. Một phụ nữ ở Borgo

San Dalmazzo nói trên ti vi rằng, cha Cavallo đã nói những câu đầy xúc động về một vấn đề mà ở đây, họ đã bàn tán từ lâu. "Chúng tôi hoàn toàn chia sẻ với quyết định của cha". Một phụ nữ khác nói thêm: "Đây đâu phải là cha xứ đầu tiên ở vùng này bỏ đạo vì một phụ nữ. Nhưng có lẽ là cha Cavallo đã chờ hơi lâu trước khi đưa ra tuyên bố, có lẽ vì e ngại những lời đồn đại gây tác hại lớn sẽ tiếp tục bung ra". Nhưng dưới mắt của phụ nữ, cha Cavallo là người thế nào? Một phụ nữ khác nói trên một tuần báo rất uy tín: "Đấy là một người đẹp trai". Những người khác nói thêm rằng, cha bắt đầu đời linh mục vào năm hai mươi lăm tuổi, là em trai của một phóng viên địa phương và chưa bao giờ họ nghe những lời phàn nàn nào về lối sống của cha. Tóm lại, đấy là một vị linh mục không có gì đáng chê trách, nhưng câu chuyện đời cha xảy ra cũng xảy ra trong một thời điểm mà cái nhìn về đời sống của các linh mục của công chúng đã trở nên cởi mở hơn, trong khi những làn sóng mới mẻ đang dâng lên trong xã hội.

Câu chuyện của cha Cavallo, người bị buộc phải rời bỏ xứ đạo để trở về cuộc sống đời thường khi làm cha, đã một lần nữa nêu lên những vấn đề khá nóng bỏng đối với các giáo lý Công giáo. Theo giáo luật, những người đã theo đời sống linh mục buộc phải sống cuộc đời độc thân và tận hiến cho Chúa. Rất nhiều vấn đề đã nảy sinh xung quanh điều ấy và đã trở thành một cuộc tranh cãi lớn bên trong cũng như bên ngoài nhà thờ liên quan đến việc có nên cho các linh mục được lập gia đình hay không. Cho đến bây giờ, Giáo hội Công giáo vẫn đóng cửa với những vấn đề nhạy cảm như thế, dù điều mà họ đã và đang phải đương đầu trong nhiều năm qua đã khiến hình ảnh của nhà thờ bị hoen ố: tình trạng lạm dụng tình dục trẻ em trong các giáo sĩ

ở nhiều nơi trên thế giới lan tràn. Nhiều người đã cho rằng, tình trạng này nảy sinh là do hoàn cảnh sống độc thân của các cha, những người đã nguyện sống một cuộc đời vì Chúa và hy sinh cuộc sống, cũng như những ham muốn bản năng vì Chúa.

Những scandal lạm dụng tình dục như thế không nhiều ở Italia, nhưng việc các cha xứ cởi áo linh mục để về với đời vì tình yêu lại không phải là chuyện hiếm. Nhiều năm trước, nước Ý đã từng rúng động về việc một linh mục ở miền Bắc tuyên bố bỏ xứ đạo để lập gia đình với một cô gái làng chơi người Nigeria, người mà cha bắt gặp ở trên đường phố và đem lòng thương cảm khi biết cô bị đánh đập và hành hạ nhiều lần. Mối tình ấy đã được báo chí lúc đó mô tả như một câu chuyện kỳ lạ và đầy lãng mạn trong một thế giới đầy bon chen, giả dối và thực dụng. Trong một đất nước lãng mạn của tình yêu nhưng cũng sùng đạo bậc nhất như Italia, những câu chuyện như của vị linh mục đã lập gia đình với cô gái điếm và chuyện của cha Cavallo, bây giờ đang bắt đầu cuộc sống gia đình với người phụ nữ ông đã bí mật yêu trong nhiều năm và sắp làm đám cưới, khiến người ta tin, tình yêu lứa đôi và tình yêu với Chúa bị buộc phải loại bỏ nhau. Cha Cavallo đã tiếc nuối khi rời xứ đạo, nhưng ông vẫn chọn tình yêu lứa đôi hơn là chọn Chúa (một nữ tu sĩ ở giáo xứ gần Roma cũng đã lựa chọn rời bỏ tu viện để đến với tình yêu thực sự của đời mình, khi trong bụng xơ là một đứa trẻ). Trước câu chuyện ấy, không ít giáo dân của cha Cavallo đã cho rằng, Giáo hội nên "tạo điều kiện cho các cha lấy vợ" và "khi thời gian trôi qua, những câu chuyện như của cha Cavallo sẽ trở nên bình thường. Nếu chúng ta không để các cha xứ lập gia đình, rồi sẽ có lúc không thanh niên nào muốn làm linh mục nữa".

Đấy không phải là những lời đùa cợt của một ai đó mà là những lời rất nghiêm túc của một số giáo dân ở Borgo San Dalmazzo trên tạp chí *l'Espresso*. Trong một thế giới mở và ngày càng nhiều cấm kỵ bị loại bỏ, những câu chuyện giống như phim của cha Cavallo trên thực tế đã thành hiện thực. Những nhà làm phim người Italia thỉnh thoảng vẫn đưa chi tiết các cha cố bí mật yêu một cô gái nào đó, trong một mối tình bị xã hội lên án và người đời xì xầm, như một ẩn dụ về mối xung khắc trong quan niệm giữa tình yêu tinh thần và tình yêu xác thịt, giữa tình yêu với Chúa và tình yêu với một người phụ nữ thực sự và cụ thể, giữa sự thanh cao trong tình yêu có được nhờ sự tận hiến và những cám dỗ trần tục như quỷ Satan của một cuộc sống đời thường. Các phim ấy cũng xoáy sâu vào những cuộc đấu tranh nội tâm của những người mặc áo tu hành, một cuộc chiến tưởng như bất tận và đau khổ. Một cuộc cởi trói thực sự về tinh thần và đạo đức cho những người mặc áo chùng, hay đơn giản là mô tả những vấn đề của cuộc sống và xã hội đã tác động thế nào lên họ, điều mà nhà thờ đã ra sức ngăn cản?

Những vấn đề liên quan đến "tình yêu cha cố" cũng trở nên ầm ĩ khi một nhóm hai mươi sáu phụ nữ Italia đã viết thư gửi đích danh Giáo hoàng Francis để bày tỏ ý nguyện được nghe ngài phá vỡ sự im lặng liên quan đến việc này. Họ không giấu giếm rằng họ đang có những quan hệ tình cảm với các linh mục và mong muốn Giáo hội hãy "xem xét lại" vấn đề về tình trạng sống độc thân của các linh mục, để "chấm dứt những nỗi đau khổ và chịu đựng" của họ khi yêu trong hoàn cảnh bị ngăn cấm. Lá thư có đoạn: "Chúng tôi yêu những người đàn ông ấy, và rất nhiều lần không thể nào yêu nhau như bình thường được". Bức thư viết tiếp: "Cả chúng tôi và các cha xứ đều đau

khổ. Chúng tôi vẫn muốn họ tiếp tục phụng sự cộng đồng, nhưng cũng muốn họ là những người đàn ông của đời mình. Điều đau khổ hơn cả, là chúng tôi phải yêu họ một cách vụng trộm".

Dư luận Italia đã rúng động vì lá thư ấy. Cho đến giờ, vẫn chưa có ai trong Giáo hội lên tiếng về điều này...

Phần ba

Trên những nẻo đường Italia

Hôn trên đỉnh Etna

Cả một vùng đỏ rực ở phía trước trên nền xanh thẫm của bầu trời Địa Trung Hải. Gió lạnh rít bên tai. Mùi khói khét từ cột khói trắng của đỉnh Etna phía sau đang phun ra thoang thoảng đâu đó. Trái tim tôi thắt lại vì nghĩ mình sắp mất một điều gì đó khi quầng lửa phía xa cứ khuất dần...

Với độ cao 3.329 mét, Etna là ngọn núi lửa cao nhất châu Âu vẫn còn đang hoạt động. Theo thần thoại Hy Lạp, thần Zeus đã nhốt con quỷ Typhon dưới ngọn núi này. Lò rèn của thần thợ rèn Hephaestos cũng nằm ở chân núi này. Năm 2013, núi Etna và vùng xung quanh được đưa vào danh sách bảo tồn của UNESCO.



Tôi cứ ngỡ Santo nói đùa khi ông bảo, hôm nay lên Etna không cần mang theo ô. Nhưng gương mặt của người dẫn đường lên ngọn núi lửa cao nhất châu Âu ấy không có gì là đùa cợt. Ông chỉ lên đỉnh ngọn núi ở mờ xa vẫn đang nhả khói trắng ở phía trước, lấp loáng ánh nắng sau màn kính xe và bảo rằng, đối với người dân thành phố Catania gần đó và những ai sống dưới chân Etna, dự báo thời tiết hằng ngày thông báo nắng mưa hay tuyết không đủ với họ, bởi sống chung với một ngọn núi lửa còn đang hoạt động, cần phải có thêm những kiến thức khác. Khi người ta ra khỏi nhà với một chiếc ô, đấy chưa chắc là vì trời mưa. Vì ở quanh Etna, đôi khi cái rơi xuống không phải nước mưa, mà là bụi từ núi lửa, đen như bồ hóng và nặng mùi như xỉ than.

Những câu chuyện về bụi núi lửa ở Etna có lẽ chẳng bao giờ hết, bởi cũng như không khí để thở và nước để uống, bụi núi lửa và nham thạch đã trở thành một phần của cuộc sống nơi này. Người Hy Lạp cổ đại, người La Mã, người Arab, người Norman, người Tây Ban Nha... tất cả những tộc người đã chinh phục đảo Sicilia này và sống ở đây kể từ đó, xây nên những nền móng văn hóa và lịch sử, đều đã sống chung với Etna và chứng kiến những đợt phun trào mạnh mẽ của nó dưới trời Địa Trung Hải. Người Sicilia cổ đại đã gọi nó là Adrano, những người Hy Lạp gọi Etna là Efesto, đối với người La Mã, đấy là Vulcano. 2.400 năm trước, Empedocles, một nhà triết học người Hy Lạp cổ, đã leo lên tận miệng của Etna để chứng minh rằng Efesto không hề tồn tại. Sau đấy, không ai biết điều gì đã xảy ra với ông nữa. Chỉ biết là người ta đã đặt tên cho một đỉnh của Etna là "Tháp triết học", có lẽ là để tưởng nhớ nơi ông đã nhảy vào miệng Etna đang phun trào để trở thành bất

tử, như một truyền thuyết cổ để lại. Etna, trên hết là một thực thể sống đáng sợ luôn luôn thường trực đe dọa cuộc sống hằng ngày của tất cả. Đe dọa bằng cả những cơn mưa bụi đen sì.

Gần năm thế kỷ trước, những cơn mưa bụi thậm chí đã khiến các cha của dòng Benedictine ở tu viện San Nicola all'Arena nằm lơ lửng ở lưng chừng Etna phải bỏ chạy đến nơi khác, khi hầu như toàn bộ nơi này sau đó bị lấp kín. Nhưng chỗ của họ nhanh chóng được thay thế bởi những khu vườn. Những người nông dân không hề từ chối món quà mà Etna ban tặng. Những khu vườn bị lấp đi sau những đợt phun trào, lại có những khu vườn khác cứ thế mọc lên trên nền vườn cũ. Nham thạch và tro núi lửa đã tràn xuống Catania nhiều thế kỷ trước và tiếp tục hủy hoại cuộc sống ở nơi này kể cả trong thế kỷ hai mươi lẫn đầu thế kỷ hai mươi mốt. Hầu hết những thị trấn nhỏ nằm trên các con đường leo lên Etna, trong một diện tích rộng hàng nghìn cây số vuông, đã từng ít nhất một lần bị nham thạch tràn qua hoặc bị bụi núi lửa vùi lấp. Hơn sáu nghìn người đã chết khi Etna rùng mình thức dậy sau một cơn ác mộng nặng nề vào năm 1669. Rất nhiều công trình, nhà cửa ở dưới chân núi đã bị phá hủy khi nó lên cơn đợt dữ dội gần nhất vào năm 2002. Đến bây giờ, Etna như đang ngủ. Khói vẫn bốc lên từ một miệng vẫn phủ tuyết ngay trong mùa hè của nó. Và người ta theo dõi nó song song với dự báo thời tiết hằng ngày.

Nhưng sức sống là bất diệt. Những nhà thờ, nhà nguyện vẫn mọc lên ở nơi này, cái sau mọc lên khi cái trước bị vùi lấp. Chúa và Đức Mẹ vẫn hiện diện ở khắp nơi như thể hiện một niềm tin bất diệt vào sự phù hộ (nhưng đôi khi cả giận dỗi) của Chúa trời đối với vùng Etna. Chúa trừng phạt tất cả vì những tội lỗi con người đã mắc phải trên hành trình đời của

họ, nhưng Chúa lại ban cho họ sự màu mỡ trên những thửa vườn phì nhiêu ở dưới chân Etna. Những người sùng đạo ở đây, như Santo, nói rằng Đức Mẹ cũng đã phù hộ để những dòng nham thạch trào xuống từ miệng Etna tránh các thị trấn Bronte và Zafferana dưới chân núi vào các năm 1651, 1792 và 1992 và cũng biến những nơi ấy thành những vùng đất trù phú nhất của vùng này. Và vì thế, người ta vừa sợ Etna vừa yêu quý nó. Castiglione di Sicilia và Milo cho những chai vang loại "Etna doc" ngon nhất từ các vườn nho trên đất núi lửa. Ragalna và Bronte nổi tiếng nhờ ô liu. Sant' Alfio được nhắc tới với những quả óc chó. Maletto cho dâu, Pedara cho táo ngọt và Zafferana Etnea là một vương quốc của hạt dẻ. Etna là cuộc sống, nhưng đôi khi cũng là cái chết. Hòn đảo đẹp đẽ có tên Sicilia với những thành phố và thị trấn nho nhỏ này cũng thế, đẹp đẽ, cổ kính và lãng mạn, nhưng cũng chất chứa trong đó biết bao nỗi niềm.

Xe chạy trên những con đường ngoằn ngoèo để dẫn đến đích là đỉnh phía bắc của dãy Etna, qua những cánh rừng hạt dẻ, những ngôi nhà cổ xiêu vẹo bên đường của các thị trấn nhỏ, chẳng hạn Fiumifreddo, nơi đã quay nhiều cảnh của bộ phim *Bố già* gắn liền với quãng thời gian ẩn náu tại Sicilia của Michael Corleone, chạy xuyên qua những cánh rừng thông có nhiều chỗ xơ xác và cháy nham nhở vì những đợt phun trào gần nhất. Santo bảo rằng, mới rồi, một cơn lũ nham thạch đã tràn qua đây, nhưng không chảy vào con đường hằng tuần đưa các du khách thích thám hiểm lên đỉnh Etna, không xuống những thị trấn nhỏ phía bên dưới mà chỉ tạo ra một bãi nham thạch đen sì rải rác trên đường đi. Ở độ cao 1.900 mét là một trạm nghỉ lớn, nơi xe dừng lại vì từ đây không một ô tô lốp thường

nào có thể đi lên cao hơn được nữa, nham thạch ở khắp nơi, tràn ngập cả thung lũng chạy đến một vực núi chìa ra phía gần biển và bốc lên một thứ mùi nằng nặng như xỉ than.

Không thể đi trên những "cánh đồng" nham thạch lởm chởm sắc cạnh ấy nếu không có giày leo núi. Và cũng không thể lên những điểm cao hơn ở phía trên nếu như không có những xe đặc biệt lốp dày và cao đến hơn một mét, bởi đường rất ngoằn ngoèo, khó đi, lượn giữa những vách núi dựng đứng, những thung lũng mờ trong mây. Trong ánh nắng đang dần xuống của một ngày giữa hạ, những chiếc xe bánh lớn lầm lũi leo lên những con dốc cao, để lại phía sau những đám bụi trắng mờ nhanh chóng tan đi dưới gió ngày càng thổi mạnh và lạnh buốt. Thế rồi ở đâu đó, trong những thung lũng vừa lướt qua, màu trắng của tuyết không lẫn vào đâu được hiện ra trong chốc lát. Tuyết vẫn không tan dưới ánh mặt trời của mùa hạ ở độ cao trên hai nghìn mét, tạo thành một bảng màu thú vị ở nơi tôi đã qua: màu xanh ngắt của trời ở trên đầu, màu xanh thẫm của những rặng núi phía trước, màu đỏ nhạt của mặt trời đang xuống, màu đen của nham thạch và màu trắng của tuyết. Bức tranh tuyệt đẹp ấy chắc chắn không thể nào làm những ai đã chứng kiến có thể mau quên.

Mà những mảng màu như thế ở Etna không thiếu. Trong nhiều thế kỷ, núi lửa đã cung cấp cho người dân nơi này rất nhiều thứ. Một người dân ở lưng chừng núi nói với tôi rằng, có ba món quà mà Chúa đã trao cho Etna để rồi ngọn núi lửa ấy, "il gigante buono", người khổng lồ tốt bụng, như cách mà người ta gọi Etna, đã trao lại cho người dân. Món quà màu trắng là tuyết, màu vàng là các cây đậu chổi và màu đen là nham thạch, một thời đã trở thành vật liệu

xây dựng. Tất cả những thị trấn nơi này đều có những công trình tượng đài hoặc nhà ở có màu của núi lửa Etna. Nhưng vào mùa đông, khi những đỉnh núi và thung lũng phủ đầy tuyết trắng xóa, người ta đã từng dùng tuyết ở Etna để bảo quản lương thực vào thời chưa có tủ lạnh. Từ sớm, những "nevaiolo" (người đi lấy tuyết) và những con lừa của họ đã leo lên Etna và lấy tuyết cho trong những bao tải rồi đưa xuống các thị trấn.

Bây giờ, những đoàn lừa chở tuyết như thế không còn nữa. Chỉ có những chiếc xe lốp to lầm lũi chở những đoàn thám hiểm, những nhóm du khách, những người trượt tuyết lên phía trên. Ở đó, trên độ cao 2.500 mét, một thung lũng lớn và thoai thoải mở ra đón chào tất cả. Không gì có thể sống được ở trên đó, do độ cao lớn và điều kiện khắc nghiệt, ngoại trừ những bụi cây lá kim lớn nở hoa vàng rực rỡ. Những miệng núi lửa đã tắt sâu hoắm như một cái phễu hiện ra sau những bước chân tìm kiếm trên mặt núi lửa lạo xạo đá và nham thạch. Không gian như mở ra, rộng hơn, con người trở nên nhỏ bé và cô đơn giữa vạn vật. Xa tít tắp phía chân trời là màu xanh mờ của Địa Trung Hải và mặt trời đỏ ối ở phía đó, vừa như nhức nhối, lại vừa quyến rũ mời gọi. Nhưng để ngắm mặt trời lặn, vẫn phải lên nữa, trên độ cao hơn ba nghìn mét và xe lại chạy, với điểm mốc chính là cột khói đang bốc lên từ một miệng chưa tắt của Etna.

Qua cửa kính xe rung bần bật chạy trên con đường lên đỉnh, tôi không rời mắt khỏi cột khói ấy. Tôi bị ám ảnh bởi vẻ đẹp chết chóc của nó từ xa, khi di chuyển đến Taormina, nơi từ một nhà hát cổ Hy Lạp trên núi có thể nhìn thấy Etna. Tôi cũng đã nhìn thấy những đám khói có màu hồng trong ánh

chiều khi ở cách xa vài chục cây số, trên đường đến Taormina, nhưng màu chuyển sang trắng đục khi ta đã ở rất gần nó. Màu trắng gần gũi và không hề gợi lên một cảm giác bí hiểm và sờ sợ như cảm giác tôi luôn có mỗi lần tôi lái xe qua vùng Campania, ngắm nhìn núi lửa Vesuvio lừng lững từ xa. Ngọn núi ấy đã ngừng hoạt động kể từ lần cuối phun trào vào năm 1943, nhưng vẫn tạo ra nỗi lo lắng mơ hồ về một ngày nào đó nó sẽ thức dậy và nhấn chìm một thành phố nào đó dưới chân, chẳng hạn Napoli, như đã hủy hoại Pompei và Ercolano vào năm 79 sau Công nguyên. Etna thì vẫn thiu thiu ngủ. Nó vẫn nhả khói hằng ngày, hiền dịu một cách lãng mạn và dường như đã có lúc khiến cho người ta tin rằng, nó êm ả như một cô gái xinh đẹp thỉnh thoảng mới gầm gừ để biến thành một mụ già khó chiều. Nhưng chính Etna lại đem đến cho tôi một cảm giác bình yên và lãng mạn, cho một giấc mơ đã ấp ủ cả cuộc đời sắp thành hiện thực: ngắm hoàng hôn trên một ngọn núi lửa còn đang hoạt động.

Xe dừng hẳn ở độ cao ba nghìn mét, điểm dừng chân cuối cùng, khi mặt trời bắt đầu lặn xuống biển. Cả một vùng đỏ rực ở phía trước trên nền xanh thẫm của bầu trời Địa Trung Hải. Gió lạnh rít bên tai. Mùi khét từ cột khói trắng của đỉnh Etna phía sau đang phun ra thoang thoảng đâu đó. Trái tim tôi thắt lại vì nghĩ mình sắp mất một điều gì đó khi quầng lửa phía xa cứ khuất dần. Người Ý hay bảo rằng, hãy ước một điều gì đó khi chứng kiến hoàng hôn. Tôi không ước gì hết, chỉ mong những giây phút này chậm lại, mong thời gian dừng hẳn, mặt trời đóng khung giữa mây trời, và biển xa xa xanh thăm thẳm như vô tận. Những thành phố và thị trấn phía dưới chìm trong một màn mây pha lẫn sương màu hồng nhạt. Bỗng nhiên

những câu thơ của Empedocles trước khi chết trên đỉnh Etna vang lên bên tai tôi:

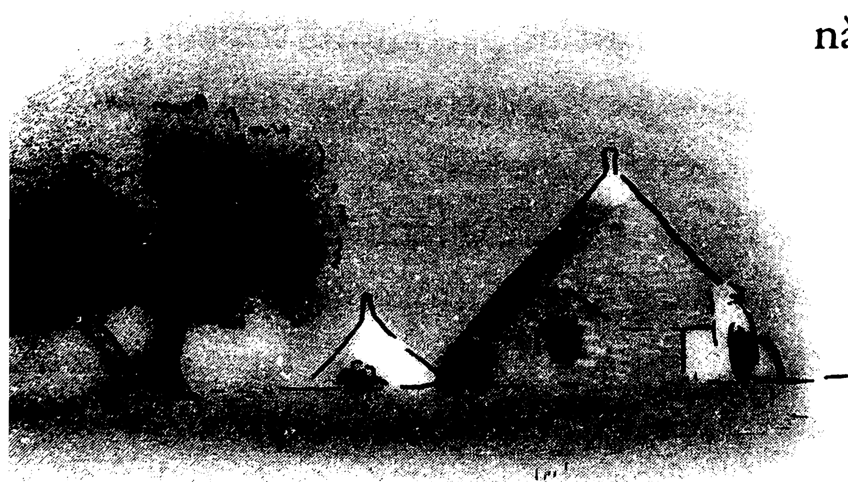
Tất cả vạn vật sẽ trở lại điểm khởi đầu
Cơ thể ta về với đất
Máu ta về với nước
Cái nóng về với lửa
Và hơi thở về với không khí.

Phía trước mặt, có một đôi trai gái Ấn Độ đang hôn nhau trong ánh hoàng hôn. Chàng trai ghé môi nói vào tai cô một điều gì đó. Cô cười trong gió lạnh, khi nắng nhạt dần ở cuối chân trời. Họ vừa nói một điều gì đó. Một lời yêu, một lời nguyện cầu, một lời cầu hôn? Không ai biết. Nhưng họ hôn nhau một lần nữa. Mặt trời lặn dần và gió không ngừng thổi...

Ở dưới gót của chiếc ủng Italia

Người ta sống bằng ô liu, chết cũng vì nó. Hàng thế hệ những người Puglia đã gắn bó cuộc đời mình trong bao thế kỷ với những cái cây đầy vẻ khắc khổ ấy, ở vùng đất mà dường như chính nước Ý cũng đã lãng quên...

Hành trình đến điểm tận cùng của một mảnh đất bao giờ cũng đem lại một cảm giác thích thú đến khó tả. Con đường bị chặn lại ở chính điểm tận cùng ấy. Bầu trời mở ra mênh mông xanh thẳm phía trên vừa như mời gọi một cách mơ màng, vừa như một sự đe dọa nào đó trước sự nhỏ bé của con người đơn độc ở phía dưới. Và biển ùa ra phía trước trong một màu xanh bất tận.



Loris và Tosca bảo rằng, ở Santa Maria di Leuca này, có thể nhìn rất rõ nước của biển Adriatico và Ionio đã hòa vào nhau thế nào ở điểm cuối cùng của nước Ý, mũi Punta Ristola. Ông bà chủ

dễ mến và hay chuyện của cái quán bar bên cạnh trạm xăng nhỏ - có lẽ là trạm cuối cùng của nước Ý trên cung đường đến điểm xa nhất về phía đông ấy - không sai. Từ nhà thờ Santa Maria di Leuca, nơi một ngọn đèn biển cao lớn sừng sững đã hàng thế kỷ soi đường cho tàu bè lại qua, có thể nhìn thấy sự khác biệt của màu nước ở mũi Ristola ấy, khác đúng theo cái cách mà có lần đứng ở điểm tận cùng của châu Phi, giữa trời mây mênh mông và gió nổi, tôi đã nhìn thấy vùng tiếp giáp giữa Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.

Khu quảng trường lớn của nhà thờ, với bức tượng Giáo hoàng Benedict XVI, được dựng lên để kỷ niệm ngày Giáo hoàng đến thăm nơi đây gần mười năm trước, là nơi có thể nhìn thấy cả một vùng xa thẳm của nước Ý giữa mênh mông của gió biển và sóng. Từ ngọn núi ấy nhìn xuống, mũi Ristola trông như một con rắn nhỏ đang lao ra giữa mênh mông nước. Và ở một mỏm đá của mũi, nơi sóng vỗ ào ạt phía dưới, trong tiếng gió gào thét của một buổi chiều như có bão, cô độc bức tượng của Thánh Padre Pio đang nhìn ra điểm tiếp giáp của hai biển Adriatico và Ionio. Người dân ở đây bảo rằng, Thánh Padre Pio là người phù hộ cho tất cả tàu thuyền đi qua đây, nơi mà vào một ngày trời trong, có thể nhìn thấy nơi gần nhất của Albania, phía bên kia biển Adriatico. Những truyền thuyết lại bảo, chính ở nơi này, những nàng tiên cá hay nổi lên trong những đêm trăng, và kéo xuống nước bất cứ thủy thủ nào mê mệt với tiếng hát của họ. Trong một chốc lát bất chợt, tôi nhắm mắt lại và thấy mình như đang trong một giấc mơ. Có một ngày nào đó trong một chuyến đi xa nhiều năm trước, tôi đã ở nơi tận cùng của thế giới. Và bây giờ, trong một chuyến đi khác, ở đất nước đã gắn bó nhiều năm của cuộc đời, tôi đang ở điểm

xa nhất của nó. Nếu hình dung nước Ý là một chiếc ủng, thì Leuca nằm chính giữa gót của nó. Không, tôi không mơ.

Người La Mã đã gọi vùng đất này là "Finis Terae", mảnh đất nơi tận cùng. Và Puglia, vùng đất chứa Leuca, với một lịch sử lâu đời gắn liền với những truyền thuyết của Hy Lạp cổ đại, chính là nơi xa nhất của nước Ý. Xa trên nhiều nghĩa, về địa lý, về kinh tế, về chính trị, về cả lối sống lẫn con người. Leuca, cũng như nhiều nơi khác ở miền Nam này, giống như một thế giới khác, một phần thừa của nước Ý. Và cũng chính vì thế, rất ít người biết đến Puglia. Những dòng khách du lịch cũng không mấy khi đi xa đến tận nơi này. Nhưng dưới bầu trời xanh thăm thẳm và gió lồng lộng ấy, tôi cảm thấy mình gần gũi với họ và bỗng dưng phải lòng cái nơi bạt ngàn ô liu này. Ô liu ở khắp nơi trên mảnh đất Puglia, ở cả Leuca, bên những con đường nhỏ vắng vẻ chạy dọc bán đảo đến điểm tận cùng của nước Ý, trong những khu vườn cũ không có bóng người, bên lề những thị trấn nhỏ liêu xiêu những nóc nhà cổ với tường sơn trắng dưới nắng chiều. Một nửa sản lượng dầu ô liu của Ý và hơn một phần mười của thế giới đi ra từ dải đất này. Người ta sống bằng ô liu, chết cũng vì nó, lao đao vì một loại vi khuẩn đã giết chết hàng loạt cây trong những năm qua. Hàng thế hệ những người Puglia đã gắn bó cuộc đời mình trong bao thế kỷ với những cái cây đầy vẻ khắc khổ ấy, ở vùng đất mà dường như chính nước Ý cũng đã lãng quên nó trong bao năm, đến mức người dân ở nơi này đã tự gọi nơi này là "Far West Italia" (miền Viễn Tây Italia).

Mà quả thật, ở xứ sở này, đường cao tốc kết thúc ở Brindisi, nơi cách Leuca hơn hai trăm cây số. Sân bay gần nhất và thuận tiện nhất cũng ở Brindisi. Đường tàu hỏa nối với thủ

đô Roma, sau mấy chặng đổi tàu, đi xa hơn một chút, xuống đến Lecce. Nhưng từ đó đến những nơi xa xôi hơn nữa của mảnh đất này, không có gì ngoài những con đường quốc lộ gồ ghề, xấu xí, với rất nhiều ổ gà, thỉnh thoảng lại chạy qua những thị trấn nhỏ nhìn có vẻ buồn tẻ, với những ông già bán cam hay rau chất trên những chiếc xe lam ba bánh bên vệ đường. Có những thành phố với những khu phố cổ lở loét và bị bỏ hoang như ở Taranto, một thực thể buồn của xứ Puglia, nơi mà mấy năm qua, người ta đang sống trong cảnh bần cùng và tức giận vì Ilva, nhà máy lớn nhất miền Nam Italia, đang muốn sa thải hàng loạt công nhân do khủng hoảng kinh tế. Những trang báo thỉnh thoảng lại được lấp đầy bởi các vụ giết người tàn bạo do Santa Corona Unita(*), mafia của Puglia, gây ra. Taranto hầu như năm nào cũng đứng cuối bảng xếp hạng những thành phố đáng sống nhất ở Italia. Cái chết đôi khi trở thành một lối thoát nhanh chóng ở nơi này.

Nhưng đấy là ban ngày. Ban đêm, ở dải đất tận cùng nước Ý này là một thế giới khác. Puglia cũng giống như làng Macondo trong *Trăm năm cô đơn* của Gabriel Garcia Marquez(**), một nơi vừa có thực, lại vừa như trong hư ảo, bởi đằng sau những góc phố, những ảnh thờ Đức Mẹ trên các bức tường lở loét, những

---

*. Santa Corona Unita là một trong bốn hệ thống mafia truyền thống đang hoạt động trên đất Italia, cùng với Cosa Nostra ở đảo Sicilia, 'Ndrangheta ở xứ Calabria và camorra ở vùng Campania.

**. Gabriel Garcia Marquez (1927-2014), nhà văn lỗi lạc người Colombia, được coi là một trong số nhà văn viết tiếng Tây Ban Nha vĩ đại nhất thế kỷ hai mươi. Ông được trao giải Nobel Văn học năm 1982. Các tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là *Trăm năm cô đơn* (1967), *Mùa thu của vị trưởng lão* (1975) và *Tình yêu thời thổ tả* (1985).

nhà thờ kiểu Baroque, những con phố hẹp và chằng chịt dây điện, những con đường hai bên rợp bóng cây ô liu và cả sự rình rập của tội ác, với những cái chết được mafia gieo rắc đây đó, là một cuộc sống đầy màu sắc trắng của những bức tường, vị ngọt của bánh xứ Puglia và âm nhạc của những người yêu cuộc sống. Ai đó bảo rằng, đây là Jamaica của nước Ý, với những nhóm nhạc hát theo thổ ngữ Salento, một thứ ngôn ngữ thánh thót như đọc thơ. Lại có người cho rằng, vùng đất này là một Hy Lạp thu nhỏ, bởi ở đây có cộng đồng thiểu số nói tiếng Hy Lạp, có lẽ là con cháu của những người Hy Lạp cổ đại đã sống ở đây từ nhiều nghìn năm trước. Thứ âm nhạc đầy chất sống của họ có lần tôi nghe được trong một quán bar ở Ostuni giống như một bản tình ca da diết buồn về cuộc sống.

Nhưng chút âm nhạc buồn bã kiểu hoài cổ ấy chỉ là một góc rất nhỏ trong cuộc sống bề bộn ở nơi đây. Một người bạn mới quen ở Ostuni bảo tôi rằng, "Tiếc quá, cậu ở đây hơi ít. Nếu không, tớ sẽ cho cậu nghe những điệu pizzica". Trên xe đi về phía Bari, tôi dò tìm trên radio một kênh của xứ Puglia. Và rồi, trong khi bên đường bắt đầu hiện ra bờ biển Adriatico, với những cánh đồng cỏ xanh mướt dưới ánh nắng đầu xuân điểm thêm màu vàng của một thảm hoa cúc, là tiếng nhạc vui vẻ của pizzica, một điệu nhảy dân gian của Puglia. Nhóm nhạc nổi tiếng Canzoniere Grecanico Salentino đang chơi một bản kinh điển của họ trong tiếng accordion với một nhịp điệu nhanh, sôi nổi và vui vẻ, nghe vừa giống điệu calypso ở Trung Mỹ và Caribe, lại như có nét samba nào đó tôi đã từng nghe trong một tối nhớp nháp mùi bia, mùi nhà vệ sinh công cộng khai nồng ở Pedra do Sal, Rio de Janeiro, nơi đã sinh ra những điệu vũ samba Brazil rực lửa. Xe dừng lại bên bờ biển Bari, gần nhà

thờ Thánh Nicola, cánh cửa mở ra đón gió biển ùa vào, điệu pizzica hòa trong tiếng gió.

Chợt nhớ những giai điệu thoáng da diết buồn và rồi cuối cùng tràn ngập niềm vui trong những bản dân ca Napoli tôi đã bật trên xe một chiều nào đó trên một con đường khác ở miền Nam Italia. Ở những nơi đẹp đẽ vô cùng, nhưng nghèo như ở nơi đây, âm nhạc, trong vui và buồn, là một bức tranh thực sự sinh động về cuộc sống và con người. Tiếng nhạc ấy ám ảnh đến mức, kể cả khi đã trở về sau những chuyến đi, tôi vẫn thấy nó văng vẳng bên tai mỗi khi nhớ lại những cung đường đã qua. Thế rồi, khi tự dưng thấy mình quên một điều gì đó không thể nào xác định được một cách cụ thể, chỉ cần xem những bức ảnh đã chụp, tiếng pizzica lại vang lên, những ngôi nhà màu trắng của Ostuni hiện ra trước mắt, và thấy điều mình quên không phải là những hình ảnh về Puglia xa vắng, mà là những cảm giác thanh bình và yêu cuộc sống mà những hình ảnh ấy đã đem đến.

Đấy có thể đơn giản chỉ là nụ cười của một ông già bán rau trên chiếc xe lam ba bánh gợi đến ấn tượng về những con người bình dị, trên một mảnh đất mà cuộc sống không hề đơn giản; là trận bóng của hai đứa trẻ trên sân nhà thờ lớn Ostuni; một khoảnh khắc yên bình và đẹp đẽ của tình yêu cuộc sống, trong những nỗi đam mê; là tiếng cười của một cô gái ở Bari đi ngang qua trước bức tường có sơn nguệch ngoạc dòng chữ "Ti amo" (Anh yêu em) vào một ngày mưa ướt át. Ở một mảnh sân nhỏ trong khu Barivecchia của Bari, những ông già đang ngồi nói chuyện gì đó dưới một ảnh thờ Đức Mẹ. Tôi cố dỏng tai xem họ nói gì mà không hiểu, vì họ nói thổ ngữ địa phương, và vì thi thoảng, đám thanh niên đầu không đội mũ bảo hiểm

chạy scooter bành bạch vụt qua, trong tiếng cười trong trẻo. Nhiều năm trước, có khi chính Antonio Cassano, con người nổi tiếng nhất của khu phố có biết bao vấn đề xã hội này, cũng đã phi xe như thế trong những con ngõ hẹp. Người ta từng gọi anh là một thiên tài bóng đá hiếm hoi mà Bari đã sản sinh. Nhưng đấy là một đứa con ngỗ ngược của một vùng đất đẹp đẽ mà đôi khi thật buồn.

Còn nhiều điều nữa tưởng đã quên nay quay trở lại, khi nghe một bản pizzica. Những bức tường trắng xóa nhìn ra biển ở Ostuni, những trullo (nhà cổ có chóp nhọn bằng đá) cũ kỹ và bỏ hoang trên những bãi cỏ chạy dài dọc bờ biển ở gần Bari, những góc nhà thờ kiểu Baroque ở mọi nơi của Lecce và cả những khu phố cũ kỹ đến không ngờ ở Taranto, nơi tôi đã lái xe vòng vèo trong những con ngõ tối tăm, đổ nát và ẩm thấp vào một đêm tháng Ba mưa gió, sau đó chui vào nhà thờ lớn nhất thành phố mà cứ ngỡ mình đang ở một thế giới cổ tích nào đó bên Chúa, trái ngược hẳn với cái thế giới nhếch nhác bên ngoài cánh cửa. Tiếng chuông nhà bỗng vang lên đột ngột như một sự nhắc nhở đừng quay lại với hiện thực. Trên kia, phía quầng sáng hắt ra từ ngọn nến, Chúa như đang nhìn tôi trìu mến...



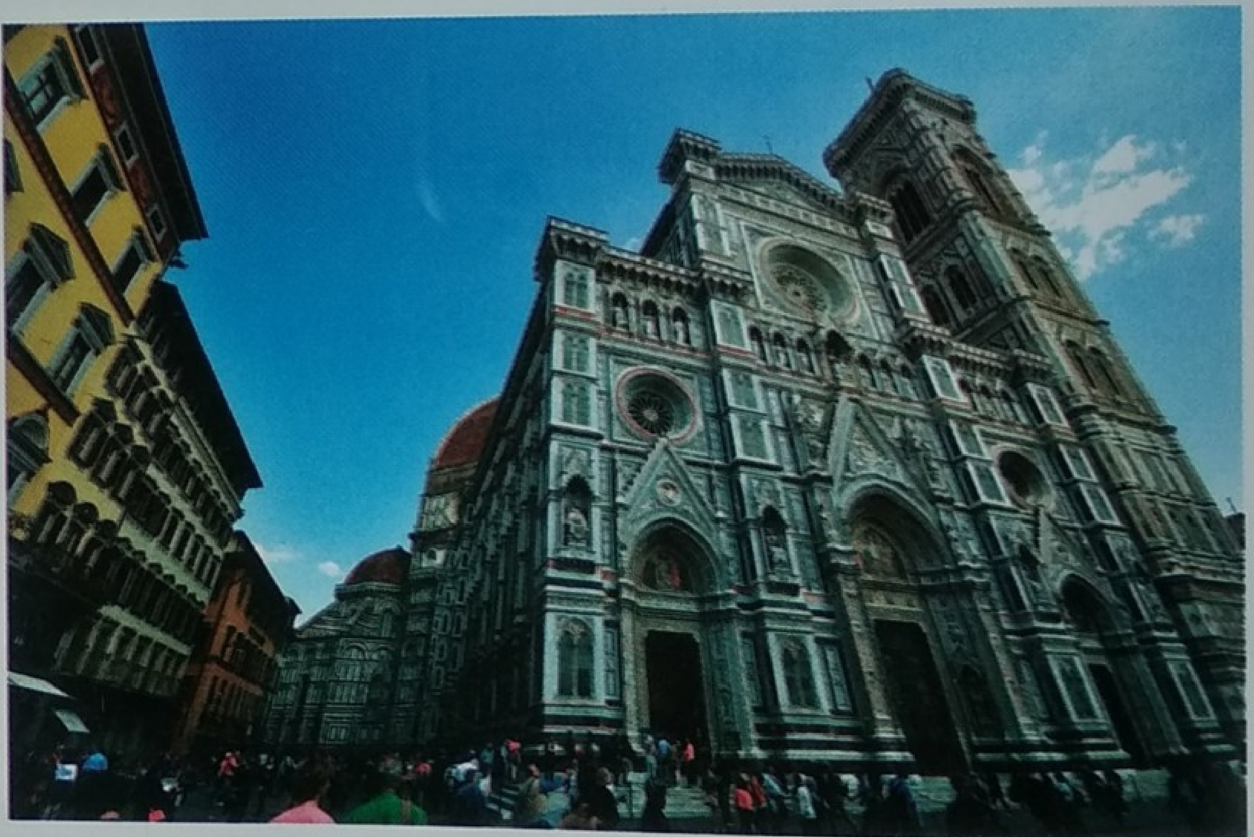
Mùa xuân sông Tevere, xa xa là cây cầu cổ Sisto của Roma



Tôi luôn mơ tới một căn nhà có hoa trước cửa,
dưới mặt trời Toscana như thế này



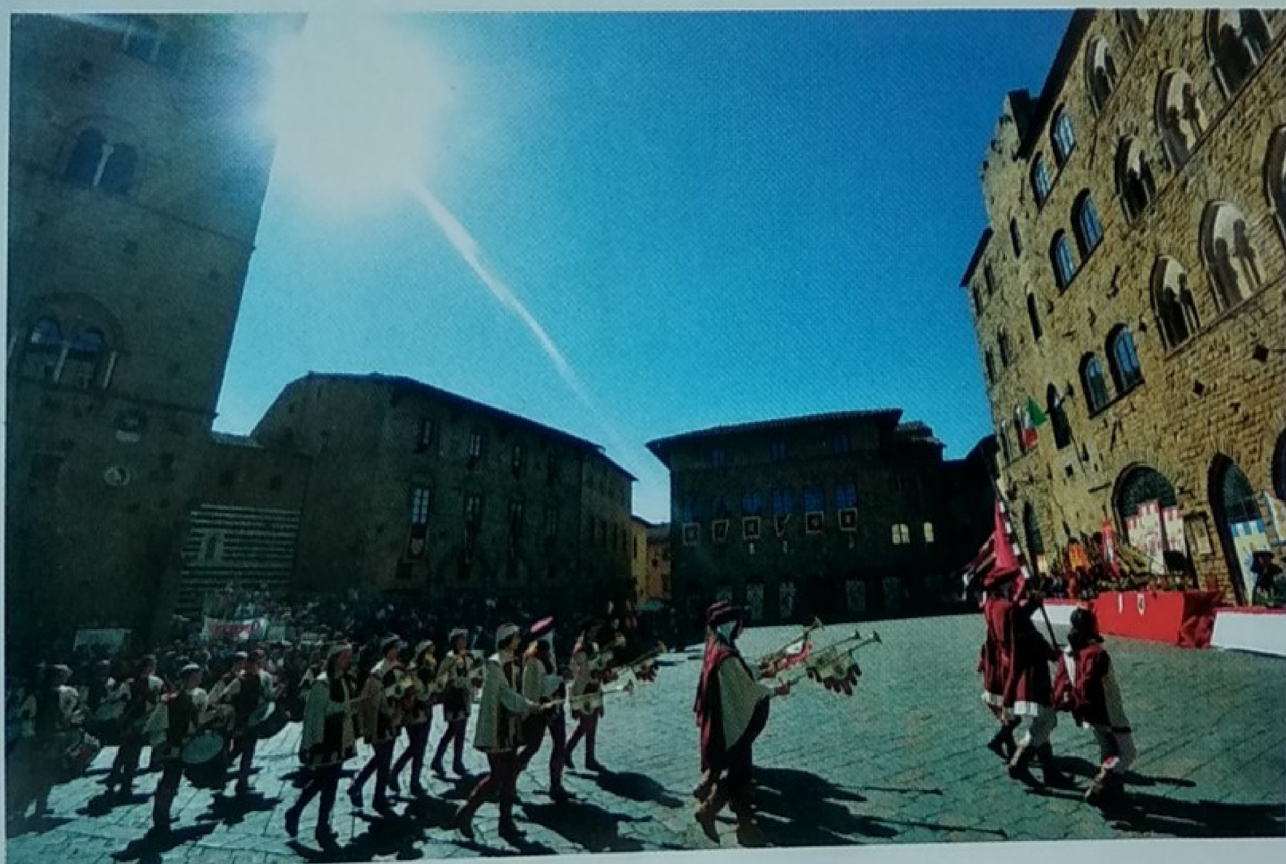
Ở sân trước của một nhà thờ tại Ostunni, xứ Puglia, phía gót của chiếc ủng Italia



Nhà thờ Santa Maria del Fiore ở trung tâm Firenze, thủ phủ của xứ Toscana này



Venezia với những dòng kênh, cây cầu,
thuyền gondola, và tình yêu



Lễ hội muối ở Volterra, Toscana. Từ thời Trung cổ, Volterra đã nổi tiếng với các sản phẩm muối tinh và nến



Ảnh thờ Đức Mẹ Maria trên một con phố trung tâm Roma



Tango trên quảng trường Navona, Roma.
Họa sĩ người Mỹ Brian Keeler và vợ say sưa trong điệu nhảy



Một cửa sổ mùa xuân ở Monteriggioni, miền Trung Italia



Một hình ảnh rất quen thuộc trong nhiều borgo ở Italia...
Chụp ở Pienza, xứ Toscana



Cà phê vỉa hè trên con phố nhỏ dẫn đến
quảng trường Campo de' Fiori, Roma



Người Ý rất thích ăn ở các quán trên vỉa hè...
Chụp một quán ăn trên đường Borgo Pio, Roma

Một cửa sổ giữa trưa hè
ở Volterra, xứ Toscana

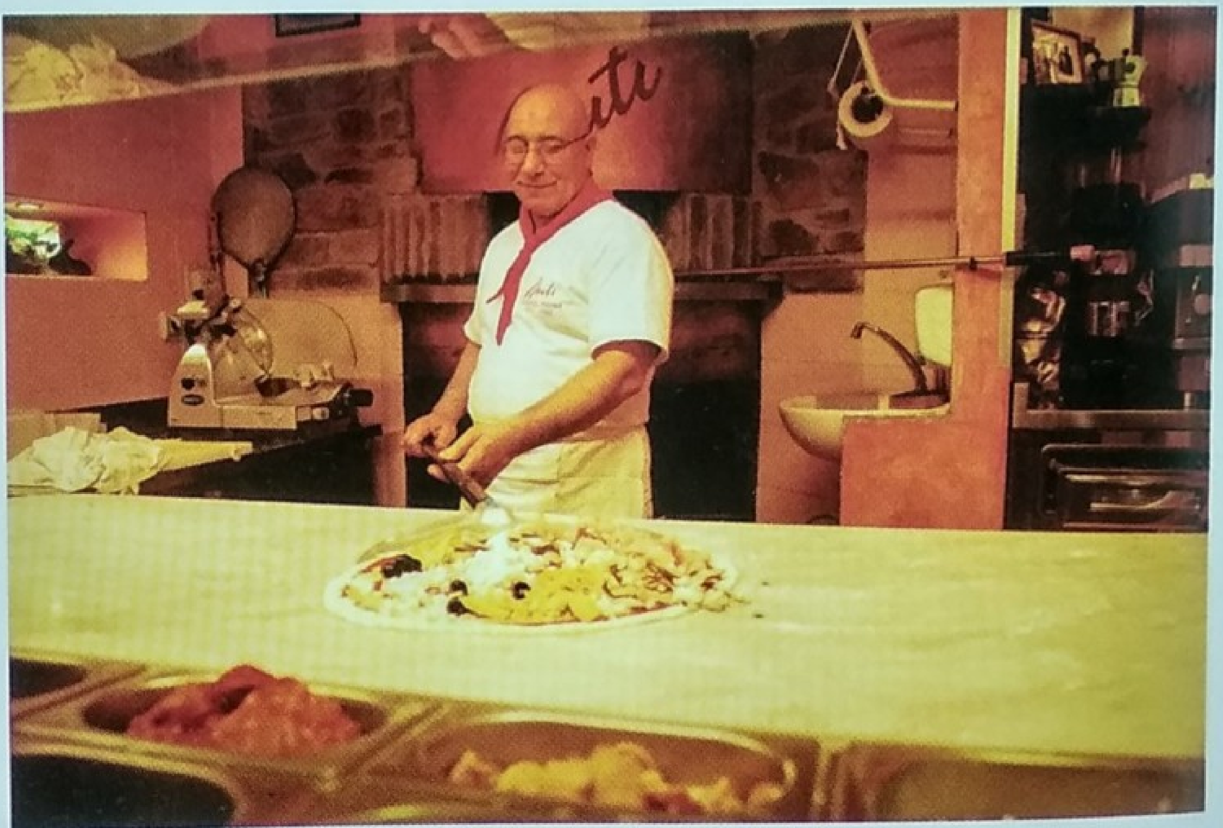




Chụp ở Allerona, xứ Umbria, miền Trung Italia



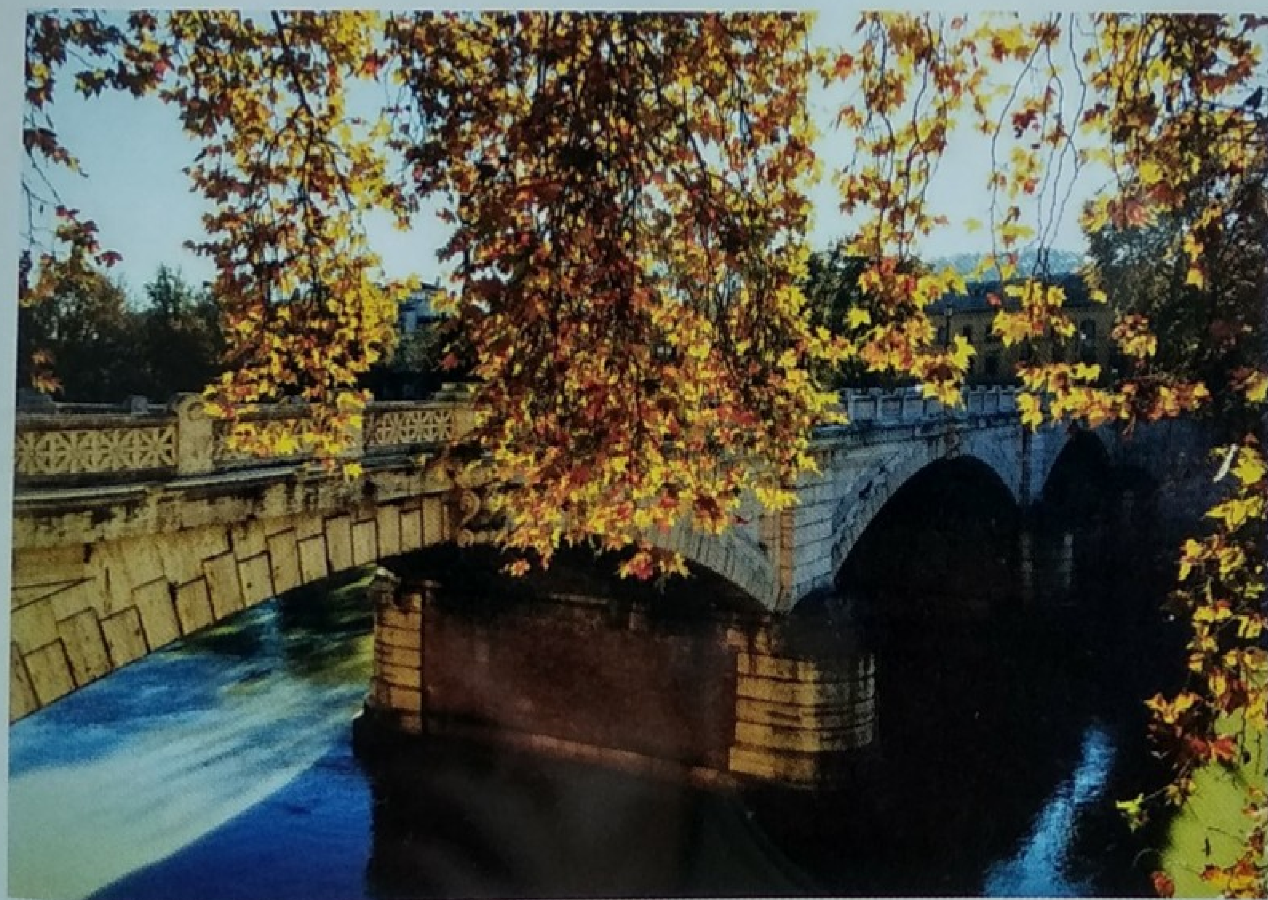
Trong một quán ăn quen ở Firenze, miền Trung Italia



Kính mời các tín đồ của pizza...
Chụp trong quán quen của tôi ở Firenze



Trong thời đại của xe siêu sang, những chiếc xe Ape ba bánh cũ kỹ vẫn được sử dụng ở nhiều nơi trên đất Ý



Mùa thu vàng ở Roma



Hạnh phúc... Chụp ở Siracusa, đảo Sicilia



Lên xe đi, anh sẽ chở em đi khắp thế gian...
Một đám cưới ở Trapani, miền Tây Sicilia



Tình yêu hiện diện ở bất cứ đâu, với bất cứ ai,
dưới mọi dạng thức



Nàng Lee và chàng Kevin nào đó đã thề ước yêu nhau,
trên một cây cầu ở Firenze



Công việc lúc về già... Chụp ở miền Trung Italia



Đôi bạn... Chụp trên đồi Pincio, trung tâm Roma



Một buổi tối kiểu Ý bình dị
ta có thể gặp ở bất cứ đâu trên mảnh đất này



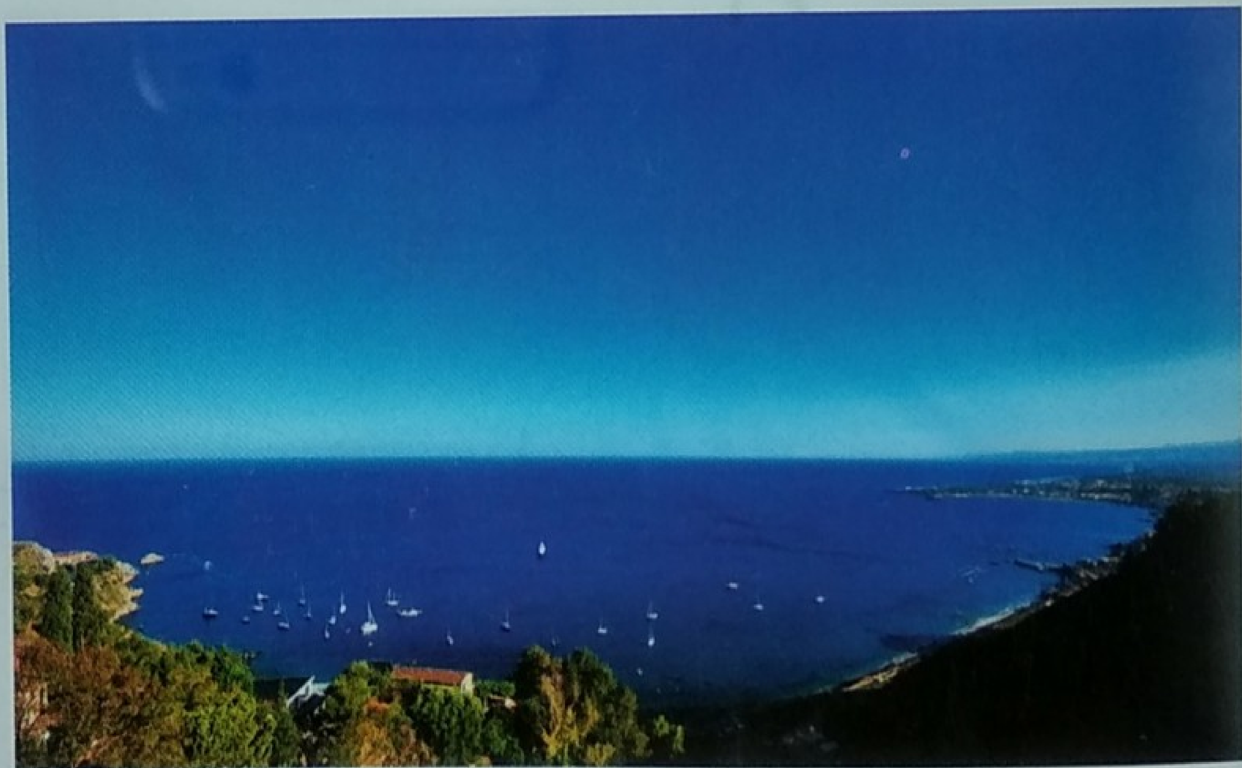
Một góc thiên đường... Chụp ở Manarola, Cinque Terre,
xứ Liguria, miền Tây Bắc Italia

Nông thôn Italia có thể được khám phá một cách tuyệt nhất trên một chiếc Vespa, trên các con đường quê

➊ Val d'Orcia, một trong những nơi đẹp nhất của xứ Toscana, trong một chiều mùa hè



Quê hương của các bố già mafia Sicilia, một ngày mùa xuân... Chụp ở Segesta, miền Trung đảo Sicilia



Địa Trung Hải và trời xanh thẳm, nhìn từ Taormina, đảo Sicilia

Trở lại Toscana

Đến Toscana, để cảm nhận được không khí nông thôn của một trong những xứ đẹp nhất nước Ý, để hưởng thụ cuộc sống chậm rãi như cần phải thế, và để thong thả lái xe dọc những con đường đến các thành phố nghệ thuật.

Cửa sổ của căn hộ mở ra một khu vườn rộng rãi, với một hàng rào gỗ thấp trông thật dễ thương, cánh cửa nhỏ cạnh một thùng gỗ, phía trên lấp ló hai bông hoa tím. Hai cây thông thẳng tắp chĩa lên trời như một sự mời gọi. Xa tít ở phía chân trời, một ngọn đồi nhỏ nhuộm sắc xanh của giống nho Sangiovese cho ra thứ vang đỏ mượt lưỡi nhất, chạy ngoằn ngoèo trên đó một con đường đầy bụi trắng. Bao giờ những con đường nhỏ và gồ ghề ấy cũng có một khúc cua nào đó. Đằng sau những khúc cua ấy là một ngôi nhà, với những cửa sổ khép hờ, và một thế giới nho nhỏ đang chờ ta ở đó.



Trang trại của Francesco nằm khuất sau một rặng cây, còn tấm biển chỉ đường đến trang trại của ông thì bị một góc đường che khuất. Không dễ tìm thấy con đường dẫn vào villa mà tôi đã đặt trước khi trời đã nhá nhem tối, sau khi đi qua những con đường nhỏ chạy qua biết bao thung lũng và làng mạc, với hai bên là một thế giới của những cánh đồng nho và ô liu, những thành phố nhỏ với dăm ba dãy nhà cổ kính và những cửa sổ có màu sắc buồn tẻ trong một buổi chiều tà lấp ló những gương mặt già nua vô tư lự. Thế rồi một lối rẽ hiện ra trên con đường nhỏ gần Certaldo, ở đúng trái tim của vùng Toscana, và con đường đầy bụi đất leo lên đỉnh đồi, giữa hai hàng thông cao vút đứng gác, dẫn đến trang trại rộng lớn của Francesco.

Tiếng trẻ con cười đùa ồn ã một góc sân; những con mèo ngồi sưởi ấm dưới nắng, cạnh mấy cái xích đu; những chú chim đang gù trên chuồng của chúng gần khu vườn có hai cây thông; một bể bơi lớn khuất sau hàng cây rậm rạp bên lối đi vào khu villa được thiết kế đúng theo kiểu nông dân Ý ngày xưa, hai tầng, nhưng rất nhiều phòng và cửa sổ. Một cánh đồng nho chạy đến tận chân trời, qua một thung lũng rộng lớn, đến căn nhà trên đồi tôi đã thấy qua cửa sổ của căn hộ trong villa. Cánh cửa gỗ phòng ở mở ra một không gian ấm cúng và dường như gờn gợn những suy nghĩ ập đến ngay tức khắc, về việc người ta có thể hưởng thụ một cuộc sống chậm đúng nghĩa của nó như thế nào, khi sóng điện thoại di động chập chờn, ti vi không có, bức vẽ Đức Mẹ và Chúa hài đồng trên đầu giường đôi nhìn người du khách với vẻ trìu mến và thánh thiện, ánh đèn trên đầu sáng nhè nhẹ cùng mùi thịt bò nướng cho món bít tết fiorentina phảng phất một cách quyến rũ từ bếp của trang trại như nhắc nhở rằng, người ta đến đây để hưởng thụ một cuộc sống hoàn

toàn khác, xa những đô thị ồn ã, bụi bặm và vội vàng.

Những chuyến đi ngắn, rời bỏ Roma đáng yêu, nhưng đông đúc và tắc đường, luôn hướng tôi đến vùng đất đẹp đẽ và có một sức quyến rũ kỳ lạ này, đến mức đã sống ở đây nhiều năm, tôi đã gần như thuộc lòng những cung đường nơi đây, đã nhớ tên những thành phố, nhớ cả những cánh đồng nho bạt ngàn của vùng Chianti Classico chạy dài hơn bảy mươi cây số giữa Firenze và Siena. Những điểm đến của Toscana với tôi bây giờ là thế, những trang trại. Bởi chỉ có ở đấy mới hiểu được thế nào là Toscana, và hiểu rằng tại sao tôi đã phải lòng mảnh đất này nhanh đến thế. Những trang trại ấy không chỉ là nơi nghỉ đêm trong những chuyến đi, mà ở đó cũng là cách để cảm nhận được không khí nông thôn của một trong những xứ đẹp nhất nước Ý, để hưởng thụ cuộc sống chậm rãi như cần phải thế, và để thong thả lái xe dọc những con đường đến các thành phố nghệ thuật và những cái tên gắn liền với các vĩ nhân mà nơi này đã sinh ra.

Mười phút để lái xe từ trang trại của Francesco đến Certaldo, quê hương của nhà thơ của thế kỷ mười bốn Giovanni Boccacio(*). Nhà của ông vẫn còn đó, trên con phố lát đá nhìn xuống một thung lũng đẹp đến nao lòng vào lúc chiều buông. Có phải, ở con phố ấy, Boccacio đã đem lòng yêu nàng Fiammetta, để rồi viết nên những dòng thơ này:

---

*. Giovanni Boccacio (1313-1375) là một nhà thơ lỗi lạc thế kỷ mười bốn, được đánh giá là cùng với nhà thơ Dante d'Alighieri, đã làm cho tiếng Ý trở nên trong sáng và giàu chất thơ. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là *Decameron* (Mười ngày), viết năm 1353.

Có em hôm nay và mãi mãi
Chỉ khát khao được thỏa mãn lòng chàng?

Một tiếng lái xe để tới ngọn đồi trên phố Anchiano của thị trấn nhỏ Vinci, nơi thiên tài thời Phục hưng Leonardo da Vinci đã sinh ra ở đó năm 1452 ("da Vinci" nghĩa là "từ Vinci"). Ngôi nhà ấy bây giờ hầu như không còn lưu lại một chút gì của người họa sĩ nữa, nhưng người ta nói rằng, sau năm trăm năm, khung cảnh với những thung lũng xung quanh ngọn đồi ấy vẫn không hề thay đổi, và những con đường nhỏ, rặng núi, con suối, những ngọn đồi thoai thoải ấy đã từng xuất hiện trong những bức tranh của người đã vẽ nên bức Monna Lisa. Hơn một tiếng nữa để đến Firenze, đắm mình trong những bức tranh và tượng Phục hưng của Bảo tàng Uffizi, đi thăm những căn nhà, nơi đã sinh ra những vĩ nhân khác, như Michelangelo hay Dante, đặt một bông hồng lên mộ nàng Beatrice Portinari, người mà thi hào Dante đã yêu say đắm đến mức cho nàng hóa thân vào một nhân vật trong đại tác phẩm *Thần khúc*. Ngôi mộ ấy nằm khiêm nhường trong nhà thờ Santa Margherita de' Cerchi ở trung tâm Firenze.

Những vĩ nhân ngày ấy đã sinh ra ở nơi này, trong những ngôi nhà nhỏ trên những ngọn đồi nhìn ra thung lũng bạt ngàn cây, và những dãy núi mờ xa. Ngày ấy, họ cũng trồng nho, trồng ô liu, sống một cuộc đời thanh đạm giữa thiên nhiên cây cỏ và núi đồi Toscana. Bây giờ, liệu có vĩ nhân nào có thể xuất hiện ở nơi này, trong thời buổi mà iPhone và máy ảnh đời cao ghi lại những khoảnh khắc mê hồn của thiên nhiên thay cho những bức vẽ hàng tháng, thậm chí hàng năm mới hoàn thiện và để lại mãi mãi cho đời như một di sản? Có lẽ là không, nhưng thiên

tài của họ nảy nở chắc chắn là gắn liền với một không gian sống lãng mạn trong cảnh sắc, trong thiên nhiên mà Thượng đế đã ưu ái ban tặng, trong những thứ rượu ngon mượt mà họ đã uống và đến bây giờ chúng ta vẫn uống, từ những giống nho và vẫn dưới bầu trời ấy. Những tác phẩm bất hủ cũng ra đời trong những trang trại mà kiến trúc không khác mấy với bây giờ, trên những khoảnh sân có chó và mèo đùa nghịch, từ những ban công như của một villa ở Panzano in Chianti, nơi Leonardo da Vinci đã vẽ nàng Monna Lisa. Ừ, không sinh ra vĩ nhân, nhưng vẫn sinh ra những bao rượu cho những vùng rượu nổi tiếng thế giới trên mảnh đất miền Trung nước Ý này, sinh ra cả những người biết thưởng thức rượu, ẩm thực Toscana lẫn nghệ thuật và văn hóa, làm giàu cho vật chất và tâm hồn mình.

Tôi đã nghĩ như thế khi ngồi ngắm một buổi chiều muộn giữa cánh đồng nho của Antinori, một trong những nhà làm rượu lâu đời và nổi tiếng nhất xứ Toscana, sau khi đã mua mấy chai vang hảo hạng trong hầm rượu ngon tuyệt của họ. Hoàng hôn đỏ rực trên rặng núi xa tít tắp từ cánh đồng nho. Con đường quốc lộ dưới chân đồi thỉnh thoảng lóe lên những ánh đèn pha xe hơi. Một chiếc xe Ape ba bánh do một cụ già râu tóc bạc trắng vừa thổi sáo vừa lái bành bành lướt qua. Gió mang đến một hương vị ngai ngái của cỏ, của cây, của hoa dại và tất cả những gì tinh khiết nhất của một ngày sắp qua. Bữa tối chờ đợi tôi ở Impruneta, cách Firenze không xa, một thành phố nhỏ với những nét kiến trúc cổ kính từ thế kỷ mười bốn, mười lăm hệt như biết bao thị trấn của xứ này. Chủ quán Di Gazzilloro, một người đàn ông vui tính bưng ra những món khai vị với thịt hun khói của vùng đất, rồi món đầu với spaghetti và món chính với thịt bò hảo hạng Chianina chỉ có ở nơi này. Và đêm

xuống phủ một tấm chăn trên con đường trở về trang trại của Francesco.

Trở lại Toscana với tôi luôn là sự trở lại của những thói quen đã in thành một nếp sống, sống chậm, theo kiểu Italia. Một nếp sống mà rất nhiều người Ý và châu Âu đã theo, như một cách để sống bền vững. Du lịch trang trại bùng nổ khi nhu cầu trở về với thiên nhiên và cuộc sống không stress tăng lên. Đường Toscana trở thành nơi đón nhận những chiếc xe chở trên đó các gia đình, cửa kính mở toang, tiếng hát của Andrea Bocelli(*) hay Luciano Pavarotti vang lên trên loa, hoặc những chiếc xe camper lớn có buộc phía sau chiếc xe đạp hay xe máy, để rồi đến một nơi nào đó, họ dừng lại, đi xe vào trong rừng, đi câu cá và nướng BBQ. Mùa xuân vàng trên những luống hoa cải khắp cánh đồng. Mùa hè đỏ thắm với những đóa anh túc dại và xanh ngắt vườn nho có tới hàng chục nghìn héc ta trên khắp vùng đất. Mùa thu se lạnh với lá cây bên đường chuyển sang màu đỏ và mỗi sáng, sương sớm phủ một lớp màn trắng khắp các thung lũng và ngọn đồi, từ đấy nhô lên một cách huyền ảo và kiêu hãnh những cây thông. Mùa đông lạnh lẽo và đôi khi sướt mướt trên những con đường, nhưng màu xám không tồn tại. Toscana là một bảng màu rực rỡ của cuộc sống, và con người chính là một nét chấm phá tinh tế trong đó, vận động không ngừng giữa thiên nhiên và lịch sử, là nơi cứ rời đi là lại nhớ và muốn trở lại, là vùng đất tôi yêu nhất và muốn đến nhất, đến nhiều lần, trong những năm tháng sống trên mảnh đất này.

... Tôi nhìn qua cửa sổ đêm. Bầu trời thẫm màu làm nền

---

*. Andrea Bocelli cũng là một người gốc Toscana. Anh có một trang trại lớn ở gần Lucca, nơi cách Pisa (tháp nghiêng Pisa ở đó) khoảng 30km.

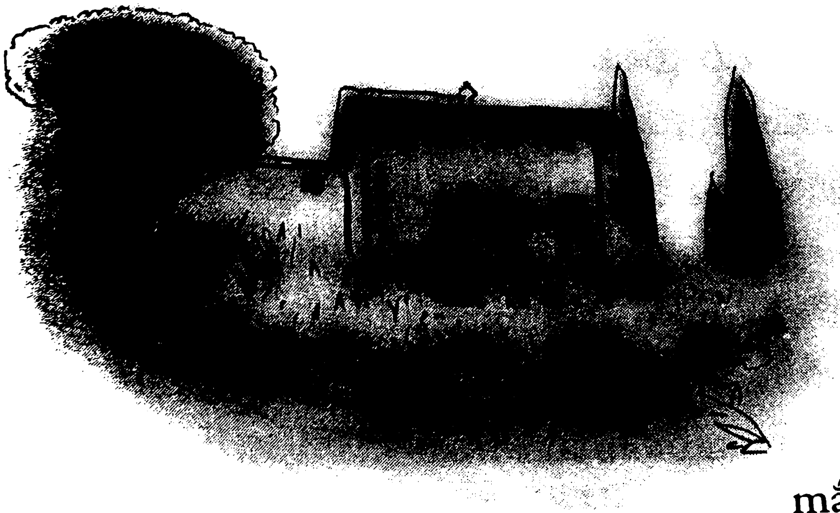
cho những ngôi sao lấp lánh. Có ngôi sao ở xa. Đốm sáng rất nhỏ và chập chờn. Có ngôi sao ở gần, sáng lung linh. Những cây thông thẳng đứng in hình lên nền trời. Tiếng ếch và tiếng dế vang lên đâu đó xa xa. Gió nhè nhẹ đập vào lưới chống muỗi của cửa sổ. Tôi nhắm mắt lại. Trong giấc mơ, tôi thấy mình làm chủ một ngọn đồi ở giữa Toscana, với ruộng nho xanh ngắt dưới ánh nắng rực rỡ bên cạnh một villa hai tầng, với những cửa sổ khép hờ và phía dưới sân, vang tiếng trẻ con.

Hình như tôi còn quên một điều gì đó? À, những chú mèo sưởi nắng trong sân...

Từ cửa sổ nhà nàng...

Phải chăng khi đứng làm mẫu cho Leonardo da Vinci, nàng Monna Lisa đã uống vài ly Chianti nên mới đâm ra hơi "phê phê" để rồi có nụ cười bí ẩn như thế?

Khó có thể diễn tả nổi cảm giác choáng ngợp và xúc động sau mấy tiếng lái xe, để rồi, khi dừng lại, sau biết bao cây số đường ngoằn ngoèo, đứng trước một thung lũng xanh ngát màu xanh của nho. Thung lũng ấy chính là khung cảnh làm nền cho bức tranh của nàng Monna Lisa trong bức họa bất hủ *La Gioconda* của Leonardo da Vinci. Năm thế kỷ đã qua kể từ ngày bức tranh ấy ra đời, khung cảnh phía sau lưng nàng vẫn thế, không thay đổi.



Giờ thì nàng không còn ở đấy nữa, nhưng những ai đã chiêm ngưỡng bức họa về nàng theo cách này hay cách khác, thậm chí có may mắn được tận mắt ngắm

nàng và nụ cười bí hiểm của nàng trong Bảo tàng Louvre, chắc chắn sẽ có cảm giác giống hệt tôi khi đứng lặng người ngắm nhìn thung lũng ấy từ phía nhà nàng. Thung lũng ấy trải dài đến tận chân trời, có màu xanh của bạt ngàn những cánh đồng nho đang còn xanh chỉ đợi mấy tháng nữa là chín và chuẩn bị đưa vào làm rượu, thứ rượu vang đỏ ngon tuyệt của vùng Chianti Classico, màu xanh của những cây thông Ý thẳng tắp chĩa lên trời như những chiến binh La Mã cầm giáo xông ra trận, màu xanh của những dãy núi xa tít tắp và khoảng trời vô tận sâu thẳm đến tận cùng. Buổi chiều muộn đưa ánh nắng qua những cánh đồng, gió vi vu thổi qua những ngọn thông. Tôi đã đi con đường ngoằn ngoèo từ Greve in Chianti để đến Villa Vignamaggio, nhà của nàng Monna Lisa, để ngắm cái thung lũng đẹp mê hồn trông như một chiếc khăn vắt qua những ngọn đồi nhấp nhô của xứ Toscana. Một suy nghĩ chợt đến: Monna Lisa nghĩ gì về khung cảnh tuyệt đẹp phía sau lưng nàng nhỉ, và nụ cười bí hiểm của nàng liệu có phải là một sự cố tình để thiên hạ hàng thế kỷ sau vẫn thắc mắc về nó, hay chỉ đơn giản là nàng chợt mỉm cười khi nghĩ đến việc sắp được uống một ly vang Chianti?

Trên những ngọn đồi chạy dọc con sông Greve của vùng rượu nho nổi tiếng thế giới Chianti Classico, Villa Vignamaggio nổi bật hơn tất cả những villa khác ở vùng này: nó không chỉ đẹp và ở một vị trí lý tưởng, mà vì một giai thoại liên quan đến danh họa Leonardo da Vinci, người được sinh ra cách nhà Monna Lisa chừng ba mươi cây số. Những cuốn sách xưa cũ nói về vùng này và Villa Vignamaggio viết rằng, ông rất thích đi dạo trong khu vườn của tòa nhà, thích cái thung lũng mà ngôi nhà quay mặt về phía đó và đặc biệt có cảm tình với

một người phụ nữ hay tựa ban công tòa nhà nhìn ra xa. Nàng có gương mặt phúc hậu kiểu Đức Mẹ Maria mà nghệ thuật Phục hưng hay ca ngợi, và rồi một ngày ông đã vẽ nàng từ ban công ấy, cho sự ra đời của một trong những bức họa nổi tiếng nhất trong lịch sử nhân loại, bức *Gioconda*.

Nàng là ai và cuộc đời của nàng ra sao? Theo người sống cùng thời đại Phục hưng với da Vinci, họa sĩ Giorgio Vasari, thì người đã khiến Leonardo mê mẩn là Monna Lisa Gherardini, là con gái của Anton Maria và là vợ của một người lái buôn tơ lụa nổi tiếng có tên Francesco del Giocondo. Trên thực tế, vào năm 1503, thời điểm mà da Vinci vẽ bức tranh này, thì nàng không còn sống ở đây nữa. Nhà Gherardini không còn là chủ của tòa nhà. Họ đã bán nó cho một người khác bốn mươi năm trước khi nàng Monna Lisa ra đời. Nhưng những ai sống ở Panzano in Chianti và biết bao người trên thế giới, khi câu chuyện về bối cảnh của bức tranh vẫn còn là bí ẩn, vẫn tin rằng, da Vinci đã vẽ Monna Lisa chính ở Villa Vignamaggio. Một số nhà phê bình nghệ thuật cho rằng, nếu da Vinci không trực tiếp vẽ một Monna Lisa bằng xương bằng thịt ở chính tòa nhà ấy, thì chắc chắn là villa sống động trong tâm trí ông, vì khung cảnh đằng sau lưng nàng Monna Lisa chính là cái thung lũng rộng lớn trước cửa sổ nhà nàng. Ông đã vẽ bức này trong nhiều năm, từ 1503 cho đến tận 1514. Mười hai năm cho một bức tranh. Điều gì đã xảy ra không ai biết.

Tôi không hiểu tại sao hàng thế kỷ nay, người ta cứ tìm cách cắt nghĩa nụ cười có vẻ bí hiểm của nàng và cất công tìm kiếm những lời giải thích cho những điều còn chưa được làm sáng tỏ trong cuộc đời của Leonardo da Vinci. Tôi cũng không quan tâm đến việc người ta cứ đặt ra câu hỏi, rằng liệu đấy có

phải là khuôn mặt thật của nàng Monna Lisa hay đằng sau nó là diện mạo của chính da Vinci, liệu nàng có bị những chứng bệnh kỳ quặc hay đang mang thai, nàng cười vì vui hay thực ra là nàng đang buồn... Tôi chỉ biết, là rất ít người quan tâm đến khung cảnh phía sau lưng nàng và tòa lâu đài nhỏ nhìn ra thung lũng nho. Cũng ít người biết rằng nàng đã sống trong một vùng rượu nổi tiếng nhất nhì thế giới, với những nhà sản xuất rượu đã bắt đầu trồng nho và làm vang ở đây từ thế kỷ mười ba, với những hầm rượu mênh mông chứa đầy thứ nước lên men tuyệt hảo gây ra những đam mê bất tận cho hàng triệu người bao thế kỷ qua.

Tôi đặt ra câu hỏi: tại sao bao nhiêu nhà phê bình nghệ thuật và nghiên cứu uyên bác trên thế giới không bao giờ đặt ra nghi vấn, rằng phải chăng khi đứng làm mẫu cho Leonardo da Vinci, nàng đã uống vài ly Chianti nên mới đâm ra hơi "phê phê" để rồi có nụ cười bí ẩn như thế? Năm thế kỷ sau khi bức tranh ra đời, cuộc đời của nàng vẫn còn thiếu nhiều câu trả lời, trong khi những bí quyết làm cho thứ rượu nho ở vùng này trở nên nổi tiếng thế giới đã rõ ràng. Vang ở đây ngon, vì trời có nắng hơn ba trăm ngày trong năm, vì thứ nho Sangiovese là hảo hạng và vì truyền thống làm rượu kết tinh qua nhiều thế hệ. Villa Vignamaggio (hồi Leonardo da Vinci vẽ bức *La Gioconda*, tòa nhà này không có tên đó) cũng sản xuất rượu, không phải bây giờ mới làm, mà từ đầu thế kỷ mười lăm, khi gia đình Monna Lisa vẫn sở hữu khu biệt thự này. Những người chủ tiếp theo của villa cũng tiếp tục truyền thống làm rượu vang. Chỉ có điều, vang, dấm và dầu ô liu tinh cất của Villa Vignamaggio không được nổi tiếng như những huyền thoại gắn liền với tên nàng.

Ngôi biệt thự được bán cho dòng họ Gherardi vào cuối

thế kỷ mười lăm, được bán tiếp cho một người kinh doanh đồ cổ là Ciampolini vào đầu thế kỷ hai mươi, khi nó đã đổ nát, sau đó sang tay nhà Sanminiatelli vào năm 1926, những người biến nơi đây thành một trung tâm văn hóa. Cuối cùng, hơn hai mươi năm trước, Villa Vignamaggio được bán cho chủ mới Nunziate, người sở hữu hiện tại của tòa nhà, người cho tu bổ lại toàn bộ villa theo kiến trúc cũ của thời mà Monna Lisa đã sống, biến nơi đây thành một khu khách sạn loại sang. Nhưng căn phòng được cho là của Monna Lisa, với cái ban công nhìn ra thung lũng mà tương truyền Leonardo da Vinci đã vẽ bức *Gioconda*, vẫn được giữ hầu như nguyên vẹn, theo cách bài trí từ ngày ấy. Người xưa giờ đã ở đâu đó trên thiên đường, chỉ còn nụ cười của nàng là mãi tồn tại cùng hậu thế. Và còn lại Villa Vignamaggio, còn cái thung lũng xanh ngắt những nho và còn những thùng rượu vang Chianti Classico sóng sánh, làm say theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng hàng triệu con người qua nhiều thế kỷ.

Một tối, tôi ngồi ăn thịt bò nướng fiorentina và uống rượu vang đỏ Chianti trong một quán nổi tiếng ở Greve in Chianti, trái tim của vùng rượu nho Chianti Classico. Nhìn sang bên cái tủ kính bày đủ loại rượu quý và lâu năm của vùng này, với một bản sao bức vẽ về thần rượu Bacchus của Caravaggio(*) treo bên cạnh, bất giác tôi nhớ đến nụ cười của nàng Monna Lisa. Trong bức tranh này, hình như trên môi thần Bacchus cũng phảng phất một nụ cười bí ẩn...

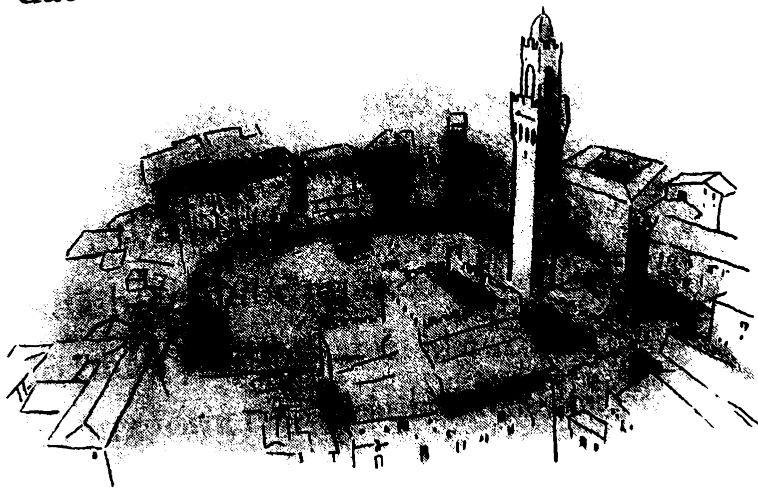
---

*. Caravaggio (1571-1610) là một trong số những họa sĩ Ý vĩ đại nhất mọi thời đại. Những tác phẩm của ông có thể được coi là một công trình nghiên cứu lớn về con người, cả về thể xác lẫn tâm hồn và được mô tả trên một nền sáng rất đặc biệt. Caravaggio có ảnh hưởng rất lớn đến nghệ thuật Baroque.

Ở nơi đáng sống nhất Italia

Trên mảnh đất này, xét cho cùng, không có gì đáng yêu và lãng mạn bằng việc ta ngồi ở một quán ăn trên đồi nhìn ra thung lũng bao la trước mắt vào buổi hoàng hôn, chờ người phục vụ bưng ra những đồ ăn ngon nhất của vùng này...

Người ta bảo, người Siena nói tiếng Ý hay nhất trên đất nước Ý. Tôi đã đi lại nhiều lần trên những con đường dọc ngang Italia, gặp gỡ nhiều người đến từ nhiều địa phương khác nhau, nghe những thổ ngữ mà họ nói, nhưng đúng là người Siena nói tiếng Ý hay thật, như hát. Nhưng tiếng Ý ở Siena chỉ là một phần quá đẹp trong muôn vàn những điều đã khiến nơi đây trở nên lãng mạn, trong một vùng đất được coi là đáng sống nhất trên mảnh đất hình chiếc ủng này.



Cái đẹp đôi khi chỉ có thể được thưởng thức một cách đầy đủ nhất khi chân đã mỏi nhừ, môi đã khô khốc vì khát nước và tim đập rất mạnh, liên tục, sau một hành trình

leo bốn trăm bậc thang để lên đến đỉnh của ngọn tháp Mangia ở quảng trường chính của thành phố. Trên tháp chuông cổ kính được hoàn thiện vào thế kỷ mười ba ấy, Siena hiện ra một cách đẹp đẽ theo kiểu trần trụi của một thành phố cổ đã có hơn hai nghìn năm tuổi và từng là đô thị lớn của một nước Cộng hòa cùng tên ở miền Trung nước Ý, là một trung tâm văn hóa, kinh tế và chính trị bậc nhất ở thời Trung cổ. Quá khứ của họ là những cuộc chiến tranh với Firenze cách đó hơn bảy mươi cây số và Siena chiến thắng. Thời Trung cổ là của họ, của ngân hàng và quân sự, nhưng thời Phục hưng lại là của Firenze, thành phố của nghệ thuật và các vĩ nhân. Người Siena bảo, cảnh thành phố nhìn từ trên tháp Mangia không khác mấy so với thời kỳ phát triển mạnh mẽ nhất của Siena vào thế kỷ mười ba, khi những ông chủ nhà băng thuộc gia đình Buonsignori giàu có, một dạng tài phiệt siêu giàu của những năm 1200, đổ tiền của vào những công trình lớn và tạo nên bộ mặt của thành phố trên những ngọn đồi để rồi nó đứng vững và đẹp mộng mị như bây giờ.

Quảng trường Campo ở phía dưới chân tháp nhìn như hình rẻ quạt đang xòe ra, với những chiếc ô của các quán cà phê như những chấm đỏ điểm xuyết trang trí cho vẻ đẹp của nó. Những mái nhà ngói đỏ chạy lô xô thành những vòng cung từ trung tâm Siena vẫn còn đó, rực lên dưới ánh nắng mà trong phim *Quantum of solace*, James Bond (Daniel Craig đóng) đã chạy phía trên. Những tháp chuông nhà thờ vẫn vươn lên đầy rạng rỡ và uy nghi như hàng thế kỷ nay, trong tiếng chuông vang lên lanh lảnh mỗi sáng Chủ nhật cho những buổi hành lễ. Nhà thờ Santa Maria Assunta lớn nhất Siena có tháp chuông được đắp bằng đá cẩm thạch vút lên như một sự chiến thắng

của nghệ thuật và kiến trúc hướng tới tầm cao của Chúa trong một thời đại mà kỹ thuật xây dựng đã đạt đến một trình độ đáng ngưỡng mộ. Những con phố nhỏ, dài và hẹp tỏa ra từ trung tâm đến ngoại vi nhìn từ trên cao như những con rắn bằng đá, ngoằn ngoèo và đẹp một cách kỳ dị dưới nắng. Hiếm có du khách nào không cảm thấy ngất ngây khi đi bộ trên những con phố ấy. Mắt họ mỏi vì nhìn ngang và nhìn lên trên. Không thể không ngắm và cảm nhận. Những quán cà phê vỉa hè đôi khi chìa ra như mời gọi với những biển hiệu đơn sơ mà mộc mạc, nhưng vị cappuccino bốc lên thơm nức. Những cửa hàng đồ lưu niệm nhấp nhô cùng với con đường dốc. Những quán bánh bán thứ bánh ngọt đặc trưng có tên Ricciarelli phủ đầy bột đường lúc nào cũng đầy người đứng mua, đứng ăn và đứng ngắm. Ngay cả mỗi cửa sổ nhỏ của Siena cũng có gắn liền với những kỷ niệm nào đó. Có những cánh cửa mở ra, quần áo phơi trên đó hoặc những cô gái đang thờ ơ chống cằm nhìn ra. Có những cánh cửa kính mãi khép lại, mạng nhện đã chăng đầy. Có những cánh cửa in sắc đỏ của hoa. Không có gì ngạc nhiên khi những nét rất bình dị mà phong cách ấy của Siena đã lên bao bộ phim lãng mạn. Trong bộ phim *Thư gửi Juliet*, nàng Sophie và chàng Charlie, trong khi đi tìm người tình trong mộng cho bà ngoại Charlie ở vùng Toscana, đã đi trên những con phố hẹp của Siena. Khi ấy, họ sắp yêu nhau. Cảnh và tình nước Ý dễ làm người ta say.

Xứ Toscana và những đô thị nhỏ thường là được xây trên những vùng đất đồi núi trập trùng của nó dường như có một mẫu số chung: những con phố hẹp lên xuống hướng đến một quảng trường chính, với không gian rộng lớn bỗng dưng ùa mở ra cuối con đường. Quảng trường lớn ấy thường

có một tòa thị chính với tháp đồng hồ cao vút, một nhà thờ, những tòa nhà bao quanh và một đài phun nước. Không gian ấy là điểm hẹn của những con đường được bắt đầu từ phía ngoài thành phố, đôi khi bắt đầu từ những tường thành cổ. Những bức tường thành ở Siena cao và có vẻ không thân thiện lắm. Nhưng màu thời gian đã in trên đó hàng bao thế kỷ không thể xóa nhòa những ấn tượng, rằng cái công cụ một thời làm nhiệm vụ phòng ngự và đã từng chứng kiến bao nhiêu trận đánh đẫm máu giữa những thành phố - quốc gia của một nước Ý bị chia cắt hơn nghìn năm kể từ sau khi Đế chế La Mã sụp đổ vào thế kỷ thứ năm sau Công nguyên, giờ đây là thứ ngăn cách thế giới văn minh và hiện đại trong hình hài của những ngôi nhà mang kiến trúc mới với thế giới cũ.

Thế giới cũ ấy tồn tại trong thành phố mà ta đang đặt chân lên đó, hít căng một hơi cả lồng ngực không khí trong lành và mát rượi. Ở đấy, không gian tràn ngập một niềm vui sống khác lạ mà cảnh vật trôi qua trước mắt tạo ra biết bao cảm hứng. Bởi Siena nằm trong một vùng đất đẹp đẽ của những cánh đồng hướng dương, nho và ô liu trải dài đến ngút tầm mắt. Đấy là vùng đất của những thung lũng xanh ngắt, những căn nhà nhỏ cô đơn nằm trên ngọn đồi, mỗi năm cho ra đời biết bao nhiêu dầu ô liu và thứ rượu vang Chianti Classico mê hoặc. Nhiều năm rồi, kể từ ngày nhật báo kinh tế *Mặt trời 24 giờ* xếp hạng những thành phố đáng sống nhất ở Ý theo nhiều tiêu chí khác nhau, trong đó có môi trường sống, văn hóa và dịch vụ, Siena chưa bao giờ rớt khỏi tốp 10, thậm chí có hai năm đứng đầu bảng.

Nhưng những con đường rượu vang chảy xung quanh

Siena không chỉ có thứ rượu được đăng ký bởi biểu tượng là con gà trống đen ấy, mà còn có dòng rượu Vino Nobile của Montepulciano nằm trong thung lũng Val di Chiana và dòng Brunello của Montalcino cách đó không xa. Val d'Orcia, một thung lũng khác, là sự ngự trị của màu xanh ngắt khi xuân về và vàng rực lúc thu sang. Trên mảnh đất này, xét cho cùng, không có gì đáng yêu và lãng mạn bằng việc ta ngồi ở một quán ăn trên đồi nhìn ra thung lũng bao la trước mắt vào buổi hoàng hôn, chờ những người phục vụ nói tiếng Ý bằng giọng Siena bưng ra những đồ ăn ngon nhất là đặc trưng của một vùng đất được trời phù hộ ban phát cho biết bao nhiêu thứ tuyệt vời: những ly rượu vang đỏ Chianti Classico, những đĩa thịt bò giống Toscana nướng tái còn nguyên máu đỏ và những đĩa pici (spaghetti sợi to của vùng này). Bữa ăn tối kết thúc bằng những cuộc dạo phố qua những quảng trường mà ban ngày náo động bây giờ trở nên yên ắng lạ thường. Thành phố đã sinh ra ca sĩ của bản "Mùa hè nước Ý" cho World Cup Italia 90 Gianna Nannini và phát triển mạnh mẽ trong quá khứ vì nằm trên con đường hành hương từ các nước châu Âu về đất thánh Roma đẹp một cách lặng lẽ trong đêm tối. Hình như các thành phố và thị trấn nhỏ của xứ Toscana cùng trở thành một nàng công chúa ngủ trong rừng, mơ màng trong ánh đèn vàng leo lắt trên những con đường và quảng trường. Chỉ có tiếng nhạc nhè nhẹ phát ra từ những quán ăn có thắp nến, khi dao dĩa bắt đầu hành trình của nó, khi rượu rót vào ly phát lên tiếng róc rách đầy khêu gợi và thi vị, khi đêm phủ một màu huyền bí lên những ngọn tháp cổ và tường thành.

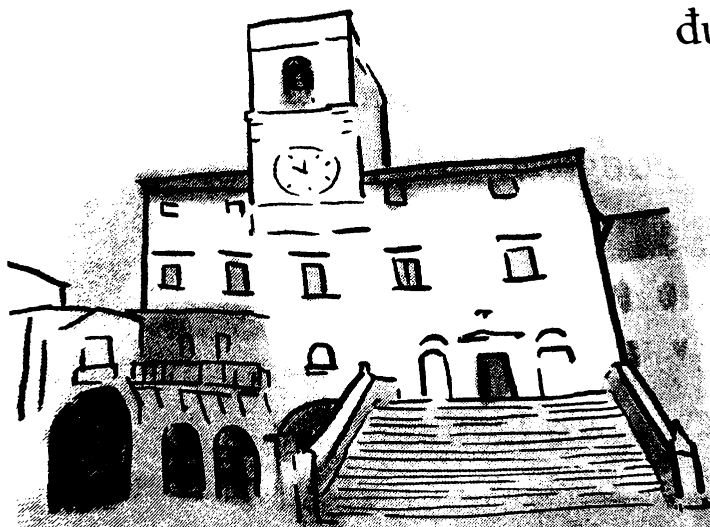
Sáng sớm mai, khi sương mù bao phủ những ngọn đồi xanh mướt với những cây thông Địa Trung Hải cao thẳng đứng

trên những con đường đất trắng ngoằn ngoèo chạy khuất tầm mắt, Siena và vùng phụ cận bừng tỉnh giấc, trở lại với nhịp điệu sống và yêu đời muôn thuở đã đi cùng mảnh đất này qua biết mấy tháng năm...

Có một ngày ở Cortona

Ở cái lò than rộng đến hai mươi mét vuông được xây cố định giữa công viên, người ta tổ chức lễ hội ẩm thực truyền thống sagra của Cortona. Những tảng thịt bò nửa cân loại fiorentina đặc sản được ném lên lò than, tái hay chín, cho hàng trăm khách chực chờ xung quanh.

Tôi làm quen với thành phố nhỏ và thơ mộng trên núi nhìn ra cả một thung lũng rộng lớn hết tầm mắt ấy qua một bộ phim mà tôi đã xem đi xem lại nhiều lần trước khi đặt chân lên đất Ý. *Dưới mặt trời Toscana*, tên bộ phim dựa trên cuốn sách của nữ văn sĩ người Mỹ Frances Mayes, đã đưa đến tôi đến nơi này.



Đấy là câu chuyện về Frances Mayes, một người phụ nữ Mỹ (do Diane Lane đóng), sau khi ly dị chồng đã quyết định đổi đời bằng việc mua và rồi đến sống ở một biệt thự cũ nát ở ngoại ô Cortona.

Cuộc sống độc thân của cô dần dần trở nên bớt nhàm chán, u uẩn và có thêm động lực hơn khi cô sửa sang lại ngôi nhà và tìm thấy cho mình trong chính ngôi nhà ấy tình yêu mới. Chuyến đi đến Toscana của cô được diễn tả bằng một cảnh hoành tráng: chiếc xe bus cô ngồi đi trên con đường đất đỏ ngoằn ngoèo cắt qua một cánh đồng hoa hướng dương vàng rực trải rộng đến tận chân trời, với một nhà thờ nhỏ nhô lên ở phía xa, trên nền của một giai điệu trong trẻo, vui tươi và tràn đầy hy vọng. Hollywood là nơi sản xuất ra những giấc mơ, với những góc máy như thế, những câu chuyện và nhân vật theo một motif dạng "soft" (tình cảm nhẹ nhàng) quen thuộc như thế. Câu chuyện của Frances Mayes trong cuốn sách lại khác rất nhiều, bởi bà trên thực tế không hề ly dị và bà đi qua Cortona để mua căn nhà cổ có tên Bramasole cùng với chồng. Nhưng tôi đã yêu Toscana và khát khao kiếm tìm con đường nhỏ dẫn đến Cortona ngay khi chứng kiến những cảnh lãng mạn ấy trong phim, khi thậm chí mãi sau này mới bắt đầu đọc những cuốn sách của bà, người cũng như tôi, yêu nước Ý từ khi còn chưa đặt chân đến đó và sau đó, khi đến rồi, thì coi nơi ấy như một phần của cuộc đời mình vậy.

Thế đó, tôi biết đến Cortona và muốn đến đấy, tìm đến cánh đồng hướng dương kia theo cách ấy. Khi tới nơi ấy lần đầu tiên trong đời, đấy lại là cảm giác của một người vừa trở về cái nơi có một sự gắn bó đặc biệt trong tâm tưởng trước khi tới đất nước này. Tất cả như trong bộ phim về Frances Mayes, nhưng cũng là bộ phim của chính tôi trong hành trình trên đất Ý. Hành trình giống như cuốn phim *Dưới mặt trời Toscana*, cũng có chuyến đi từ Roma đến vùng đất giáp ranh giữa xứ Toscana và Umbria, rẽ qua con đường dẫn tới Arezzo, nhưng chạy cắt

thung lũng Val di Chiana để qua Camuccia và từ đó đến bức tường thành cổ bao quanh Cortona. Hành trình ấy cũng có cảnh tôi chầm chậm đi trên quảng trường Cộng Hòa (piazza della Repubblica) ở trung tâm thành phố, sau khi đã đi bộ một quãng dài trên đường dốc lát đá từ tường thành nơi ta phải để ô tô lại đó, rồi ngồi ăn kem trên những bậc thang dẫn lên Tòa Thị chính xây từ thế kỷ mười bốn, lắng nghe tiếng chuông nhà thờ như vừa giục giã lại rất mời gọi và ngắm người lại qua trong một buổi chiều thu. Ngôi nhà của Frances Mayes giờ vẫn còn ở đó. Nhà văn người Mỹ và chồng bà giờ đã thành công dân danh dự của thành phố. Cuốn sách xuất bản năm 1996 và bộ phim ra đời sau đó bảy năm đã đưa Cortona ra khắp thế giới, dẫn đến một làn sóng người Anh và Mỹ đổ xô đến các vùng đất xung quanh Cortona và Arezzo mua trang trại để cũng như vợ chồng bà, trồng nho và ô liu, rồi làm dấm và rượu vang. Những ngôi nhà cổ chạy trên thung lũng Val di Chiana xung quanh Camucia và Cortona biến thành các agriculturismo (du lịch trang trại). Mỗi năm cuối hạ, Mayes lại trở thành người đứng đầu của một Liên hoan nhạc âm nhạc có tên *Dưới mặt trời Toscana* như tiêu đề cuốn sách của bà.

Nhưng hành trình ngắn ngủi trong phim ấy không hề nhắc đến cái khung cảnh thơ mộng mà bất cứ ai đến Cortona đều nhận thấy từ xa, khi còn đi dưới thung lũng: cả một thành phố nhỏ có hơn 2.500 năm tuổi với hàng trăm nóc nhà lợp mái ngói đỏ cũ kỹ mọc lên trên ngọn núi cao nhất, với tháp nhà thờ Thánh Margherita cao hơn tất thảy. Những ai đã xem phim sẽ không hiểu được ở đấy cuộc sống đã trôi đi một cách đáng yêu thế nào trên quảng trường Cộng Hòa, khi Cortona sống thực sự trong những dòng người lại qua nơi đó, khi buổi sáng

những chiếc xe lam chở rau quả vào bán ở chợ, khi mặt trời vừa thức dậy. Buổi trưa các du khách ngồi ở những bàn ăn trên phố ngắm nhìn cuộc sống chậm chậm đi hoặc vỗ tay trước những đám cưới tổ chức ở Tòa Thị chính.

Buổi chiều tối, đám thanh niên và du khách ngồi ngắm hoàng hôn lướt qua thung lũng và đánh đàn thâu đêm. Hành trình của phim cũng không tả thực được cả một không gian rộng bát ngát và xanh ngắt những cây cỏ ở thung lũng Val di Chiana mờ xa qua những vicolo (con hẻm nhỏ) nối những con phố chính của thành phố với con phố nhỏ hướng ra phía bờ thành cổ, những con hẻm có tên dễ thương, như Vicolo della Notte, hẻm Bóng đêm; Vicolo dell'Aurora, hẻm Rạng đông, hay Vicolo della Scala, hẻm Bậc thang. Không thể tả được thành lời cái cảm giác ta đi qua một con hẻm với những bậc thang bằng đá chạy lởm chởm nối xuống con đường bao quanh thành phố. Những khung cửa sổ các ngôi nhà đỏ rực hoa, những ngọn đèn đường có thế kỷ mười chín sáng lên khi trời bắt đầu tối, hoa ùa ra cả lối đi trên một con đường ngoằn ngoèo lưng chừng núi có hình vẽ về mười bốn chặng vác thánh giá của Chúa dẫn đến nhà thờ và khu tu viện Thánh nữ Margherita. Thánh Margherita nằm đó, trong một tủ kính, sau khi qua đời vào thế kỷ mười ba.

Hành trình của phim cũng không thể mô tả được cái không khí ồn ã của khu chợ Molesini đông khách du lịch hơn là người dân bản địa, những cửa hàng đồ cổ nằm trong những con hẻm khuất nẻo, những quán ăn chạy dọc con đường chính Nazionale. Một tiệm bánh có tên Banchelli đã làm tôi suýt quên lối về khi chỉ cần nhìn thấy cái tủ kính bầy đầy những loại bánh ngọt tuyệt hảo đậm chất truyền thống Cortona của

nó, như thứ bánh mì đường có tên cantucci, bánh ga tô ngọt ciaramiglia, hay một loại bánh rắc đầy đường và bột mì trắng có hình thù xấu xí nhưng rất ngon có tên "brutti buoni" (dịch sát nghĩa đúng là thế, xấu nhưng ngon). Con đường chính từ quảng trường Cộng Hòa dẫn đến công viên chính của thành phố. Đường Rugapiana nối với những quán cà phê, quán kem và những cửa hàng lưu niệm nhỏ. Cuộc sống quay cuồng một cách đầy kích thích vùng dịch vị và một số giác quan từ những quán ăn ở đó, mà bản thân việc đọc menu gắn ở cửa ra vào các quán đó cũng thú vị như việc học tiếng Ý. Xa hơn chút nữa, qua quảng trường mang tên người anh hùng Garibaldi mà dường như ở thành phố nào trên đất Ý cũng có một nơi như thế, là công viên Cortona, nơi mà vào những ngày lễ Ferragosto (15, 16, 17 tháng Tám), ở cái lò than rộng đến hai mươi mét vuông được xây cố định giữa công viên, người ta tổ chức sagra (lễ hội ẩm thực truyền thống) của Cortona. Những tảng thịt bò nửa cân loại fiorentina đặc sản của xứ Toscana được ném lên lò than và sau đó được lấy ra, tùy theo yêu cầu ăn tái hay chín của hàng trăm khách chực chờ xung quanh. Mỗi suất gồm một miếng fiorentina, bánh mì, chanh để vắt lên thịt, một chai rượu vang đỏ và ít hoa quả tráng miệng. Trong cái công viên mà ba ngày nghỉ lễ đã biến nó thành nơi ăn uống ngon và lãng mạn thuộc loại nhất vùng Toscana, người ta nhảy múa, ca hát và ăn fiorentina vào lúc chiều tà, khi mặt trời bắt đầu lặn xuống trên thung lũng Val di Chiana, với ánh hồng rực phản chiếu lên hồ Trasimeno phía xa xa.

Bramasole của Mayes đã lên phim. Nhà hát Signorelli, lấy tên theo danh họa thời tiền Phục hưng nổi tiếng Luca Signorelli đã từng sống và làm việc ở Cortona, cũng đã xuất

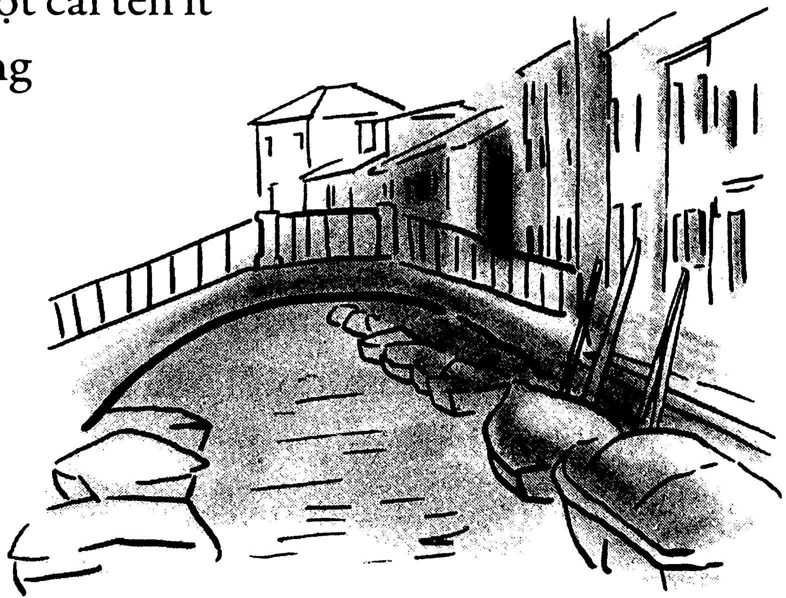
hiện trong siêu phẩm *Cuộc sống tươi đẹp* của đạo diễn Roberto Benigni. Những nơi ấy tôi đã đi qua, fiorentina tôi đã ăn, những thứ bánh ngọt và kem ngon nhất được sinh ra từ nơi này tôi đã thưởng thức. Những truyền thuyết về việc thành phố được xây nên đầu tiên bởi con cháu của Noah sau nạn Đại hồng thủy trong kinh Cựu ước chính là ông cha của những người xây nên Roma tráng lệ sau này, cũng như các tư liệu về việc người Etrusco đã sống ở đây trước nền văn minh La Mã, tôi đã đọc. Những giây phút đẹp đẽ chứng kiến cuộc sống trôi qua chầm chậm ở quảng trường Cộng Hòa tôi đã làm trong những chuyến đi đến Cortona. Điều duy nhất tôi chưa thấy là cánh đồng hướng dương mênh mông vàng rực được mô tả trong phim *Dưới mặt trời Toscana*. Mấy năm ở Ý, trong những chuyến đi đến Cortona, tôi đều lái xe đi tìm cánh đồng ấy. Tôi không thấy và đến giờ vẫn không biết nó nằm đâu trên bản đồ. Nhưng thực ra, tôi cũng không còn muốn tìm kiếm nó nữa. Cuộc sống ngọt ngào mà tôi đã từng trải qua cùng Cortona đã là gần đủ. Gần đủ, bởi sẽ ngọt ngào hơn nữa, nếu một ngày kia tôi đến đây, dừng lại hẳn trong chuyến đi của cuộc đời, mua một căn nhà, một mảnh đất cằn cỗi trồng nho trên triền núi Cortona, bắt đầu một cuộc sống mới đầy mơ ước.

Như Frances Mayes...

Burano, bảng màu cuộc sống

Chính quyền kiểm soát màu sắc của những ngôi nhà, và ai muốn sơn nhà, phải gửi đề nghị đến nhà chức trách. Người ta chỉ đồng ý cho sơn những màu tiêu chuẩn của thời ấy, biến Burano thành một thành phố độc nhất vô nhị trên thế giới về gu thẩm mỹ màu sắc.

Rời xa Venezia gần một tiếng đồng hồ trên con phà đi chậm rì rì trên mặt nước lúc xanh thẫm, lúc xanh nhạt dưới bầu trời sâu thăm thẳm, là một thế giới khác của vịnh Venezia. Trầm mặc và có vẻ buồn tẻ hơn khi xa cái thế giới đầy màu sắc, đông người lại qua và những tiếng cười, những con kênh lúc nào cũng dậy sóng nước bởi hàng trăm chiếc gondola, là Burano, một cái tên ít được nhắc trong những tour du lịch đến thành phố trên mặt nước đẹp nhất thế giới, nhưng ai đã đến rồi, hẳn sẽ chẳng bao giờ quên.



Một, mười, một trăm hoặc

nhiều hơn thế nữa, những hòn đảo trên vịnh Venezia, những nơi chứa đựng biết bao bí mật của một thời mà Venezia là một nước cộng hòa. Có những đảo lớn, có đảo nhỏ, đảo có người ở, đảo không, có đảo nổi tiếng, đảo không ai biết đến mà chỉ khi nước cạn đi chút ít mới nổi lên trên mặt biển, hoặc trên những con lạch chạy chằng chịt khắp trên vịnh. Nhiều, nhiều lắm, những hòn đảo. Người dân của thành phố bảo rằng, họ không có thói quen đếm những hòn đảo trên vịnh, cũng như không thích chơi trò thống kê một cách chính xác kiểu hàng trăm cây cầu bắc qua hơn một con kênh chia cắt một trăm mười tám hòn đảo nhỏ co cụm ở một đầu của vùng vịnh đông bắc nước Ý này để tạo thành Venezia xinh đẹp và lãng mạn mê hồn của ngày hôm nay. Đơn giản, vì với họ, tình cảm không thể cân đong đo đếm được.

Từ San Marco hay từ đảo thổi thủy tinh Murano, bằng nhiều phương tiện, nhưng chủ yếu là phà, người ta có thể khám phá cả một vùng biển rộng lớn với những hòn đảo như thế. Mỗi hòn đảo có thể kể một câu chuyện khác nhau về lịch sử và truyền thống văn hóa, nơi con người đã đến sinh sống rải rác trên những phần đất nổi từ gần một nghìn năm trước, chiến thắng nỗi sợ hãi trước biển cả mênh mông và đỏng đảnh. Ở xứ này, biển vừa là bạn khi ngăn chặn những tộc người phương Bắc tràn xuống nước Ý, ngăn chặn sự lan tràn của dịch bệnh từ đất liền, như Dịch hạch đen đã quét sạch các thành phố và làng mạc Italia ở thế kỷ mười bốn mà không làm gì nổi nơi này, nhưng đôi khi lại là một mối họa lớn lao khi nó nổi giận nhiều lần trong quá khứ. Những mối lo ấy bây giờ vẫn hiển hiện. Venezia mỗi năm mấy lần chứng kiến nước ngập lấp xấp trên những quảng trường. Các đảo lớn trong vịnh cũng vậy. Nhưng

người ta vẫn phải sống, và không thể không yêu. Yêu những người thợ thổi thủy tinh ở Murano. Yêu những cây cầu nhỏ và hẹp ở Torcello. Yêu những ngôi nhà nhỏ trên đảo Burano.

Một buổi chiều tôi rời Venezia tìm đến một trong những nơi xa nhất của vịnh Venezia. Burano, tên của nó, là một chấm lớn trên tấm bản đồ mà chương cuối trong cuốn sách du lịch dày cộp và đầy hình vẽ của nhà xuất bản Mondadori đã ưu ái dành cho độc giả. Con phà đủ lớn để chứa cả trăm khách. Ghế băng được lắp ở mũi tàu để ai không ngại những cơn gió bỗng trở nên lạnh lẽo và thiếu tình cảm bốc lên trên những ngọn sóng của một ngày mới đầu hè ngắm biển. Burano cách Venezia chỉ mười một cây số, nhưng dường như có vẻ xa lắm, vì phà đi rất lâu. Tiếng ầm ì của động cơ như vừa thách thức sự kiên nhẫn của những ai mới đọc vài dòng giới thiệu về đảo trong cuốn sách nhưng rất tò mò muốn đến, vừa như khiến cho một người nào đó đang đứng ngắm biển đôi khi phải nghĩ lại, rằng mình đã sai lầm khi chọn hành trình dài dằng dặc này, đến một nơi ít khách du lịch tới, và lẽ ra phải dành nhiều thời gian hơn nữa cho những nơi có thể đem đến nhiều cảm xúc hơn như Murano, Lido hay Torcello, những hòn đảo nổi tiếng trên vịnh Venezia. Nhưng khi con phà vừa cập bến, sau khi đã đi qua cả một chặng đường biển để rồi sau đó nhìn thấy những ngôi nhà đầu tiên đầy màu sắc, sự tiếc nuối tan biến và có lẽ không bao giờ trở lại.

Burano hiện ra một cách sặc sỡ với những nóc nhà nhìn ấm cúng mà đầy chất thơ ngay từ phía xa, và khi đến gần, những ngôi nhà ấy đứng chen nhau để biến hòn đảo trở thành một bảng màu khổng lồ của người họa sĩ theo trường phái ấn tượng. Phụ họa vào đó đôi khi là những vệt khói máy bay mãi

không tan trên nền trời xanh thẫm của biển Adriatic, hoặc vệt rẽ nước của những chiếc ca nô chạy về phía đảo. Hơn ba nghìn dân của hòn đảo nhỏ, là con cháu hàng bao đời nay của các ngư dân đánh cá trên vịnh, sống trong những ngôi nhà cao nhất là hai tầng ấy, chạy lô xô ra gần mép nước, hoặc chạy dọc những con kênh nhỏ chằng chịt. Những ngôi nhà nhiều màu khoe mình trên mặt nước. Người ở đảo kể rằng, chúng đã tồn tại trên sóng nước nhiều thế kỷ, và những lớp sơn phết trên đó được sơn đi sơn lại sau mỗi lần bị phai, nhưng các thế hệ sau luôn sơn lại màu mà thế hệ trước đã dùng. Nhưng không phải ai thích sơn gì cũng được. Chính quyền kiểm soát màu sắc của những ngôi nhà, và ai muốn sơn nhà, phải gửi đề nghị đến nhà chức trách. Người ta chỉ đồng ý cho sơn những màu tiêu chuẩn của thời ấy. Màu ấy không chỉ cho đẹp, không chỉ biến Burano thành một thành phố độc nhất vô nhị trên thế giới về gu thẩm mỹ màu sắc, mà là để phân biệt nhà này với nhà kia một cách đơn giản nhất. Một bà già bảo rằng, sơn màu khác nhau là cách tốt nhất để những ngư dân của Burano trở về vào buổi chiều tìm thấy nhà mình dễ dàng.

Những người như bà lão ở Burano bây giờ nhiều lắm. Họ xuất hiện ở rất nhiều nơi trên đảo khi chân tôi lướt qua bên dòng kênh. Họ phơi quần áo trên ban công. Họ ngồi ở cửa nhà và lặng lẽ ngắm thời gian chầm chậm trôi qua buổi chiều êm ả và buồn tẻ. Nhịp sống ở Burano giống như cách họ sống. Chỉ những sách du lịch mới viết rằng, nơi đây đã từng sống những vĩ nhân của nước Ý một thời, như nhà soạn nhạc Baldassare Galuppi hay nhà điêu khắc Remigio Barbaro. Nhưng những cái tên ấy trở nên xa lạ với những ai đến đây chỉ để tìm kiếm sự thanh thản. Không thanh thản sao được khi ngồi ngắm mấy bà

già ngồi cặm cụi bên những sản phẩm thêu tay, trong vô số cửa hàng nhỏ dọc những bờ kênh hẹp có những cây cầu nhỏ bắc qua. Burano nổi tiếng trên khắp thế giới nhờ thêu tay - ngành thủ công gắn liền với bao kiếp người Burano qua nhiều thế hệ. Những tấm khăn trải bàn và khăn tay hoặc áo thêu ren, vỏ gối... đã được nước cộng hòa nhà buôn Venezia đưa đi bán khắp nơi từ thế kỷ mười sáu. Nhưng tất cả lại bắt đầu từ... Leonardo da Vinci! Vĩ nhân của thời Phục hưng ấy đã đến đảo vào cuối thế kỷ mười lăm để mua một mảnh khăn trải cho ban thờ lớn của nhà thờ Duomo ở Milano. Từ đấy, người ta biết đến Burano. Những sản phẩm thêu tay nhờ đó đi khắp châu Âu. Bây giờ, ngành thủ công ấy đã dần mai một. Thêu máy đã thay thế cho thêu tay để cho những sản phẩm đều hơn, nhanh hơn và rẻ hơn, nhưng nhiều người Burano vẫn sống bằng nghề cũ, phục vụ du lịch và duy trì truyền thống, như một cách để người đã tới đây vẫn sẽ mãi nhớ đến họ, những nghệ nhân già cặm cụi thêu thùa. Họ đã và đang sống như thế, trên một hòn đảo mà nếu như tháp Pisa không nghiêng, hẳn Burano sẽ còn phải nổi tiếng trên thế giới với việc sở hữu một ngọn tháp cũng nghiêng như thế. Đấy là tháp chuông nhà thờ San Martino, bên trong có một bức tranh Chúa bị đóng đinh câu rút nổi tiếng của Giambattista Tiepolo(*).

Sự bất công lớn lao cho Murano hay Burano là ở chỗ, những hòn đảo ấy nằm gần Venezia, và bị thành phố trên nước ấy át hết vẻ đẹp cũng như sức thu hút lớn lao với du khách. Những người ít thời gian cho chuyến đi đến Venezia thường

---

*. Giambattista Tiepolo (1696-1770), một trong những họa sĩ Ý nổi tiếng nhất ở thế kỷ mười tám.

chỉ đi dạo trên những dòng kênh đẹp mê hồn của thành phố mà ít khi đi phà đến Lido, nơi hằng năm diễn ra Liên hoan phim quốc tế Venezia; đến Murano để xem thổi thủy tinh; qua Torcello để ngắm một tiểu Venezia bập bềnh sóng nước; và đến Burano để ngắm bảng màu sinh động từ những ngôi nhà, thăm những nghệ nhân thêu thùa, ngồi uống cappuccino ở một quán làm bằng gỗ ngay trên mặt kênh gần quảng trường chính và cứ mỗi thứ Tư hằng tuần, đến xem chợ cá ở ngay khu trung tâm. Burano đơn giản vậy thôi, không hào nhoáng và dễ đem đến một cảm giác ồ ạt những ấn tượng thị giác như Venezia, nhưng thanh bình và trầm mặc đến nỗi, đôi khi người ta quên cả giờ của chuyến phà trở lại Venezia vui vẻ và đông nghịt khách lại qua...

Có những buổi hoàng hôn trên thiên đường

Người ta đến đây là để ngắm những ngôi làng của Cinque Terre, với những ngôi nhà lô xô bên nhau như một bức tranh khảm nhiều màu sắc, và hưởng thụ cuộc sống nơi này theo đúng cách mà người Ý vẫn làm: ăn đồ biển, uống rượu vang và yêu nhau.

Nhà nghỉ Il Borgo di Campi nằm trên triền núi. Biển mở rộng ra phía dưới trong ánh trăng bàng bạc của một đêm cuối tháng Tư bình thản. Núi chạy ra sát biển, ngoằn ngoèo những vệt sóng như lân tinh ở phía xa. Cả một vùng trời nước mênh mông phía trước, trong tiếng gió rì rào làm tung những cành nho trong khu vườn phía dưới cửa sổ căn hộ nơi tôi ở, tiếng bản "Caruso" tha thiết qua giọng



ca Lucio Dalla(*) phát lên từ quán ăn bên cạnh đường. Và Chúa ơi, phía xa kia, mặt trời đang lặn xuống trong một buổi hoàng hôn đẹp đến nao lòng...

Bình minh và hoàng hôn là những khoảng thời gian mơ mộng nhất để ngắm biển từ khu nhà nghỉ trên triền núi ấy. Con đường ngoằn ngoèo mấy trăm bậc đá chạy giữa những vườn hoa cúc, hoa oải hương và hoa tử đinh hương, xen kẽ giữa những khóm nho và ô liu, tạo ra những góc nhìn đầy lãng mạn về một vùng vịnh mênh mông phía trước. Một nhà thơ Ý đã gọi đấy là "Vịnh Nhà thơ". Tôi tin ông không quá lời. Nếu những Dante d'Alighieri, Petrarca, Byron, Percy Shelley và rồi Eugenio Montale, người đoạt giải Nobel Văn học năm 1975, đều đã đến đây một ngày nào đó trong đời họ, và rồi phải lòng nơi này, cho ra những bài thơ để đời, thì những người lãng mạn khác cũng có thể trở thành nhà thơ theo cách của riêng họ, nếu một lần đứng ở đầu khu Công viên bảo tồn Cinque Terre này, ngắm biển xanh ngắt vào một buổi bình minh hay hoàng hôn. Mà nước Ý này, ở bất cứ góc nào của nó, cũng cung cấp những cảm hứng dồi dào và tình yêu cuộc sống tràn ngập cho những ai đã đến đây, mở lòng với nó, trong những chuyến đi dù chỉ ít ngày.

Tôi đã từng như mơ đi vào một buổi tối ngắm trăng chạy nhấp nhoáng trên mặt biển phía trước khách sạn ở Positano, một thành phố đẹp mê hồn trên con đường Amalfi cách nơi này hơn năm trăm cây số về phía nam. Biển ở phía dưới, lúc

---

*. Lucio Dalla (1943-2012) là nhạc sĩ, ca sĩ có ảnh hưởng rất lớn trong âm nhạc Ý thế kỷ hai mươi. Một số bài hát của ông cũng đã được chuyển ngữ và hát ở nước ngoài.

dịu dàng, lúc cuồng nộ. Núi ở một bên của con đường khúc khuỷu với những khúc cua tay áo. Tôi cũng từng như chìm trong một cơn mê bất tận khi ngắm biển Tirreno từ Ravello, cách Postitano không xa, trong một chuyến đi khác, giữa lưng chừng núi. Cảm giác như bị thôi miên trước biển và cảnh vật ở triền núi đá thi nhau chạy lô xô ra biển ấy bỗng trở lại khi đặt chân đến nơi này, đứng ngắm biển từ một lan can gỗ của nhà nghỉ, từ cửa sổ căn hộ tôi ở có tên "Gardenia" (hoa dành dành). Ở đây, trong khu nhà nghỉ này, căn hộ nào cũng có tên của một loài hoa, hoa Iris (diên vĩ), hoa Dalia (cúc), hoa Jasmin (nhài)... biến cái góc nhỏ của xứ biển Liguria miền Tây Bắc Italia này thành một khu vườn Địa đàng trong Kinh Thánh. Hoa khoe sắc thắm trên tất cả những con đường đi qua nơi này, mọc trên những khe núi, nở bừng trên mảnh vườn được chăm sóc chu đáo, tạo thành một bức tranh tuyệt mỹ của sắc màu và hương thơm ở một trong những nơi mà nhà thơ Montale đã mô tả là "nên thơ và đáng sống nhất thế giới".

Nên thơ như những con phố nhỏ, hẹp, những ngôi nhà không đánh số đủ các sắc màu và trông như bao diêm xếp cạnh nhau lô nhô trên một mỏm đá chìa ra Vịnh Nhà thơ ở Manarola, một trong những nơi đẹp nhất của Cinque Terre. Nên thơ như cầu vồng hiện lên sau một cơn mưa nhẹ ập xuống Manarola trong một ngày mà ánh nắng đi trốn, mặt trời chỉ trở lại vào cuối ngày, khi mưa vừa ngưng rơi. Đáng yêu như con đường dốc, với những ngôi nhà cũ kỹ và có vẻ ngoài uể oải, dựa vào nhau như những người thủy thủ ngà ngà say, thỉnh thoảng có một tượng Đức Mẹ Maria dưới các cửa sổ khép hờ, chạy ra một hõm biển xếp đầy thuyền của dân chài ở Riomaggiore, cách Manarola chỉ một con đường rất lãng mạn chạy trên núi,

(Via dell'Amore) "Đường Tình yêu". Người ta đi dạo trên đó, chụp ảnh Manarola và Riomaggiore từ đó, hôn nhau và thề thốt yêu đương trên đó, viết tên mình lên những chiếc khóa và ném chìa xuống biển cũng từ đó, khi hoàng hôn phủ một tấm khăn màu đỏ lên tất thảy vạn vật. Người Ý hình như thích lãng mạn hóa những gì họ yêu mến, và những người khác đến đây là để chiêm nghiệm sự lãng mạn một cách "có định hướng". Hàng biết bao nhiêu đôi tình nhân đã đến đây yêu nhau sau khi nhà báo Paolo Monelli đặt tên như thế trong một bài báo của mình vào những năm 1950, cho một con đường bị bỏ hoang nhiều năm, sau khi hoàn thành sứ mệnh phục vụ công trình làm hầm xuyên núi để đường sắt nối thành phố cảng La Spezia, một viên ngọc khác của xứ Liguria, với Genova.

Người ta đến đây từ mọi ngóc ngách của thế giới, để ngẩn người ngắm những buổi bình minh và hoàng hôn như trên thiên đường, và hưởng thụ những tinh hoa của đất và biển. Đất mang đến nho, cho thứ rượu ngọt Sciacchetrà từ bao thế kỷ nay làm say đắm lòng người uống, theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Đất cho thứ ô liu tuyệt nhất của xứ Liguria, từ những khu vườn trên triền núi, được tạo thành các bậc thang nối tiếp nhau từ những bức tường đá mà người dân nơi đây đã xây nên hàng biết bao thế hệ trước để ngăn xói lở. Biển mang đến những đặc sản mà nơi này luôn tự hào, và người ta kiêu hãnh bày những thứ tuyệt vời ấy trên bàn của những quán ăn nổi tiếng mà tôi đã từng có dịp ghé qua: một bữa hải sản Địa Trung Hải đặc biệt ở quán Dau Cila ngay bên bến cảng nhỏ xíu của Riomaggiore, khi bên ngoài bỗng dưng trời đổ mưa rơi; một bữa khác nữa trong một quán có tên Ancora (Mỏ neo) ngay bên bờ biển ở Monterosso al Mare. Người ta đến đây

không phải để ăn pizza hay những món làm từ thịt vốn không thiếu ở những nơi khác trên nước Ý không cạnh biển, mà để ngắm những ngôi làng của Cinque Terre, với những ngôi nhà lô xô bên nhau như một bức tranh khảm nhiều màu sắc, và hưởng thụ cuộc sống nơi này theo đúng cách mà người Ý vẫn làm: ăn đồ biển, uống rượu vang và yêu nhau.

Ở cái dải đất nhỏ và mềm mại như một dải lụa có tên Cinque Terre này, nơi nào cũng đẹp, và một chuyến đi bằng tàu hỏa hoặc đi bộ qua những con đường trên núi đến năm làng nhỏ, "năm vùng đất", như tên dịch ra của Cinque Terre, là khám phá năm sắc thái khác nhau của một cầu vồng cuộc sống. Manarola là màu hồng, như màu những bức tường của các căn nhà nhỏ bé nhưng đầy sức sống. Riomaggiore là màu xanh đến mê hoặc của biển phía trước. Vernazza là màu vàng của nắng, của bức tường những quán nhỏ ở quảng trường trung tâm, một không gian rộng lớn chợt như ùa ra một vịnh nhỏ với những con thuyền đánh cá mong manh đang neo đậu. Corniglia là màu trắng của mây sà xuống vào một buổi chiều muộn, khi tôi lái xe đến đó, dừng lại trước một khúc cua và lặng người chĩa máy ảnh xuống phía ấy, thu gọn vào ống kính cả Corniglia lẫn Manarola ở xa. Monterosso al Mare là màu đỏ của những cây hoa trên các lan can chạy dọc bãi biển dài và thơ mộng.

Hai màu còn lại của cầu vồng, là màu của tưởng tượng, màu của sự lãng mạn mà mỗi người đến đây đều có, và trở về không phải trong những giấc mơ về thiên đường, mà là cảm nhận thực tế, về một thiên đường có thật. Thiên đường ấy không có siêu thị, ô tô bị bắt đỗ từ phía ngoài. Quá khứ xa xăm của những làng chài ấy, từ thổ ngữ địa phương cho đến phong cách sống, vẫn được bảo tồn một cách cẩn thận, dù những

quán bar có bia tươi và nhạc Lady Gaga đã xuất hiện ở đâu đó để chiều lòng du khách. Thời gian như dừng lại ở nơi này. Những người thuyền chài vẫn ra biển đánh cá. Những người phụ nữ của họ vẫn ở nhà chờ đợi họ về và giặt giũ, đem quần áo ra phơi ở cửa sổ. Những chiếc xe bus chở học sinh vẫn chạy qua những con đường nhỏ ở phía ngoài các làng. Những ông bà già thỉnh thoảng vẫn chầm chậm lướt đi trên những chiếc xe lam ba bánh cổ lỗ sĩ. Mùi biển mát rượi tràn lên trong không khí, và mỗi ngày trôi qua là cảm giác tiếc nuối lại trào lên như bất tận, khi sắp phải xa Cinque Terre.

Ngày cuối cùng ở Cinque Terre, tôi dậy từ sớm. Biển vẫn ào ạt phía dưới chân núi. Một chiếc ca nô từ La Spezia đến những ngôi làng của Cinque Terre để lại một vệt nước trắng xóa chạy dài phía sau lưng. Cảm giác thanh bình sớm mai của một nơi rất xa Roma lúc nào cũng ồn ào chắc chắn sẽ còn mãi. Tôi lái xe chạy tiếp lên phía bắc, dọc bờ biển Liguria, trên những cung đường hết lên lại xuống lưng chừng núi, qua những ngôi làng, những thành phố nhỏ đẹp mê hồn, từ Sestri Levante, Rapallo, Santa Margherita Ligure cho đến Portofino, một thiên đường khác ở xứ biển lộng gió này.

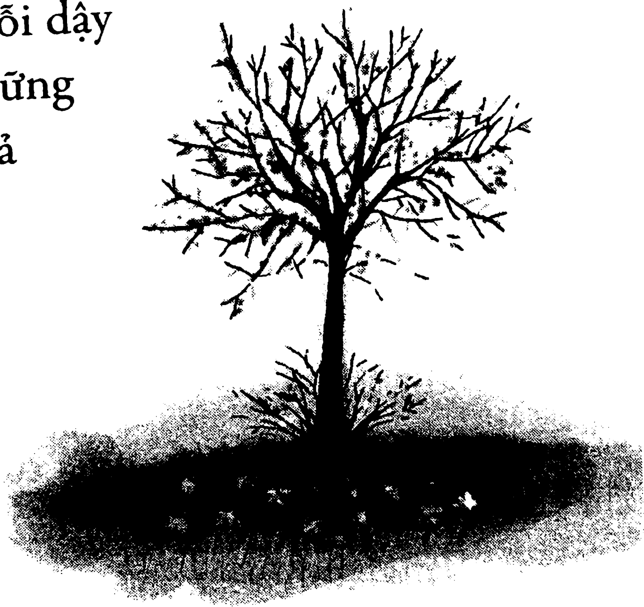
Không, tôi chưa muốn về nhà...

Những mùa xuân trên nước Ý

Mà thực ra, cũng không cần phải đi quá xa mới biết mùa xuân đã đến như thế nào. Ta không cần phải tìm kiếm nó, vì nó đến bên ta, gõ cửa sổ một cách nhè nhẹ, chầm chậm vào một buổi sáng. Ta kéo cửa lên và hơi ấm ùa vào nhà...

Primavera, mùa xuân, đầu tiên là màu xanh, màu xanh của trời, màu xanh của cỏ, màu xanh của biển. Ánh nắng cũng mát hơn, dịu hơn và đầy hương thơm của đất trời, của những mầm sống đang vươn lên từ đất, từ cây, từ trong lòng người.

Tôi đã qua mấy mùa xuân ở nước Ý, và mùa xuân nào đến cũng cảm thấy có một điều gì đó khác lạ trong mình đang trỗi dậy mỗi khi lái xe dọc trên những con phố của Roma, ngắm cả một quầng tím của hoa Judas đang nở trên cây và loang lổ trên mặt đất, khi dạo chơi ở công viên lớn sau nhà và chứng kiến những bông hoa thạch thảo



đang lan trên mặt cỏ, những bông hoa màu trắng như hoa xoan vương trên cành cây. Đấy là cảm giác mình rất trẻ, mình rất sống và mình khao khát đi. Sau đó là màu vàng của hoa cải vương mênh mông dọc những con đường quốc lộ tôi đã đi qua giữa những thành phố, những cung đường quen thuộc mà năm nào cũng rực những hoa vào cuối tháng Ba, nhất là những ngọn đồi vàng rực của xứ Toscana.

Phải, tháng Ba, mùa xuân khẽ mở cánh cửa sổ và ùa vào phòng tôi trong ánh nắng đầu tiên của một ngày Chủ nhật. Tiếng chuông nhà thờ vang lên đâu đó, tiếng gió xào xạc trên những hàng cây ngoài hiên và công viên sau nhà. Mùa xuân nào của tôi ở nước Ý cũng bắt đầu như thế, thường là vào một Chủ nhật đầy nắng và gió, cùng lúc ở nơi này, đồng hồ đã nhảy lên một tiếng nữa, báo hiệu giờ mùa đông đã kết thúc, ngày bắt đầu dài hơn, nắng lâu hơn. Thế đấy, "primavera", mùa xuân, một từ đẹp và giống cái. "Inverno", mùa đông, là một từ xấu và giống đực. Những trang nhật ký của tôi về mùa xuân đầu tiên trên đất Ý đã được viết ngắn gọn như thế, sau một buổi chiều choáng ngợp với sắc vàng rực rỡ của hoa mimosa trên một con phố ở Torino, miền Bắc nước Ý, và ngay sau đó, một chuyến đi dọc con đường cao tốc trở về nhà. Con đường ấy đẹp quá. Trong nắng rực rỡ xua đi một cách dứt khoát những ngày mưa lạnh và trời xám xịt đã qua là những thảm hoa cải nở vàng ở một cánh đồng xứ Umbria, những ngọn đồi mướt lên màu xanh của xứ Marche, và cuối cùng, những dãy phố nở hoa ở Trapani, miền Tây đảo Sicilia.

Nhiều năm sau, nhiều mùa xuân sau những trang nhật ký đầu tiên ấy, cảm giác choáng ngợp khi xuân về và đông qua vẫn như thuở ban đầu. Và sau mỗi chuyến đi vào mùa xuân ở một

nơi nào đó trên đất nước hình chiếc ủng, lại dậy lên một nỗi buồn và tiếc nhớ nào đó: ở ngoài kia, trên những con đường, ở những nơi ta vừa ghé qua, mùa xuân đang lên rực rỡ, nhưng ta phải trở về nhà. Cái không khí rạo rực ấy giống như luồng sức mạnh và tuổi trẻ ùa vào cơ thể, khi hít một hơi cho căng lồng ngực, dù trời vẫn còn se lạnh, khi chạy vội ra công viên, chui vào một khóm cây dại rậm rạp mà sau khi chuyển mùa, đã từ một màu xám xịt chết chóc và tưởng như không thể tồn tại được nữa, vì có vẻ như nó không có lý do gì để sống nữa, thành một quả bóng khổng lồ màu trắng. Những bông hoa nho nhỏ tôi không hề biết tên ấy không có mùi, nhưng những chú ong nhỏ đang vo ve xung quanh, những đứa trẻ đang chơi cũng lao vào bụi cây trong một niềm sung sướng kỳ lạ, khi chỉ sau mấy ngày tạnh mưa và trời quang hơn, công viên trở thành một thế giới khác. Những thân cây khẳng khiu trút lá suốt mùa thu nay tươi tỉnh dưới bầu trời trong trẻo. Mùa xuân như một làn sóng hạnh phúc đang ùa về.

Mà thực ra, cũng không cần phải đi quá xa mới biết mùa xuân đã đến như thế nào. Ta không cần phải tìm kiếm nó, vì nó đến bên ta mà ta không hề hay biết, khi tối và đêm trước vẫn còn lạnh và mưa. Nó gõ cửa sổ phòng ta một cách nhẹ nhẹ, chầm chậm vào một buổi sáng. Ta kéo cửa lên và hơi ấm ùa vào nhà, làm rung rinh ri đô. Ở cây đào trong sân nhà tôi tại Roma đã chúm chím nụ đỏ và lá tươi mới nhú xanh mơn mởn dưới nắng trời. Mấy chú chim không sợ người nhảy bản tango trên sân nhà. Ở công viên bên cạnh, một cuộc lột xác mạnh mẽ không thể tin được đã diễn ra. Chỉ cần bẵng đi một tuần không rảo bước trên đó vì những ngày cuối tháng Hai thường mưa nhiều và lạnh, ta sẽ sững sờ chứng kiến những điều

kỳ diệu của thiên nhiên: những khóm cây lớn tôi không biết tên là gì tuần trước còn ủ rũ và buồn bã trong cái lạnh bỗng nhiên phủ lên một lớp hoa trắng muốt, rung rinh và thơm ngai ngái mùi hương mới; cỏ xanh và ngan ngát hương vị của cuộc sống mới; những đám hoa cúc, tần bì, những cây hoa trắng và cả giống hoa thuốc phiện đã vươn lên đỏ chói làm thành một thảm màu nhiều sắc trên cỏ. Và bao trùm công viên là màu tím rực rỡ của hoa Judas. Công viên rất nhiều hoa Judas, rải rác trên những con đường leo lên đồi, từ đó buông tầm mắt tới cả khu Centocelle với nóc những nhà cũ kỹ màu nâu đỏ, những cần cẩu và tháp nhà thờ. Trời ơi, màu tím ngắt dưới trời xanh sâu thăm thẳm mới đẹp nao lòng biết bao.

Chợt nghĩ đến cảm giác sống đang trỗi dậy mạnh mẽ của công tước Andrey Bolkonski trong tác phẩm *Chiến tranh và hòa bình* của Lev Tolstoy khi đi qua cây sồi già mục ruỗng và dường như cô độc trong cuộc sống buồn tẻ đã đột nhiên biến mình thành một thực thể sống mơn mởn yêu đời. Thực ra, đấy là tâm trạng đã thay đổi đến không ngờ của chàng sau khi gặp Natasha và nghe tiếng nói thánh thót của nàng trong một đêm sáng trăng. Vậy thì điều gì đang thay đổi trong tôi, khi mỗi mùa xuân về cũng là lúc đời mất thêm một năm sống? Không biết nữa. Nhưng tôi đã đọc được ở đâu đó trong những trang sách của Viktor Nabokov(*) về những hàng cây bồ đề, những dòng viết của Gabrielle Colette về những đóa hoa violet đỏ và cả những vần thơ của Pablo Neruda về hoa anh đào nở hồng

*. Viktor Nabokov (1899-1977), nhà văn người Nga, nổi tiếng với tác phẩm *Lolita* được dựng thành phim và dịch ra nhiều thứ tiếng. Đã xuất bản ở Việt Nam bởi Nhã Nam, 2012.

trong nắng xuân, nhưng chưa từng có ai nói với tôi về những cây Judas mà những cánh hoa rơi vương vãi trên các hè phố Roma giống như một biển màu tím thỉnh thoảng lay động mỗi khi có gió hay một chiếc xe nào đó vụt qua, chưa từng có ai dẫn tôi đến những cánh đồng bỗng dưng trở nên đỏ rực những hoa dại ở Val d'Orcia của xứ Toscana, chưa từng có ai chỉ cho tôi những bông hoa tử đinh hương nửa như tím nhạt, nửa như hồng tươi bên hồ Bolsena không xa Roma mà mặt nước xanh biếc, thỉnh thoảng in hình một đám mây mờ bay qua. Tôi tự nhủ, ta đã sống bao năm trên đời, chứng kiến bao mùa xuân ở một góc trời nhỏ bé của thế giới, thấy mình nhỏ bé và đôi khi cô độc, để rồi bây giờ mới hiểu rằng, khi chìm trong một biển màu sắc của đất trời mùa xuân, tôi đã khao khát đi, khao khát sống và khao khát thoát ra khỏi cái góc nhỏ bé ấy đến mức nào.

Lại nhớ một mùa xuân đã đón tôi trên mảnh đất Sicilia. Trên con đường đến khu đền Hy Lạp cổ đại ở Segesta, mùa xuân đã hóa vàng trên những cánh đồng hai bên đường, trên nền trời xanh thẫm với những đám mây trắng trôi lững lờ. Mà thực ra, ở cái nơi mà đồng hồ và ý nghĩa về mặt thời gian chưa bao giờ được Tạo hóa tôn trọng ấy, mùa xuân dường như đã đến sớm hơn ở những nơi khác trên đất Ý. Mùa xuân tồn tại, không đi đâu hết trong nhiều tháng, gợi lên trong lòng những ai đã đến đây một tình yêu cuộc sống mạnh mẽ và tinh khiết tràn đầy. Mê hoặc là hương thơm của hoa cỏ trên một cánh đồng với những mảng màu xanh và vàng chạy đến hết chân trời, nơi có một ngọn núi án ngữ và trước đó là một trang trại nhỏ. Hạnh phúc là khi bước lên ngọn núi mà những con người cần mẫn nhưng lãng mạn của hơn hai nghìn năm trước đã dựng lên cả một quần thể kiến trúc lớn đến thế, từ thờ thần Vệ Nữ cho đến

nhà hát thời La Mã, ta đứng trước cả một vùng núi non chạy mát mắt và tưởng tượng ngày xưa, giữa mây trời và mùa xuân lồng lộng, những con người yêu ca hát và kịch của ngày đó đã biểu diễn như thế nào.

Lại nhớ biển của một ngày mùa xuân tháng Tư trên đảo Elba(*). Biển xanh thẳm và trời xanh ngắt khi con phà chở tôi ra đảo. Màu xanh ấy hòa cùng màu của cây, màu xanh của những chiếc xe lam ba bánh chạy dọc ngang hòn đảo nhỏ, màu xanh của những cánh đồng nho trên con đường đến Portoferraio, thủ phủ đảo, màu xanh mờ xa xa của đảo Corsica(**) và Sardegna trước mặt. Từ núi Capanne cao nhất Elba, màu xanh ấy trở thành một nỗi ám ảnh lạ lùng với những ai đã leo lên đến đỉnh và phóng tầm mắt xuống phía dưới. Trời vẫn lạnh, nhưng không khí đã đượm vị thơm ngát của mùa xuân đã về. Xa xa phía dưới là những thị trấn nhỏ, xa nữa ngoài biển là đảo Montecristo mà Alexandre Dumas đã đặt tên cho nhân vật chính của mình trong cuốn *Bá tước Montecristo*. Elba đầy quyến rũ, và người duy nhất muốn rời bỏ nơi đây có lẽ là Napoleon, dù người ta đã dành cho ông một dinh thự lớn có bao lơn nhìn ra vịnh biển ở Portoferraio. Vị Hoàng đế Pháp đã trốn khỏi nơi đây hai thế kỷ trước trong một đêm tối trời, khi xuân còn chưa đến, để rồi trở về Pháp và bắt đầu cuộc phiêu lưu quyền lực và quân sự mới. Ông yêu nơi này, nhưng ông yêu bản thân ông hơn. Tôi thì khác, tôi cũng yêu nơi này, yêu bản thân mình, nhưng đã đến đây là chỉ muốn ở lại. Thật khó có thể bỏ nơi này ra đi mà không ngoái đầu lại.

---

*. Hòn đảo nhỏ nằm ở ngoài khơi xứ Toscana, miền Trung Italia.

**. Hòn đảo thuộc Pháp, là quê hương của Hoàng đế Pháp Napoleon Bonaparte.

Và nhớ ánh mặt trời đột nhiên lóe ra sau một dải mây đen đặc chạy trên bầu trời xứ Puglia vào một ngày tôi lái xe đến đó. Vài ngày trước đó giống như những cái cựa quậy cuối cùng của mùa đông ở một trong những nơi đẹp nhất nước Ý. Những cây ô liu hai bên đường trở nên xám xịt. Những cánh đồng như có ma ám. Những chóp nhọn xếp bằng đá của các ngôi nhà bằng đá u ám và mệt mỏi, ám ảnh như những bóng ma. Thế rồi, chỉ cần nắng lên, mưa ngớt, trả lại cho bầu trời sắc xanh trong vắt, đột nhiên thấy mình choáng ngợp giữa một vùng căng đầy sức sống. Xe dừng lại ở Punta Ristola, nơi xa nhất về phía đông của nước Ý. Đấy là một mũi đất nhô ra biển và từ ngọn đèn biển cách đó không xa, có thể thấy nước của hai biển, biển Adriatico và Ionio nhập làm một. Santa Maria di Leuca, từng là một xóm chài nhỏ của xứ Puglia, với mũi Punta Ristola, chính là điểm tận cùng của gót ủng Italia. Mùa xuân ở đấy mạnh mẽ trong những cơn gió, ầm ĩ trong tiếng sóng biển và ngọt ngào trong hương vị cappuccino tôi đã uống ở một quán nhỏ trên đường đến Leuca.

Bỗng nhớ cái cảm giác yêu đời đến phát khóc khi mấy năm trước đó, cũng đứng ở một mũi đất, nơi tận cùng châu Phi, nhìn thấy màu nước của Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương hòa vào nhau làm một. Bất giác nhắm mắt lại, dang hai cánh tay, tôi hít một hơi căng tràn lồng ngực và cảm ơn đời đã cho tôi sống, để rồi một ngày, đến đây, giữa mênh mông trời và nước, trong cảm giác đã ở nơi tận cùng của thế giới. Tận cùng của nước Ý là một cảm giác khác, không choáng ngợp và quá đỗi xúc động như thế nữa, mà là yêu những chuyến đi, yêu những con người dọc đường vô tình gặp, yêu mùa xuân và yêu mảnh đất mà tôi đã gắn bó rất nhiều năm trong cuộc đời này.

Tôi gấp trang nhật ký mới viết về mùa xuân ở nước Ý, nhắm mắt lại, và cố gắng tưởng tượng ra, mùa xuân những năm tới, mình sẽ lang thang trên những cung đường nào của nước Ý và châu Âu, khi tuyết vừa tan, sương đã ngớt và hoa mới nở...

Nghĩ về *Nghìn ngày nước Ý, nghìn ngày yêu*

- *Đối với nhiều người trong số chúng ta, Trương Anh Ngọc là một khuôn mặt quen thuộc qua những buổi bình luận bóng đá, những tấm ảnh, những bài báo và những câu chuyện về chuyến đi của anh ở nhiều nơi trên thế giới.*

  Anh đi, viết và chụp ảnh một cách hăm hở, đam mê với khát khao tìm hiểu, khám phá đến tận cùng của cái đẹp. Nhưng tình yêu anh dành cho nước Ý thì lớn hơn tất thảy, và đáng ngưỡng mộ, vì dường như đây chính là quê hương thứ hai của Ngọc, nơi đã mở rộng tầm nhìn cho anh, nuôi dưỡng tâm hồn anh và thổi bùng khát vọng yêu thương trong anh.

  Cùng với cuốn Nước Ý, câu chuyện tình của tôi, *cuốn sách này lôi cuốn chúng ta vào từng ngõ ngách của các con phố trên các nẻo đường của nước Ý, làm ta ngây ngất trước những bức tượng, quảng trường, công trình, di tích, thậm chí trước một quán cà phê hay một ô cửa sổ, bởi đằng sau nó là những tâm hồn người Ý, là hương vị Ý, là chất Italiano không lẫn vào đâu được.*

  Qua ngòi bút của anh ta thấy được một nước Ý đặc sắc, con người Ý nồng nhiệt, chân thành, đất nước Ý đẹp đến từng xen ti mét, văn hóa Ý sâu sắc, đa dạng, ẩm thực Ý thơm và đậm đà mãi nơi đầu lưỡi. Bao quát hơn cả là một tâm hồn Ý nhân hậu, thiết tha, da diết, nồng nàn có sức lan tỏa và ảnh hưởng to lớn.

  Cảm ơn anh đã làm chúng tôi hiểu hơn, yêu hơn và khâm phục hơn về đất nước, con người và văn hóa Ý mà chúng tôi vốn đã

quý, yêu và ngưỡng mộ. Anh xứng đáng là một Sứ giả Văn hóa của cả Ý và Việt Nam.

- Phạm Sanh Châu, Đại sứ

➢ *Tôi biết Trương Anh Ngọc đã từ khá lâu rồi. Hồi đấy, hình như vào những năm 1998-2000 gì đó, khi được xem anh bình luận thể thao trên Đài PT&TH Hà Nội, tôi đã thấy rất có cảm tình với cái cách nói, cách lập luận, cách bình bán các sự kiện cũng như cách anh khai thác, phát triển các góc nhìn đa chiều, hết sức logic, đầy chất trí tuệ và cũng rất khoa học về những sự kiện từ những chi tiết nhỏ nhất. Tôi đã "mê" chàng trai này đến mức, không dưới một lần, ngỏ ý mời anh về đầu quân cho VTV3. Thật tiếc là Trương Anh Ngọc đã "phớt lờ" VTV! Nhưng càng về sau này, tôi càng thấy đó là quyết định đúng của Trương Anh Ngọc, khi mà anh được cử sang Ý công tác. Với tôi, ít có người Việt Nam nào yêu nước Ý, hiểu người Ý, như Trương Anh Ngọc! Vì thế độc giả Việt Nam mới có cơ hội để tìm hiểu về đất nước và những con người Italia qua cuốn sách* Nước Ý, câu chuyện tình của tôi, *và bây giờ là* Nghìn ngày nước Ý, nghìn ngày yêu *của anh!*

Đọc Trương Anh Ngọc, tôi vẫn nhận thấy ở anh những "tố chất" đã khiến tôi "mê mẩn" từ cách đây hai chục năm về trước. Đất nước hình chiếc ủng với những quảng trường, những con phố lớn, nhỏ, những hàng ăn, những quán cà phê, những con người bình dị..., tất cả đều được Trương Anh Ngọc vẽ thành một bức tranh bằng chữ một cách sống động nhất, chân thực nhất, và cũng lãng mạn nhất. Trương Anh Ngọc khiến tôi liên tưởng đến hình ảnh của các chàng cao bồi trong điện ảnh: đó là những chàng trai tài giỏi, có thể vừa phi ngựa, vừa bắn súng bằng cả hai tay, thích cuộc sống tự do, mê lang thang đây đó, ưa mạo hiểm và vô cùng dũng cảm! Đọc Trương Anh Ngọc, vừa thấy những quan sát tinh tế, chi tiết của một nhà báo, lại thấy cả những cảm xúc đầy chất nhân văn và không kém phần thi vị, lãng mạn của một nhà văn.

Nước Ý, người Ý cần phải biết ơn anh, vì nhờ đó mà có nhiều người Việt Nam yêu đất nước và con người của họ hơn! Rất có thể đó là lý do khiến tôi muốn được gọi anh là "chàng cao bồi đáng yêu" trong làng báo Việt Nam!

- Lại Văn Sâm, nhà báo

➢ *Anh Ngọc có điều kiện để biết và đến nước Ý khiến cho bạn bè ghen tị. Nhưng không thể bì được việc "người í" đã sống thực sự như một người Ý. Với tôi những gì thuộc về nước Ý: bóng đá, Roma, cappuccino, pizza,* Bố già..., *còn có tên Anh Ngọc. Bởi với riêng tôi, những câu chuyện bên vỉa hè cà phê Hà Nội cùng với anh, luôn hướng về Ý, đầy đam mê, tường tận và trìu mến.*

Trong khoảng thời gian về lại Việt Nam giữa hai lần sang Italia công tác, chúng tôi có nhiều dịp ngồi cùng nhau. Nước Ý nói riêng và văn minh châu Âu ám ảnh Anh Ngọc đến mức người ở một nơi - hồn tại một nơi. Lúc ấy tôi hiểu rằng, anh cần phải sống thêm nhiều lần nữa ở Ý, sống cho kiệt cùng những câu hỏi mà tự anh cần kiếm câu trả lời. Nếu Ngọc có về Việt Nam lần nữa, rồi thì anh lại sẽ đi thôi, một vùng đất hoặc một con đường nào đó khác về Roma - thênh thang, trầm tích và huyền hoặc...

Mỗi lần trở về có một cuốn sách. Đi và kể lại, sống và để lại... đó là một lý tưởng tuyệt vời. Đối với Anh Ngọc, chia sẻ một tình yêu riêng, truyền cảm hứng dịch chuyển, kích thích những ngòi bút... là điều anh đã làm được đối với những độc giả của mình. Và mối tình mãn khai của Ngọc với nước Ý là cuốn sách thứ hai bạn cầm trên tay. Tôi đã đọc khi nó chưa có tên và thử đặt giúp anh. "Tôi đã từng" - cụm từ anh dùng rất nhiều là một gợi ý hay. Nhưng tôi thích gọi tên cuốn sách này là Người Ý - của "người í" - người đã cảm nhận được nhịp tim nước Ý ngay cả trong nhịp bước đời thường.

- Chu Minh Vũ, nhà báo

NGHÌN NGÀY NƯỚC Ý, NGHÌN NGÀY YÊU

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN QUANG QUÝ
Chịu trách nhiệm bản thảo
TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập	Tạ Viết Đãng
Biên tập viên Nhã Nam	Diệu Thủy
Thiết kế bìa	Tạ Quốc Kỳ Nam
Trình bày	Hồng Nhung
Sửa bản in	Đỗ Hằng

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội
Tel & Fax: 04 38222135
Email: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn
http://nxbhoinhavan.com
Chi nhánh miền Nam
371/16 Hai Bà Trưng - Q3 - TP. HCM
Tel & Fax: 08 38297915
Email: nxbhnv.saigon@gmail.com
Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên
42 - Trần Phú - thành phố Đà Nẵng
Tel: 0511 3849516
Email: nxbhnv.mientrungtaynguyen@gmail.com
Chi nhánh miền Tây Nam Bộ
314C - Hoàng Lam - thành phố Bến tre
Tel: 075 3812736 - 01699808386
Email: nxbhnvmekong@gmail.com

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM
59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 35146875 | Fax: 04 35146965
Website: www.nhanam.vn
Email: nhanambook@vnn.vn
http://www.facebook.com/nhanampublishing
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 38479853 | Fax: 08 38443034
Email: hcm@nhanam.vn

In 3.000 cuốn, khổ 14x20.5cm tại Công ty CP In Viễn Đông (km 19+400, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên). Căn cứ trên số đăng ký xuất bản: 904-2017/CXBIPH/30-23/HNV và quyết định xuất bản số 373/QĐ-NXBHNV của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ngày 31.3.2017. Mã ISBN 978-604-53-8532-6. In xong và nộp lưu chiểu năm 2017.